

Nguyễn Văn Lý

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương



- 1 -

Người Hùng Sơn-Bản Ngũ-Thập-Lục

Ngày nay hẳn người Nhật vẫn còn nhớ tới hàng trăm ngàn binh sĩ của họ đang yên nghỉ trong lòng biển, suốt từ Thái Bình Dương cho mãi tới tận Ấn Độ Dương. Họ cũng có thể nghe thấy tiếng thì thầm phẫn uất từ đáy đại dương của những vong hồn thủy thủ này, những chiến sĩ can trường của Hải Quân Hoàng Gia Nhật đã hy sinh đời mình không thương tiếc, nhưng đã thất bại không đem lại được vinh quang cho Nhật Hoàng và tổ quốc. Đây là những chiến sĩ hải quân Nhật một thời tung hoành chiến đấu theo nhật lệnh của đô đốc Yamamoto, đã làm Thái Bình Dương dậy sóng, đi từ chiến thắng này tới chiến thắng khác, và

đã đánh bại hải quân hùng mạnh của Hoa Kỳ, Anh quốc và Hòa Lan. Trong suốt hơn một năm, từ chiến thắng hiển hách tại Trân Châu Cảng ngày 7-12-1941 cho tới ngày 18-4-1943 bị không quân Mỹ phục kích ám sát tại đảo Bougainville, đô đốc Yamamoto quả thực là một con rồng của huyền thoại, gây sóng gió và làm chủ một chiến trường mênh mông, bao gồm cả Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Các địch thủ của Yamamoto vừa căm hận ông vừa kính sợ ông, một chiến lược gia hải quân phi thường trong đệ nhị thế chiến.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 2 -

Thằng Bé Năm-Mươi-Sáu

Yamamoto chào đời ngày 4-4-1884, giữa một mùa hoa anh đào trong một căn nhà nhỏ bé nghèo nàn tại vùng Nagaoka, một nơi nổi tiếng nhiều tuyết về mùa đông. Thân phụ ông, Sadakichi Takano, là một cựu võ sĩ đạo. Trong một cuộc chiến giữa hai phe võ sĩ đạo, phe ông bại trận, và do đó ông lâm vào cảnh nghèo túng. Sau khi dẫn vợ và bốn con trai đi lưu lạc một thời gian, Sadakichi Takano trở về làng cũ để trở thành một giáo viên trường làng. Nhưng đúng lúc đó bà vợ chết, và Sadakichi tục huyền với em gái của vợ là Mineko. Mineko sinh được ba người con nữa, hai trai một gái, và Yamamoto là con út của ông bà Takano.

Ngày 4-4-1884, Sadakichi đang ngồi chơi cờ với một người bạn già thì một đứa con của ông chạy lại báo tin, vợ ông đang đau đẻ và cần một cô đỡ. Sadakichi sai đứa con đi tìm cô đỡ và vẫn tiếp tục chơi cờ như không có gì quan trọng cả. Không phải Sadakichi là một con người chai đá, nhưng lúc đó ông đã già rồi và đứa con sắp sinh là đứa con thứ bảy của ông, nên ông cũng không hào hứng lắm. Khi bà vợ đòi ông đặt tên cho con thì ông nói: "Năm nay ta đã 56 tuổi rồi. Thôi hãy gọi nó là Năm-Mươi-Sáu." Trong tiếng Nhật, Isoroku có nghĩa là 56, và cái tên đầu tiên của danh tướng Yamamoto là Isoroku Takano. Mãi về sau này ông mới đổi tên là Isoroku Yamamoto.

Tuy Sadakichi đón nhận đứa con trai thứ bảy một cách thờ ơ, nhưng dần dần Isoroku trở thành nguồn vui lớn của ông. Hàng ngày ông già kể cho đứa con nhỏ nghe về những chuyện võ sĩ đạo trong gia tộc ông, những trận đánh đẫm máu giữa các lãnh chúa, và dạy Isoroku viết chữ Hán. Sadakichi rất ghét người tây phương nhưng khi bà Newall, một nhà truyền giáo Mỹ, tới dạy học trong vùng thì ông lại cho các con ông học với bà Newall. Chính bà Newall đã giới thiệu đạo Thiên Chúa cho Isoroku và sau này ông có thói quen đọc Thánh Kinh.

Gia cảnh một giáo viên rất là nghèo túng. Cái gia đình đông đúc chín người đó sống chen chúc trong một căn nhà gồ nhỏ bé. Về mùa đông lạnh cắt da thịt,

Isoroku chỉ được mặc một chiếc áo kimono bằng vải sợi do mẹ may. Nhà nghèo không có tiền mua sách nên Isoroku phải đi mượn sách về và chép lại để học. Khi lên trung học, Isoroku rất yêu chuộng thể thao, nhất là môn dã cầu, bơi lội và chạy. Trong một lần đi câu một mình, thuyền của Isoroku bị lật vì biển động. Cậu bé phải bơi vào một hang động ngoài khơi, và nằm chờ hai ngày sau biển lặng rồi mới bơi trở vào bờ.

Là một thiếu niên cường tráng, yêu thể thao, thấm nhuần tinh thần võ sĩ đạo và yêu thích biển cả, nên năm 15 tuổi Isoroku quyết định ghi tên vào trường sĩ quan hải quân Etajima. Isoroku đã chọn ngành hải quân đúng lúc Minh Trị Thiên Hoàng đang quyết tâm phát triển hải quân Nhật, theo khuôn mẫu của hải quân tây phương.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 3 - Thần Phong

Nhật Bản là một quốc gia hải đảo, nên từ lâu đời các lãnh chúa Nhật đã phải nhìn nhận việc phát triển hải quân, để kiểm soát biển cả và phòng vệ đất nước là việc rất hệ trọng. Kinh nghiệm hải chiến đầu tiên của Nhật Bản xảy ra từ cuối thế kỷ 13, khi vua Mông Cổ Hốt Tất Liệt tập trung một hạm đội hùng hậu tại Cao Ly nhằm xâm lăng Nhật Bản. May mắn cho người Nhật là khi hạm đội Mông Cổ tiến tới gần Nhật Bản thì một cơn bão lớn nổi lên, đánh đắm tất cả hạm đội xâm lăng của Mông Cổ. Người Nhật gọi cơn bão cứu tinh đó là Thần Phong, trận Gió Thần đã cứu dân tộc Nhật khỏi cảnh tàn phá và nô lệ.

Đến thế kỷ 16, đại lãnh chúa Hideoshi phái một hạm đội mở cuộc viễn chinh đầu tiên tiến chiếm Cao Ly, nhưng hạm đội Nhật bị hải quân Cao Ly đánh tan. Hideoshi quyết phục thù một lần nữa. Lần này hải quân Nhật mở cuộc tấn công bất ngờ trong lúc Nhật và Cao Ly đang thương thuyết. Quân Nhật thành công đổ bộ lên Cao Ly, nhưng người Cao Ly được người Trung Hoa giúp đỡ thành lập một hạm đội, và đánh bại được hải quân Nhật. Hai lần bị đánh bại, Hideoshi căm phẫn và ra một đạo luật cô lập Nhật Bản, không giao tiếp với thế giới bên ngoài trên hai thế kỷ, cho tới khi hạm đội Mỹ của Perry tới uy hiếp, bắt buộc Nhật Bản phải mở cửa giao thương với thế giới bên ngoài.

Năm 16 tuổi, Isoroku dự cuộc thi tuyển vào trường Etajima. Vì có quá nhiều thí sinh dự cuộc thi tuyển, Isoroku không lạc quan lắm, và dự định sẽ theo nghề giáo viên của thân phụ nếu thi rớt. Nhưng Isoroku đậu thứ hai trong số 300 thí sinh. Các khóa sinh tại Etajima phải trải qua một giai đoạn huấn luyện rất khắc khổ trong bốn năm, và phải sẵn sàng dâng hiến đời mình cho vinh quang của Nhật Hoàng và tổ quốc. Mỗi ngày, khóa sinh phải bơi ba giờ liền. Đến mùa hạ, họ phải sống ngoài trời trên một hòn đảo cách trường Etajima 16 cây số. Sau đó tất cả phải bơi về Etajima trong suốt khoảng cách 16 cây số đó. Sau mỗi lần bơi

như thế thì 10% khóa sinh bị loại vì thiếu sức khỏe. Sự huấn nhục ấy đã tạo họ thành những thủy thủ giỏi. Ngày 14-11-1904, Isoroku tốt nghiệp thiếu úy hải quân hạng thứ bảy trong số 200 tân sĩ quan. Đúng lúc ấy, Nhật Bản đang sửa soạn cho một trận hải chiến lớn đầu tiên.

Vào thời kỳ đó, các nước tây phương tập nập đi chiếm thuộc địa tại Á Châu và Phi Châu. Nhật Bản cũng muốn nhập cuộc, và nơi Nhật Bản thèm muốn nhất là vùng Mãn Châu thừa người và giàu tài nguyên, nhưng Mãn Châu đã bị Nga Sô chiếm rồi. Nhật Bản rất coi thường Nga Sô và muốn đẩy Nga Sô ra để chiếm lại Mãn Châu. Đô đốc Irii có nhiệm vụ gây hấn với chiến hạm Nga Variag đang bỏ neo tại hải cảng trung lập Chemulpo của Cao Ly. Đô đốc Irii khiêu khích và đánh đắm được chiến hạm Variag và đổ quân lên Cao Ly. Trong lúc cuộc thương thuyết giữa Nga Sô và Nhật Bản tiếp tục, hải quân Nhật dùng tàu phóng thủy lôi mở cuộc tấn công bất thần về ban đêm vào hạm đội Nga tại hải cảng Lữ Thuận. Hải quân Nhật đánh đắm được một tuần dương hạm và phá hủy ba chiến hạm của Nga. Sau đó đô đốc danh tiếng của Nhật là Togo mở cuộc phong tỏa hải cảng Lữ Thuận trong nhiều tháng, dụ chiến hạm Nga xuất trận. Nhưng tất cả mọi chiến hạm Nga xuất trận đều bị hải quân Nhật đánh chìm.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 4 -

Trận Hải Chiến Đối Mã

Thiếu úy Isoroku rất sung sướng được bổ nhiệm vào chiếc hộ tống hạm Nisshin có nhiệm vụ bảo vệ soái hạm Mikasa của đô đốc Togo. Đây là cơ hội hân hỷ cho tân sĩ quan Isoroku được quan sát chiến pháp của một trong những đô đốc vĩ đại nhất. Nga Sô phải điều động một hạm đội gồm 27 chiến hạm từ Âu Châu sang giải vây cuộc phong tỏa của Togo. Hạm đội Nga phải mất bảy tháng để di chuyển từ biển Ban-Tích tới Thái Bình Dương. Ngày 14-4, hạm đội Nga bỏ neo nghỉ tại vịnh Cam Ranh của Việt Nam, cho đến ngày 18-4 thì tiếp tục cuộc hành trình tiến về Hải Sâm Uy.

Đô đốc Togo đã sẵn sàng. Lực lượng của Togo gồm có bốn chiến hạm, tám tuần dương hạm lớn và một số tuần dương hạm nhỏ, và nhiều tàu phóng thủy lôi. Lực lượng Nga có tám chiến hạm, nhưng chỉ có ba tuần dương hạm lớn. Hải quân Nga có nhiều súng lớn gấp hai lần hải quân Nhật, nhưng súng của Nhật tối tân hơn và bắn nhanh hơn. Ngày 26-5, đô đốc Togo chuyển hạm đội tới căn cứ tại núi Mã Sơn, ngay tại eo biển Đối Mã tại Cao Ly để chờ hạm đội địch. Đêm đó là phiên trực của thiếu úy Isoroku. Đó là một đêm sương mù. Đúng 4 giờ sáng, Isoroku hết phiên trực và xuống hầm tàu để ngủ. Bỗng khoảng 4:45 thì có tín hiệu từ soái hạm: "Hạm đội địch xuất hiện tại tọa độ 203, tiến từ phía tây qua Đối Mã."

Trên soái hạm Mikasa, đô đốc Togo được đánh thức dậy, và trên chiếc hộ tống

hạm Nisshin, Isoroku cũng được thủy thủ lay dậy. Isoroku mặc vội binh phục và chạy lên boong tàu. Hạm đội Nga vẫn đang tiến vào điểm hẹn với tốc độ 12 hải lý một giờ. Đô đốc Togo dự định dừng địch tại ngoài khơi đảo Oki vào lúc hai giờ chiều. Khoảng 1 giờ chiều, tất cả hạm đội Nhật đều im lặng chờ đợi. Isoroku có nhiệm vụ quan sát và ghi chép, rồi truyền tin tức cho hạm trưởng. Đến 1:45 chiều, Isoroku trông thấy hạm đội Nga - 18 chiến hạm từ hướng đông nam tiến tới. Đô đốc Togo dàn thế trận, các chiến hạm Nhật đứng vào đội hình với soái hạm Mikasa dẫn đầu. Rồi bất thần đúng 2 giờ chiều, Togo ra lệnh cho hạm đội Nhật phải chuyển hướng 180 độ, nghĩa là quay ngược lại theo hình chữ U. Súng của hạm đội Nga khai hỏa trước, pháo kích vào các chiến hạm Nhật, gây tổn hại cho một số chiến hạm, nhưng các xạ thủ Nga không xuất sắc lắm, vì không bắn trúng được một mục tiêu nào quan trọng.

Một nửa giờ sau khi các chiến hạm Nhật chuyển hướng, chạy song song với các chiến hạm Nga, các ỏ súng trên các chiến hạm Nhật bắt đầu tấn công vào mạn sườn hạm đội địch, và chiếm được ưu thế. Bây giờ cuộc tàn sát của đô đốc Togo bắt đầu. Hầu hết chiến hạm Nga bị bắn chìm, và hàng ngàn binh sĩ Nga tử thương. Tuy phải mất ba ngày nữa hạm đội Nga mới đầu hàng, nhưng chỉ sau vài giờ giao chiến thì hạm đội Nhật đã chiếm được thế thượng phong, và các chiến hạm Nga đã phải tìm đường bỏ chạy rồi.

Trong cuộc hỗn chiến ấy, một đạn đại pháo của Nga rơi trúng chỗ đứng của Isoroku, và mảnh đạn văng tứ tung. Isoroku bị mất một mảng thịt đùi, hai ngón tay trái bị cắt đứt, và trên người trúng rất nhiều mảnh đạn nhỏ. Ngay từ giả gia đình đi nhận nhiệm vụ, Isoroku được bà mẹ tặng cho một chiếc khăn tay làm kỷ niệm. Isoroku lúc nào cũng giữ chiếc khăn tay của mẹ trong túi. Bây giờ Isoroku dùng chiếc khăn tay của mẹ quần lẩy bàn tay bị thương, và bình tĩnh đứng quan sát trận đánh đầu tiên cho tới lúc kết thúc. Sau này Isoroku gửi về cho mẹ chiếc khăn tay có những vết máu đã khô, để chia xẻ với mẹ niềm hãnh diện được đổ máu cho tổ quốc.

Isoroku được chuyển tới tàu bệnh viện, quần áo đầm máu. Khi người ta cởi bộ quân phục rách nát và đầy máu ra, Isoroku yêu cầu được giữ bộ quần áo ấy làm kỷ niệm. Thân phụ Isoroku trịnh trọng cất giữ bộ quân phục đầm máu của con trong một chiếc thùng gỗ, như là một kỷ vật vinh dự quý giá nhất. Ngày 30-5, Isoroku nhận được giấy khen thưởng của đô đốc Togo, nhưng chàng vẫn phải nằm bệnh viện cho tới tháng 8. Đến tháng 10, Isoroku được thăng trung úy và thuyền chuyển tới trường tác xạ của căn cứ hải quân Yokosuka.

Cuộc hải chiến tại eo biển Đồi Mã có ảnh hưởng rất nhiều tới tương lai của Isoroku. Isoroku cho là may mắn được chứng kiến một đô đốc lỗi lạc nhất thời đại, điều động hạm đội và sắp đặt kế hoạch đánh bại một hạm đội địch hùng mạnh ngay từ những phút giao tranh đầu tiên. Đây là một nguồn cảm hứng vô biên đã giúp phát triển tài năng của chính Isoroku mau lẹ nảy nở, để trở thành một đại đô đốc, một chiến lược gia đại tài như chính đô đốc Togo. Trận hải chiến Đồi Mã cũng gây chấn động khắp thế giới. Đây là lần đầu tiên người da vàng đánh bại người da trắng. Người Á Châu rất phấn khởi trước chiến thắng vẻ vang của một dân tộc da vàng như mình, và giảm bớt mặc cảm đối với người da trắng. Còn người tây phương thì bắt đầu gồm người Nhật.

Tổng thống Mỹ Theodore Roosevelt đứng ra hòa giải giữa Nga và Nhật trong

hòa hội Portsmouth. Ngày 5-9-1905, hòa ước Portsmouth được ký kết, với các điều khoản sau đây:

1. Công nhận quyền tối thượng của Nhật Bản về chính trị, quân sự và kinh tế tại Cao Ly.
2. Nga Sô phải nhượng lại các quyền lợi của Nga Sô cho Nhật Bản tại bán đảo Liêu Đông.
3. Các đường hỏa xa tại miền nam Mãn Châu trước kia của Nga Sô nay thuộc về Nhật Bản.
4. Miền nam đảo Sakhalin từ vĩ tuyến 50 thuộc quyền của Nhật Bản.
5. Cả Nga Sô và Nhật Bản phải rút quân đội khỏi Mãn Châu, nhưng được quyền giữ quân để canh phòng các đường hỏa xa.
6. Nga Sô và Nhật Bản không được ngăn cản việc phát triển thương mại và kỹ nghệ của Trung Hoa tại Mãn Châu.
7. Các đường hỏa xa tại Mãn Châu chỉ được khai thác về phương diện thương mại và kỹ nghệ, và không được sử dụng cho các mục đích quân sự.

Nhật Bản có vẻ thắng thế trong hòa hội Portsmouth, đạt được một chỗ đứng quan trọng tại Viễn Đông. Tuy nhiên giới quân phiệt Nhật không hài lòng với hòa ước đã đạt được. Điều quan trọng nhất mà người Nhật muốn đạt được là Nga Sô phải bồi thường chiến phí. Nhật Bản đang rất cần nhiều tiền để phát triển hải quân và đóng chiến hạm mới. Nhưng tổng thống Mỹ e sợ sự bành trướng của Nhật Bản nên bên vực Nga Sô không phải trả chiến phí cho Nhật Bản. Giới quân phiệt Nhật rất căm phẫn và thề sẽ trả thù. Kể từ đây, người Nhật không còn tin tưởng người tây phương nữa.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 5 -

Người Vợ Ăn Chắc Mặc Bền

Isoroku sống cuộc đời của một sĩ quan hải quân trong thời bình, theo tàu tới các hải cảng của Cao Ly, Trung Hoa và Úc. Năm 1913, thân phụ Isoroku từ trần và sau đó ít lâu bà mẹ cũng chết theo chồng. Một năm sau, theo tục lệ Nhật, Isoroku được nhận làm con nuôi của một gia đình danh giá giàu có thuộc dòng họ Yamamoto. Lúc đó Isoroku đã là một thiếu tá ba mươi tuổi. Ông chính thức từ bỏ họ Takano và lấy họ Yamamoto, Yamamoto Isoroku. Yamamoto có nghĩa là Chân Núi, và người Trung Hoa gọi Yamamoto là Sơn-Bản Ngũ-Thập-Lục. Yamamoto lập gia đình rất trẻ, có thể vì ông mãi mê với binh nghiệp nên không còn thời giờ cho tình ái; một lý do nữa là ông phải gửi hết tiền lương về nuôi cha mẹ; và lý do cuối cùng có thể là bàn tay trái cụt mấy ngón của ông, gây cho ông cái mặc cảm xấu xí, không muốn để đàn bà con gái trông thấy. Mãi tới năm 33 tuổi ông mới bắt đầu để tâm tìm vợ. Có rất nhiều con gái các đô đốc muốn kết hôn với ông, một người có nhiều triển vọng trong hải quân, nhưng

Yamamoto từ chối hết, và chỉ muốn tìm một cô gái cùng quê với ông. Một hôm ông được giới thiệu với con gái một nông dân nuôi bò sữa, tên là Reiko. Reiko cao tới 1.6 thước và bị ế chồng vì cao quá. Đàn ông Nhật vốn thấp nên không thích lấy vợ cao quá, nhưng thiếu tá Yamamoto không quan tâm đến chiều cao của Reiko, vì hầu như ông không hề có một mặc cảm kém cỏi nào. Một lý do nữa khiến Yamamoto thích Reiko là vì nàng rất mạnh khỏe to con, và chăm chỉ làm việc. Ông biết cuộc đời một quân nhân rất nguy hiểm, có thể chết bất cứ lúc nào, nên ông cần một người vợ mạnh mẽ để có thể tiếp tục nuôi dưỡng con cái cho ông, nếu chẳng may ông tử trận.

Yamamoto viết cho Reiko một lá thư dài tỏ tình và xin gặp mặt. Vì biết Reiko không đẹp nên buổi hai người gặp nhau lần đầu, bà mẹ nàng chọn một căn phòng tối lờ mờ để Yamamoto không nhìn rõ Reiko. Khi Reiko bước vào phòng, và quỳ gối cúi chào Yamamoto thì hai người chịu nhau liền. Đám cưới được cử hành ngay sau đó trong một ngôi chùa Phật giáo. Reiko theo chồng lên Đông Kinh. Một hôm bà mẹ vợ lên thăm con gái, bà vô cùng kinh ngạc trước cảnh sống của con. Đồ đạc trong nhà rất sơ sài, chỉ gồm có các thùng rượu làm bàn ghế. Khi Reiko rót trà vào một cái chén ăn cơm rẻ tiền mời bà thì bà cảm thấy bị xúc phạm. Reiko giải thích trong nhà không có chén uống trà. Nàng không muốn chồng bận tâm tới những việc nhỏ mọn trong nhà, trong lúc phải quan tâm đến quốc sự. Bà mẹ bắt hai người phải mua và dọn vào một căn nhà đầy đủ tiện nghi ngay.

Nhưng khi hai vợ chồng Yamamoto dọn vào nhà mới thì ông được lệnh đi học hai năm tại đại học Harvard của Hoa Kỳ, và để vợ ở nhà một mình. Môn học chính của Yamamoto là dầu hỏa. Ông học hành rất nghiêm chỉnh, khi nào có giờ rảnh rỗi, ông đi du lịch khắp nước Mỹ để quan sát. Nhưng cũng chính tại Hoa Kỳ, Yamamoto đã học hỏi nhiều về hàng không. Ông biết rằng chính hải quân đã giúp Togo chiến thắng hải quân Nga Sô tại eo biển Đồi Mã, nhưng trong tương lai, hải quân cần phải có không quân hỗ trợ. Ông bắt đầu chú ý tới việc đóng hàng không mẫu hạm.

Năm 1923, Yamamoto được thăng chức đại tá vào lúc 39 tuổi; ông trở thành chỉ huy trưởng trường huấn luyện phi công Kasumigaura. Vào những ngày ấy, ngành không quân không hấp dẫn với thanh niên Nhật, vì có rất nhiều tai nạn tử thương trong lúc tập bay, nhất là tập đậu xuống hàng không mẫu hạm. Nhiều tướng lĩnh cao cấp không chịu bước lên máy bay, và nhiều gia đình không chịu gả con gái cho phi công. Nhưng Yamamoto có công cải tiến lại việc huấn luyện cho được an toàn hơn, và các khóa sinh phải tuân theo kỷ luật nghiêm khắc hơn. Ông đã có công phát triển ngành bay ban đêm, vì ông cho rằng phi cơ tấn công ban đêm sẽ có ưu điểm bất ngờ.

Sau 18 tháng chỉ huy trường huấn luyện phi công, Yamamoto được bổ nhiệm làm tùy viên quân sự tại Hoa Thịnh Đốn. Lúc ấy Nhật gặp một trở ngại lớn cho việc phát triển hải quân. Sau đệ nhất thế chiến, Nhật Bản phải theo quy ước 5-5-3 với Anh và Mỹ, có nghĩa là Nhật Bản phải theo tỷ lệ như sau: Anh Mỹ được phép đóng 5 chiến hạm thì Nhật chỉ được phép đóng 3 thôi. Các chiến lược gia hải quân đồng ý rằng trong một cuộc hải chiến, lực lượng phòng thủ phải mạnh gấp rưỡi lực lượng tấn công. Nhật Bản muốn thay đổi tỷ lệ thành 7-10, nhưng Mỹ không đồng ý, vì như thế Mỹ chỉ còn 43% mạnh hơn. Tuy nhiên những chiến

hạm mới của Nhật tối tân hơn, có hỏa lực mạnh hơn, và chạy nhanh hơn các chiến hạm Anh Mỹ.

Năm 1931 Nhật Bản bắt đầu chiếm Mãn Châu và Yamamoto được thăng chức đề đốc và chỉ huy ngành kỹ thuật hải quân. Yamamoto đã nghiên cứu và chế tạo những phi cơ phóng thủy lôi, và những phi cơ có tầm bay xa. Yamamoto cũng có công trong việc chế tạo một loại chiến đấu cơ nổi tiếng là loại chiến đấu cơ ZERO. Năm 1934 Nhật Bản muốn hủy bỏ quy ước 5-5-3 và Yamamoto được chọn làm trưởng phái đoàn Nhật tại hội nghị Luân Đôn. Yamamoto đã cứng rắn đòi chấm dứt quy ước bất bình đẳng 5-5-3. Hội nghị Luân Đôn kéo dài hai tháng và cuối cùng đi đến bế tắc và quy ước 5-5-3 không còn hiệu lực nữa.

Trong một bữa tiệc do người Anh khoản đãi, một thực khách hỏi Yamamoto tại sao ông không đồng ý với tỷ lệ hải quân 5-5-3. Yamamoto bỏ dao và nĩa xuống bàn và hỏi lại: "Tôi bé nhỏ hơn ông, nhưng ông có bắt tôi chỉ được ăn hai phần ba thịt trong đĩa của tôi không? Ông có cho phép tôi ăn đủ no không?"

Khi hội nghị Luân Đôn tan vỡ, Yamamoto không đổ lỗi cho ai cả. Ông tuyên bố người ta chỉ cần một sự phòng vệ, đó là sự công bằng và tinh thần hữu quốc tế. Các phái đoàn Anh Mỹ không tể nhị như thế, và đổ lỗi cho phái đoàn Nhật đã làm bế tắc hội nghị. Tuy nhiên nếu hội nghị thành công, nghĩa là quy ước 5-5-3 vẫn còn hiệu lực thì Yamamoto chắc không bao giờ gặp lại được vợ con. Ông vốn được coi là một người thân thiện với tây phương. Trong khi hội nghị Luân Đôn đang tiếp diễn thì đảng Hắc Long đã công khai chủ trương sẽ ám sát Yamamoto và phái đoàn Nhật, nếu không hủy bỏ được quy ước bất lợi cho Nhật Bản. Trái lại, ngày Yamamoto từ Luân Đôn về Đông Kinh, ông được đón rước như một anh hùng, các đô đốc và đảng Hắc Long dẫn đầu hai ngàn người diễu hành, tung hô các khẩu hiệu "Banzai" chào mừng ông. Yamamoto được vinh dự vào Hoàng Cung để Nhật Hoàng Hirohito ban lời khen ngợi.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 6 -

Anh Hùng Và Giai Nhân

Hình như trong đời các bậc anh hùng bao giờ cũng thấp thoáng hình bóng một người đàn bà đẹp. Yamamoto cũng không thoát khỏi thông lệ đó, và đã bị tiếng sét ái tình vì một nàng kỹ nữ (geisha) tuyệt đẹp. Sau khi dự hội nghị Luân Đôn về, Yamamoto được mời tham dự nhiều bữa tiệc mừng. Một trong những bữa tiệc ấy bao gồm các kỹ nữ tại một khu ăn chơi sang trọng. Trong buổi tiệc ấy có cả Kikuiji, một kỹ nữ trẻ đẹp nổi tiếng nhất Đông Kinh.

Kikuiji đang hầu tiệc và trông thấy Yamamoto lúng túng không mở được nắp một chén cháo, vì bàn tay bị cụt mất mấy ngón. Nàng vội chạy lại, cúi chào và đưa tay mở nắp chén cháo dùm Yamamoto. Yamamoto vốn rất nhạy cảm vì mấy ngón tay cụt và cảm thấy hơi bất lực phải nhờ một người con gái giúp đỡ nên

ông nổi giận, và sáng giọng lên tiếng bảo Kikuji tránh ra để mặc ông. Chưa có ai dám lớn tiếng với Kikuji như thế, vì nàng là một kỹ nữ nổi tiếng nhất Đông Kinh, ai cũng phải chiều chuộng để lấy cảm tình của nàng. Dĩ nhiên Kikuji cảm thấy bị xúc phạm, nàng đứng lên, bỏ bữa tiệc ra về ngay.

Vài ngày sau, trong một bữa tiệc khác của hải quân, Yamamoto có dịp gặp lại Kikuji. Kikuji được mời tới đàn hát giúp vui cho bữa tiệc. Lần này một sĩ quan hải quân trình trọng giới thiệu Kikuji với Yamamoto: "Đây là người sẽ trở thành một đô đốc vĩ đại nhất của Nhật Bản. Xin cô hãy chiều tiếp ông ta."

Kikuji lạnh lùng nhìn Yamamoto và trả lời: "Vậy hả? Nhưng đối với tôi thì ông ta không khác gì một tên nhà quê."

Yamamoto không những không phật lòng vì lời nói khiếm nhã của Kikuji, mà trái lại ông còn thích thú nữa, vì ông vẫn tự nhận là "một tên nhà quê" hoặc "một thủy thủ tầm thường". Yamamoto ha hả cười vui thích khiến Kikuji cũng phải khúc khích cười theo. Đây là khởi đầu của một thiên tình sử lâu dài giữa chàng Từ Hải đa tình Yamamoto và nàng Kiều Kikuji. Hai hôm sau Yamamoto một mình tới thăm kỹ viện Tsukiji, nơi Kikuji làm việc, và mời Kikuji ăn tối với ông. Kể từ đây Yamamoto được mọi người công nhận là người tình của Kikuji.

Trong thời kỳ đó, được làm người tình của một geisha hạng nhất như Kikuji phải tốn kém lắm. Có hai cách làm chủ một geisha. Thứ nhất người đó phải bỏ thật nhiều tiền mua nàng geisha về làm vợ bé. Cách thứ hai đỡ tốn kém hơn, là cứ để nàng geisha trong kỹ viện, nhưng được ưu tiên hơn những khách phong lưu tìm hoa khác. Yamamoto không đủ tiền bạc để thực hiện một trong hai cách trên đây. Lương đô đốc của ông chỉ đủ gửi về cho vợ nuôi bốn con. Thực ra ông có thể dùng quỹ hải quân vào việc bao Kikuji, nhưng ông lại là người quá thanh liêm, danh dự và tự trọng, không muốn dùng công quỹ cho việc du hí riêng.

Nhưng Yamamoto có một địa vị đặc biệt để có thể bao được Kikuji. Ông là nhân vật nổi tiếng đến nỗi các kỹ viện và nhà hàng đều muốn có sự hiện diện của ông. Nếu ông đến ăn tại một nhà hàng nào, hoặc vào giải trí trong một kỹ viện nào, thì những nơi đó lập tức thu hút các sĩ quan hải quân khác. Do đó kỹ viện Tsukiji cho ông đặc quyền được gặp Kikuji bất cứ khi nào ông muốn. Đôi khi ông làm việc trễ tại bộ hải quân, Kikuji thường nấu cháo cá và thân hành đem vào đặt lên bàn làm việc của ông. Nàng cũng rất sung sướng được ngồi nhìn ông húp từng muỗng cháo.

Kikuji là một người rất ghen. Nàng để ý thấy Yamamoto giữ trong túi áo một

cuốn sổ màu đen. Nàng nghi ngờ Yamamoto giữ tên và địa chỉ của một số geisha khác tại các hải cảng khác. Một hôm nhân lúc Yamamoto đang tắm, Kikuji lén lấy cuốn sổ ra đọc. Trong cuốn sổ ấy không có tên một người đàn bà nào cả, mà chỉ là tên của những khóa sinh phi công thuộc trường huấn luyện phi công do ông chỉ huy trước kia. Những sĩ quan này đã tử nạn trong khi tập luyện theo lệnh của ông. Việc huấn luyện phi công rất quan trọng nên ông coi cái chết của họ trong lúc tập bay cũng giống như cái chết ngoài mặt trận. Chính những cái chết của họ đã giúp ông cải tiến được phương pháp huấn luyện cho được hoàn hảo an toàn hơn. Ông mang tên tuổi của họ trong người như một sự để tang cho những thuộc cấp đã tuấn quốc.

Về phần Yamamoto, ông cũng dâng tất cả tình yêu cho Kikuji. Ông mê nàng và đến thăm nàng nhiều đến nỗi một đồ đốc khác đã bí mật gặp Kikuji, yêu cầu nàng hãy chấm dứt mối tình của nàng với Yamamoto vì quyền lợi của Hải quân Hoàng Gia. Khi Yamamoto gọi điện thoại cho Kikuji, nàng từ chối không gặp và tiếp chuyện ông. Vừa lo lắng vừa ghen, Yamamoto gọi xe tắc xi đến tìm nàng ngay và hỏi nguyên do. Có phải nàng không còn yêu ông nữa? Kikuji vừa khóc vừa trả lời nàng không muốn gặp ông vì lời yêu cầu của một đồ đốc, và cũng vì lòng ái quốc của nàng bắt nàng không được ích kỷ giữ Yamamoto là người tình riêng, mà phải trả chàng về với hải quân.

Yamamoto khuyên Kikuji đừng quan tâm đến lời nói của vị đồ đốc kia. Tình yêu ông dành cho nàng không làm hại tới quyền lợi quốc gia, trái lại tình yêu đó giúp cho cuộc đời vốn khô khan của ông có thêm đôi chút tươi mát, gây thêm cảm hứng cho ông trong nhiệm vụ nặng nề của ông. Kikuji rất sung sướng nghe lời giải thích của ông, vì thực ra nàng cũng rất đau khổ nếu phải xa ông. Mối tình này kéo dài mãi cho tới những ngày cuối cùng của đời ông, với một kết thúc thật thương cảm cho nàng kỹ nữ tài sắc vẹn toàn Kikuji.

Yamamoto cũng còn có một đam mê khác, ngoài tình yêu Kikuji. Ông rất mê chơi cờ bạc và chơi rất hay. Ông đánh bạc với bất cứ ai, các sinh viên Mỹ tại đại học Harvard, các tùy viên quân sự ngoại quốc, các sĩ quan Nhật. Nhưng dù chơi bạc ở đâu và với ai, Yamamoto không bao giờ thua và thường vơ hết tiền làng. Đánh bạc không những là một thú tiêu khiển của ông, mà đôi khi cờ bạc cũng là nguồn cung cấp tiền tiêu vật cho ông. Chính nhờ tài bạc gạo này mà ông đã có tiền giúp đỡ một sĩ quan Nhật mắc kẹt tại Mỹ có đủ tiền trở về Nhật.

Thường giới sĩ quan Nhật rất ham uống rượu. Các đệ tử của Lưu Linh trong quân đội Nhật uống rượu sa-kê như người ta uống nước lã. Trái lại tửu lượng của Yamamoto lại rất kém. Ông chỉ uống vài tợp rượu là đã đỏ mặt tía tai rồi. Tuy nhiên ông vẫn cho phép thuộc hạ tổ chức các bữa tiệc nhậu vui chơi trên chiến hạm, hoặc tại các câu lạc bộ hải quân, hoặc tại tư gia một sĩ quan nào đó.

Riêng ông thường chỉ có mặt lúc đầu, nhấp vài ngụm rượu nhỏ rồi rút lui đi tìm chỗ đánh bạc.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 7 -

Thứ Trưởng Bộ Hải Quân: Phát Triển Hải Quân Nhật

Sau khi Yamamoto thành công làm bế tắc hội nghị Luân Đôn trở về, Nhật Bản lập tức tiến hành công cuộc đóng thêm tàu chiến một cách đại quy mô. Đô đốc Yonai, bộ trưởng hải quân Nhật, thông báo cho Quốc hội Nhật biết hải quân hoàng gia Nhật không đủ sức đương đầu với lực lượng hạm đội hỗn hợp của Anh và Mỹ, và Nhật Bản cũng không bao giờ có ý định xây dựng một lực lượng hải quân ở mức độ ấy. Tuy nhiên trong lúc Yonai tuyên bố công khai như thế thì hải quân Nhật âm thầm nỗ lực đóng chiến hạm mới và trang bị thêm cho hàng chục chiến hạm đang có sẵn. Chính trong giai đoạn này, những chiếc tàu lớn nhất thế giới được đóng ra tại Nhật bản, như hai chiếc Yamato và Musashi. Chiếc Yamato dài tới 863 bộ, trọng tải tới 73,700 tấn, nghĩa là lớn gấp bội các chiến hạm vào thời đó, sườn tàu dày tới 16 inches và có 9 đại bác 18 inches. Chiếc Yamato hoàn thành tháng 12-1941; chiếc Musashi cũng được hạ thủy tám tháng sau đó. Chiếc Shinano khởi công đầu năm 1940, và sau đổi thành một hàng không mẫu hạm, và là mẫu hạm lớn nhất thế giới.

Việc đóng tàu tuy có nhộn nhịp, nhưng người Nhật che dấu các hoạt động này rất kỹ. Các cơ xưởng đều có những hàng rào kín thật cao để che cản mọi con mắt tò mò, và việc bảo vệ an ninh quanh những xưởng đóng tàu thực là cực kỳ nghiêm mật. Đô đốc Yonai vẫn tuyên bố rằng Nhật bản không thể đuổi kịp hải quân Anh Mỹ, và không có ý định đóng thêm chiến hạm. Trong khi Yonai tuyên bố như vậy thì công việc đóng chiến hạm vẫn tiếp tục mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Hầu hết các đô đốc Nhật rất hào hứng với việc đóng các đại chiến hạm cho hải quân Nhật, trừ đô đốc Yamamoto. Yamamoto đã mạnh mẽ phát biểu quan điểm của mình, nhấn mạnh rằng các đại chiến hạm đã lỗi thời rồi. Bây giờ phải là thời của hàng không mẫu hạm, một sự phối hợp chiến đấu giữa hải quân và không quân. Các đô đốc già không đồng ý với quan điểm của Yamamoto, nhưng các sĩ quan trẻ đang vươn lên trên nấc thang quyền bính đứng về phe Yamamoto.

Yamamoto gay gắt chỉ trích việc đóng đại chiến hạm. Ông nói: "Những đại chiến hạm chẳng khác gì những bức tượng tôn giáo mà người ta treo trong nhà.

Chúng chỉ tạo ra một niềm tin tưởng chứ không có ích dụng thực tế. Giới quân nhân thường mang theo những hào quang của chiến trận quá khứ bên mình. Họ mang những thanh kiếm cổ lỗi thời và họ không thấy rằng những thanh kiếm ấy nay chỉ là những vật trang trí mà thôi. Sự ích lợi của những đại chiến hạm cho Nhật bản trong chiến tranh tân thời cũng tương tự như là thanh kiếm võ sĩ đạo vậy."

Dần dần quan điểm của Yamamoto có vẻ chiếm ưu thế và hai mẫu hạm mới được ra đời, đó là các mẫu hạm Shokaku và Zuikaku, mỗi chiếc nặng 30 ngàn

tấn, và có tốc độ 34 hải lý một giờ, nhanh hơn các mẫu hạm lớn của Nhật đang có là hai chiếc Akagi và Kaga. Vẫn có một số người chỉ trích quan điểm của Yamamoto và cho rằng chủ trương của Yamamoto rất nguy hiểm cho Nhật Bản. Giới chiến lược gia cổ điển quan niệm rằng chỉ có chiến hạm mới đánh hạ được chiến hạm. Nhưng Yamamoto cho rằng dùng các phi cơ phóng thủy lôi hữu hiệu hơn nhiều. Yamamoto dùng hình ảnh một con rắn hung hãn cũng có thể bị một bầy kiến đông đảo cắn hạ trong tục ngữ Nhật Bản, để cổ xúy cho việc phát triển mẫu hạm với mục đích đưa lực lượng xung kích Nhật tới gần mục tiêu. Sau này trong các trận đánh tại Trân Châu Cảng và Tân Gia Ba, người ta mới công nhận Yamamoto là người sáng suốt, đi trước những người cùng thời.

Yamamoto chủ trương chế tạo các phi cơ có tầm bay xa, vì nếu Nhật bản muốn kiểm soát Thái Bình Dương thì rất cần loại phi cơ này. Cuối thập niên 1930, ông đã có những phi cơ có tầm bay xa tới 800 dặm và chở được thủy lôi hoặc bom nặng hai ngàn cân. Năm 1938 trong cuộc Trung Nhật chiến tranh, thế giới lần đầu sửng sốt chứng kiến những phi cơ Nhật cất cánh từ đảo Kyushu tới oanh tạc tại Thượng hải, rồi trở lại căn cứ mà không cần phải tiếp tế nhiên liệu. Đứa con tinh thần thứ hai của Yamamoto là loại chiến đấu cơ Zero. Đây là loại chiến đấu cơ hữu hiệu nhất trong đệ nhị thế chiến, và các phi cơ này đã làm chủ không phận Thái Bình Dương trong suốt hai năm.

Khi Nhật Bản nỗ lực phát triển tiềm lực chiến tranh thì Nhật Bản đã xác định trước địch thủ của mình là ai rồi. Thoạt đầu đối thủ của Nhật tại Á châu là Nga Xô, nhưng sau khi đánh bại Nga Xô rồi thì kẻ thù chính yếu của Nhật phải là Hoa Kỳ. Sự so tài giữa hai đại cường đang phát triển tại hai bên bờ Thái Bình Dương là điều không thể tránh khỏi. Ngay sau đệ nhất thế chiến, chính sách quốc phòng Hoàng gia Nhật đã xác định Hoa Kỳ có tiềm năng là kẻ thù số một, và Nga Xô trở thành kẻ thù số hai. Tuy vậy sự bành trướng của nước Nga Xô cộng sản sau đệ nhất thế chiến đã là một trở ngại cho việc xâm chiếm Trung hoa của Nhật Bản. Thực ra thì lực lượng Nhật vẫn cho rằng nếu Nhật Bản bành trướng tại Á Châu thì thế nào cũng phải xung đột với Nga Xô, trong khi hải quân nghĩ rằng trận chiến nếu xảy ra tại Thái Bình Dương thì sẽ là trận hải chiến và rất e ngại hai hạm đội Anh và Mỹ. Chính vì quan niệm khác nhau như thế nên lực lượng chỉ lo đề phòng Nga Xô, và gửi những sĩ quan lục quân xuất sắc nhất sang làm tùy viên quân sự tại Mạc Tư Khoa để làm tai mắt theo dõi tình hình. Trái lại hải quân Nhật hướng cặp mắt lo âu sang bên kia bờ biển Thái Bình Dương, và gửi những sĩ quan ưu tú sang làm tùy viên quân sự tại Hoa Thịnh Đốn. Yamamoto từng là một trong những tùy viên của hải quân tại thủ đô Hoa Kỳ.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 8 -

Cuộc Nổi Loạn Năm 1936

Bầu không khí chính trị tại Nhật Bản năm 1936 bước vào một giai đoạn nguy hiểm. Vào mùa hè năm 1934, trung tá Aizawa, một sĩ quan trẻ, tức giận tướng

Tetsuzan Nagara thuộc Sở Quân Vụ. Sau khi buộc tội tướng Nagara đã hướng dẫn lực lượng vào con đường sai lầm, Aizawa đã nổ súng bắn chết tướng Nagara ngay tại chỗ. Phe cải cách trong quân đội đòi đưa trung tá Aizawa ra tòa án quân sự để trừng phạt. Kết quả là hàng trăm sĩ quan trẻ thuộc phe quá khích bị lên án. Một năm sau, dường như phe quá khích mất dần ảnh hưởng chính trị. Đảng Seiyukai thân phe quá khích bị thất cử trong cuộc bầu cử mùa thu năm đó. Đảng ôn hòa Minseito lên nắm chính quyền. Điều này chứng tỏ phần đông dân Nhật có khuynh hướng ôn hòa, yêu chuộng hòa bình.

Phe quá khích nhận thấy rằng nếu họ muốn nắm được quyền thì họ phải dùng phương cách bạo động. Mầm mống cuộc nổi loạn của phe cực hữu năm 1936 là ở đó. Các sĩ quan trẻ đã hoạch định một cuộc nổi loạn để cướp chính quyền. Sáng sớm ngày 26-2-1936, bốn trung đoàn trong đó có cả Binh Sĩ Phòng Vệ Hoàng Gia, mở một chiến dịch ám sát các nhân vật trong chính phủ và quân đội. Nhiều tướng lĩnh, đô đốc và các nhà lãnh đạo chính trị bị giết chết. Các sĩ quan trẻ chiếm Bộ Chiến Tranh và trụ sở Quốc hội, nhưng họ thất bại không chiếm được Bộ Hải Quân.

Mục tiêu hàng đầu của các sĩ quan phản loạn là giết cho được thủ tướng ôn hòa Okada. Nhưng Okada thoát chết nhờ lòng ái quốc của người em rể. Các sĩ quan tiến vào dinh thủ tướng để giết Okada lại không biết mặt Okada. Đêm đó người em rể của Okada đến chơi và ngủ lại trong dinh thủ tướng. Khi quân phản loạn bao vây dinh và tiến vào lòng bắt Okada. Osaka thấy có biến vội tìm chỗ ẩn lánh. Quân phản loạn tưởng lầm người em rể của Okada là chính Okada. Người em rể cũng biết quân phản loạn đang tìm giết Okada. Vì lòng ái quốc, ông tự nhận mình là Okada và chịu chết thay cho thủ tướng. Nhờ công Lê Lai cứu chúa này mà Okada thoát nạn.

Ngay lúc quân phản loạn bắt đầu hành sự thì đô đốc Yamamoto đã có mặt tại bộ Hải quân vì đêm đó là phiên trực của ông. Ông lập tức hành động chống lại nhóm sĩ quan trẻ quá khích. Thực ra các sĩ quan cao cấp của hải quân cũng phỏng đoán các sĩ quan trẻ sẽ ra tay làm một cuộc phản loạn đảo chính. Trong nhiều tháng trời các sĩ quan trẻ của hải quân đã bị các sĩ quan lục quân quá khích tuyên truyền, kêu gọi phải đứng lên hành động chống lại khuynh hướng chính trị ôn hòa. Một số sĩ quan hải quân ngả theo phe quá khích của lục quân, nhưng một số sĩ quan hải quân trẻ khác không đồng ý, và báo cáo cho các sĩ quan cao cấp hải quân biết những dự định của phe quá khích.

Các đô đốc của bộ Hải quân đã sửa soạn phòng ngừa. Đô đốc Inouye đã bố trí sẵn một chiến xa trước cửa bộ Hải quân để phòng hờ. Inouye lấy cớ rằng đặt một chiến xa trước cửa bộ Hải quân như vậy là để dân chúng Nhật làm quen với vũ khí quân xa. Các đô đốc cũng chuẩn bị cho Đệ Nhất và Đệ Nhị hạm đội phải

can thiệp. Nếu phe phản loạn chiếm trụ sở Quốc hội, hải quân phải sẵn sàng phản công và phá hủy bình địa trụ sở Quốc hội cùng với quân phản loạn. Hải quân chỉ cần ba loạt đại pháo từ tàu chiến tại hải cảng cũng đủ hoàn thành nhiệm vụ. Một đơn vị đặc biệt hải quân đã được thiết lập để ứng phó trong cuộc giao tranh này.

Tuy nhiên cuộc nổi loạn không thành công. Ngay khi cuộc nổi loạn bắt đầu, đô đốc Yamamoto biết rõ tình thế, nhưng ông không có thẩm quyền ra lệnh cho chiến hạm và phi cơ oanh kích giải vây. Ông chỉ có thể gửi một chiếc xe cứu thương tới tư gia của đô đốc Kantaro Suzuki, đại thị thần của Nhật Hoàng. Đô đốc Suzuki bị trúng bốn phát đạn của quân phản loạn nhưng không chết. Việc ám sát đô đốc Suzuki chứng tỏ việc hỗn loạn vô trật tự trong hàng ngũ phản loạn. Phe phản loạn chiếm một số công thự nhưng không có khả năng và thực lực khởi lên một cuộc cách mạng. Chỉ vài giờ sau Nhật Hoàng tuyên bố thiết quân luật tại Đông Kinh. Khi viên tướng già tùy viên quân sự của Nhật Hoàng phản đối lệnh thiết quân luật, Nhật Hoàng cho biết sẽ tự mình hướng dẫn Vệ Binh Hoàng Gia đi dẹp loạn. Khi phe phản loạn nghe biết lòng cương quyết của Nhật Hoàng thì cuộc khởi loạn lập tức tan rã. Cuối cùng 13 sĩ quan trẻ bị buộc tội phản quốc và bị xử tử.

Cuộc nổi loạn năm 1936 đã đưa đô đốc Yamamoto vào chính trường, một lãnh vực ông không thích và đem lại cho ông nhiều hung hiểm hơn là ngoài chiến trường. Sau khi cuộc nổi loạn thất bại, phe quá khích trong lục quân và hải quân im lặng hơn trước, nhiều tướng lãnh phải về hưu và thủ tướng ôn hòa Koki Hirota đứng ra lập chánh phủ. Vì ngả theo phe quá khích, đô đốc Osumi mất chức bộ trưởng hải quân và đô đốc Nagano được chọn thay thế. Nagano muốn Yamamoto làm thứ trưởng cho mình, vì Yamamoto nói giỏi tiếng Anh và thông thạo các vấn đề Anh Mỹ; ngoài ra trong hội nghị tại Luân Đôn, Yamamoto đã chứng tỏ là một nhà ngoại giao có tài, và quan điểm ôn hòa của Yamamoto đối với Anh Mỹ rất trùng hợp với chủ trương của thủ tướng Hirota.

Thoạt đầu Yamamoto từ chối không nhận chức thứ trưởng, vì ông vốn không ưa chính trị, và ông rất yêu thích nhiệm vụ phát triển không lực cho hải quân của ông. Nhưng khi đô đốc Nagano đặt trách nhiệm và lòng ái quốc ra thì Yamamoto đành phải miễn cưỡng chấp nhận bước vào sân khấu chính trị. Thế là cuối năm 1936, đô đốc Yamamoto bước vào một lãnh vực mới, thiên về chính trị ngoại giao hơn là quân sự. Ông dùng hết khả năng ngăn chặn không cho phe quá khích nắm được quyền hành. Đây là giai đoạn nguy hiểm nhất trong suốt cuộc đời của ông. Chỉ vài ngày sau khi nhận chức thứ trưởng, Yamamoto trở thành mục tiêu ám sát số một của phe ái quốc cực đoan.

Phe cực đoan vô cùng bất mãn trước quan điểm của Yamamoto khi ông cho

rằng khai chiến với Hoa Kỳ là một hành động tự tử, vì sức mạnh kinh tế vô song của Hoa Kỳ trong thời kỳ đó. Khả năng kỹ nghệ của Nhật Bản rất có giới hạn. Trong năm 1936, trên ba triệu công nhân Nhật thất nghiệp, và tài nguyên chiến tranh của Nhật quá thiếu kém. Nhưng phe quá khích bác bỏ những con số thống kê của Yamamoto đưa ra, và cho rằng Nhật Bản đã chiếm được Mãn Châu là một xứ rất giàu tài nguyên như sắt và than đá; quân Nhật cũng có thể lấy được đồng tại Phi luật tân và tại những nước Đông nam á khác; Mã lai á sẽ cung cấp cao su cho Nhật và dầu hỏa tại Nam dương thừa cho nhu cầu chiến tranh của Nhật.

Công việc của thứ trưởng hải quân không đem lại cho Yamamoto nhiều hứng thú. Trước hết phần vụ của Yamamoto là lo về hành chánh và phải ủng hộ quan điểm của bộ trưởng. Yamamoto không khâm phục cấp trên của mình là đô đốc Nagano, nhất là quan điểm của Nagano khác với quan điểm của ông về sự hợp tác với Đức và Ý. Yamamoto cực lực bác bỏ sự hợp tác với Đức và Ý. Ngay khi ông công du tại Âu châu, ông từ chối không thêm gặp Hitler, mặc dầu Hitler rất muốn gặp ông, một người có nhiều triển vọng nắm hải quân Nhật. Dần dà phe trung dung của lực quân bắt đầu thắng thế. Để tránh một cuộc khởi loạn thứ hai, phe trung dung của lực quân loại trừ hết những người bất mãn khỏi những chức vụ then chốt, và thay thế bằng những người của phe mình. Trong dịp này, tướng Đông Điều được bổ nhiệm làm tư lệnh Quân đoàn Quan Đông tại Mãn Châu, một chức vụ rất nhiều quyền hành.

Khi phe của Đông Điều củng cố được quyền hành rồi thì mục tiêu của họ cũng giống như phe quá khích. Chính phủ Hirota chủ trương hòa bình và quyền chính trị phải thuộc chính phủ dân sự càng ngày càng suy yếu. Đầu năm 1937, trong một cuộc tranh chấp với phe lực quân, thủ tướng Hirota thất bại và phải từ chức. Không một chính phủ Nhật nào hoạt động được mà không có vị bộ trưởng chiến tranh. Bộ trưởng chiến tranh do lực quân chỉ định, và phải là một tướng lãnh. Nếu vị bộ trưởng chiến tranh đi theo chính phủ dân sự thì phe lực quân cho vị bộ trưởng ấy về hưu ngay, và bổ nhiệm một ông tướng khác thay thế. Nếu lực quân không đồng ý với chính sách của chính phủ dân sự, lực quân sẽ bắt ông tướng bộ trưởng bộ chiến tranh phải từ chức. Điều này đã xảy ra cho thủ tướng Hirota. Bộ trưởng chiến tranh từ chức và lực quân không chịu đề cử người thay thế. Hirota không thành lập được chính phủ và phải từ chức.

Chính phủ kế tiếp do tướng Hayashi, một người ôn hòa, thành lập. Hayashi có được sự ủng hộ của lực quân. Tân bộ trưởng hải quân là đô đốc Mitsumasa Yonai, vốn là bạn cũ của Yamamoto trong trận Nga-Nhật chiến tranh. Lúc đó Yonai là trung úy còn Yamamoto mới chỉ là thiếu úy. Hai người ở chung với nhau và rất ý hợp tâm đầu. Vì thế Yonai rất vui mừng giữ Yamamoto tiếp tục làm thứ trưởng cho mình. Trước khi về làm bộ trưởng hải quân, Yonai là tư lệnh toàn thể hạm đội Nhật, một chức vụ tuyệt đỉnh trong hải quân mà đô đốc nào cũng mơ

ước. Hai người bạn cũ cùng chia xẻ một mục tiêu là cố gắng ngăn chặn sự điên rồ của phe lục quân đang muốn xô đẩy Nhật Bản vào con đường chiến tranh.

Mặc dầu thủ tướng Hayashi là một ông tướng, nhưng ông ta cũng không kiểm soát được lục quân, và chính phủ của ông chỉ đứng vững tới tháng 5-1937 vì sự xung đột giữa hai phe quân sự và dân sự trong chính phủ. Nhật Hoàng đứng trước một vấn đề khó xử. Nếu Nhật Hoàng bổ nhiệm một ông tướng ra lập chính phủ thì không khác gì đặt cả đế quốc Nhật vào tay lục quân. Lúc đó lãnh tụ phe lục quân là tướng Sugiyama. Nhưng cuối cùng Nhật Hoàng chọn hoàng thân Konoye làm thủ tướng vì Konoye là một người được cả phe quân nhân và dân sự kính trọng. Phe lục quân tạm thời giữ thái độ trông chờ xem thủ tướng Konoye hành động thế nào. Konoye giữ hai đồ đốc Yonai và Yamamoto tại bộ hải quân để quân bình lực lượng với phe lục quân. Một sai lầm của Konoye là bổ nhiệm tướng Araki làm bộ trưởng giáo dục. Lục quân không bỏ lỡ cơ hội thay đổi chính sách giáo dục, đề cao quan điểm: Tất Cả Cho Nhật Hoàng!

Tháng 6-1937, tướng Đông Điều từ Mãn Châu gửi một báo cáo quan trọng về Đông Kinh, cho biết người Trung Hoa mỗi ngày một mạnh hơn và đã ký kết thỏa hiệp phòng thủ chung với Ngoại Mông. Sự kiện này hăm dọa những toan tính của Nhật tại Nội Mông. Đông Điều đề nghị Nhật Bản phải ra tay trước khi Tưởng Giới Thạch củng cố được sự phòng thủ. Đề nghị của Đông Điều được chính phủ Nhật tán đồng, và cuộc chiến tranh Trung Nhật đầm máu đã xảy ra.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 9 -

Cuộc Trung Nhật Chiến Tranh

Ngày Tam Thất, tức là ngày 7-7-1937, chiến tranh giữa Trung Hoa và Nhật Bản khởi sự tại cây cầu Lư Cầu Kiều. Đây là một biến cố do chính người Nhật tự tạo ra để lấy cớ đánh chiếm Bắc Kinh. Với sức mạnh quá hùng hậu so với quân đội Trung Hoa quá yếu kém, Nhật quân mau lẹ chiếm Bắc Kinh và các tỉnh miền bắc Trung Hoa.

Chính phủ Konoye tại Đông Kinh có 4 bộ trưởng quyền lực nhất là các bộ chiến tranh, hải quân, nội vụ, và tài chánh, cùng với Konoye lập thành một thứ siêu nội các để giải quyết các vấn đề quan yếu cấp bách. Sau khi cuộc đụng độ tại Lư Cầu Kiều xảy ra, Konoye triệu tập 4 bộ trưởng trên đây để lấy quyết định. Bộ trưởng chiến tranh của lục quân đòi phải mở rộng cuộc chiến và chinh phục toàn thể Trung Hoa, trái lại Yonai và Yamamoto muốn chấm dứt sự xung đột ngay tại Lư Cầu Kiều. Khi lục quân đòi quân tăng viện, Yonai và Yamamoto phản đối, nhưng bộ trưởng chiến tranh lấy lý do phải tiếp cứu quân Nhật tại Thiên Tân, và nếu quân Nhật tăng cường thì phía Trung Hoa sẽ nhượng bộ.

Bộ tham mưu lục quân muốn có một cuộc chiến và nhất quyết đạt được mục đích ấy. Mỗi khi bộ trưởng chiến tranh Sugiyama thỏa hiệp với các bộ trưởng kia thì lục quân phủ quyết; nếu chính phủ phản đối thì lục quân hăm dọa rút tướng Sugiyama về và nội các sẽ đổ. Cứ thế phe lục quân lấn át quyền của nội các. Yamamoto rất bất mãn trước sự cứng đầu ngoan cố của lục quân đến nỗi ông bỏ cả hút thuốc. Hồi tham dự hội nghị tài binh Luân Đôn, ông mua rất nhiều thuốc xì-gà để hút và tặng bạn bè. Nay ông đem cho hết số thuốc còn lại; nếu ai tặng lại ông, ông cũng không nhận. Ông nói ông chỉ hút thuốc lại khi giải quyết xong được mối nguy của lục quân muốn bành trướng công cuộc xâm lăng Trung Hoa, và đưa Nhật Bản đến chỗ phải đụng độ với Anh Mỹ.

Dần dà chiến tranh lan rộng tại Trung Hoa. Trước hết quân Nhật chiếm Thiên Tân, Bắc Kinh, rồi chiến cuộc lan xuống vùng sông Dương Tử tại Thượng Hải. Khi chiến tranh lan tới Thượng Hải, thì Yamamoto càng lo ngại thêm nữa, vì đã đến lúc hải quân bị lôi cuốn vào cuộc chiến. Trước hết là chiếc tuần dương hạm Idzumo bỏ neo tại cửa sông Hoàng Phố bị phi cơ Trung Hoa oanh tạc, do đó hải quân Nhật phải tăng cường thêm lực lượng vào cuộc chiến. Bộ trưởng chiến tranh Sugiyama gửi thêm vài sư đoàn nữa sang Trung Hoa, và trấn an Nhật Hoàng rằng cuộc chiến tại Trung Hoa sẽ chấm dứt trong vòng một tháng.

Bây giờ đủ loại tàu của hải quân Nhật phải tham chiến tại Trung Hoa, dùng hỏa lực hỗ trợ cho lục quân. Phản ứng của tây phương đối với cuộc chiến rất bất lợi cho Nhật Bản. Tổng thống Mỹ ra lệnh đình chỉ bán và chuyên chở sắt sang Nhật Bản và tuyên bố, "Nhật Bản là quân xâm lăng!" Yamamoto rất chán nản vì thất bại không ngăn chặn được cuộc Trung-Nhật chiến tranh. Ông tạm thời đành buông xuôi. Hàng ngày ông làm việc rất chăm chỉ tại bộ hải quân, cho đến 5 giờ chiều thì ông biến mất khỏi sở, và không ai biết ông ở đâu cho tới sáng ngày hôm sau.

Không sự bí mật nào giữ được lâu. Người ta biết rằng cứ sau 5 giờ chiều là Yamamoto lần mò tới với người yêu là Kikuji. Có lẽ trong lúc chán nản ấy, tình yêu của Kikuji đã đem lại cho ông đôi chút an ủi. Trong vòng tay của người yêu, ông có thể quên được những bất mãn bức dọc trong nhiệm vụ bất như ý. Nhiều bạn bè ông khuyên ông không nên dấn dứ quá nhiều với Kikuji mà sao nhãng bổn phận; ông chỉ trả lời rằng ông dùng thời giờ rảnh của ông như thế nào là quyền của ông, không ai có quyền can thiệp vào. Một số đồng sĩ quan hải quân trẻ tuổi phản đối lối sống của ông tại khu kỹ nữ. Họ tổ chức một cuộc biểu tình, mang biển ngữ phản đối đến văn phòng Yamamoto. Các sĩ quan hải quân trẻ cho rằng một người nắm một chức vụ quan trọng như ông không nên đến khu ăn chơi quá nhiều.

Mọi người tưởng Yamamoto sẽ không mở cửa tiếp các sĩ quan hải quân trẻ bướng bỉnh này. Trái lại ông mở cửa ra gặp họ. Ông nhìn mặt từng người một, và lạnh lùng hỏi họ, "Trong các anh, có ai không đánh trung tiện hoặc đi đại tiện, và chưa bao giờ làm tình với đàn bà thì ra đây nói chuyện với tôi. Tôi sẵn sàng nghe." Cả đoàn sĩ quan trẻ biểu tình đứng im, và ông đuổi tất cả ra ngoài Bộ Hải quân.

Khi quân Nhật sửa soạn tiến chiếm Nam Kinh thì ba tàu chở dầu của Mỹ bị phi cơ Nhật oanh kích, và chiếc pháo thuyền Panay của Mỹ bị phi cơ Nhật đánh đắm. Đồng thời pháo binh Nhật cũng tấn công các pháo thuyền của Anh, gây tử

thương cho một thủy thủ Anh. Việc đánh chìm một pháo thuyền của hải quân Mỹ là một sự việc nghiêm trọng, có thể đưa tới chiến tranh giữa Nhật và Mỹ. Người Mỹ rất tức giận. Đại sứ Mỹ tại Đông Kinh sửa soạn bỏ nhiệm sở tại Đông Kinh trở về Mỹ, và chắc chắn Mỹ và Nhật sẽ đoạn giao. Yamamoto vội vàng chạy lại tòa đại sứ Mỹ, dùng hết tài ngoại giao ân cần xin lỗi chính phủ Mỹ, đề nghị bồi thường thiệt hại, và sẵn sàng làm bất cứ điều gì để hàn gắn một lỗi lầm nghiêm trọng của Nhật Bản. Tuy nhiên nỗ lực của Yamamoto không được các sĩ quan trẻ trong hải quân đồng ý. Họ đang ăn mừng chiến thắng đã đánh đắm được một pháo thuyền của Mỹ. Nhiều sĩ quan cao cấp của hải quân Nhật cũng đồng ý với thái độ của các sĩ quan trẻ quá khích, đang say sưa với chiến thắng này. Yamamoto xác quyết với người Mỹ đây chỉ là một sự lầm lẫn, nhưng trong thâm tâm, ông biết vụ Panay chính là một sự cố ý của hải quân Nhật tại Thượng Hải. Khi đô đốc Mitsunami, tư lệnh lực lượng đánh chìm pháo thuyền Panay, trở về Đông Kinh, ông bị công khai cách chức. Đây là một sự cảnh cáo cho phe quá khích trong hải quân. Cuối cùng, nhờ nỗ lực ngoại giao của Yamamoto, vụ Panay đã không đưa tới xung đột Nhật-Mỹ. Sau vụ pháo thuyền Panay, phe điều hâu trong hải quân có vẻ hoảng sợ trước sự cương quyết của Yamamoto. Yonai và Yamamoto muốn cho mọi người biết chính những tên điên khùng suýt đưa Nhật Bản vào vòng chiến với Hoa Kỳ trong lúc Nhật Bản chưa sẵn sàng. Trong giai đoạn đầu, Yonai và Yamamoto có vẻ thắng thế phe cực hữu trong hải quân.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 10 -

Đại Đô Đốc Thái Bình Dương: Cả Đời Say, Một Minh Ta Tỉnh

Kể từ sau năm 1936, lục quân Nhật phát động một phong trào cách mạng chính trị và kiểm soát được chính phủ. Đây là thời kỳ vàng son của lục quân sau những chiến thắng tại Trung Hoa. Lục quân còn có tham vọng làm bá chủ chính trường Nhật Bản và đô hộ cả Á Châu. Trái lại hải quân Nhật vẫn tuân theo lệnh của Minh Trị Thiên Hoàng, phải khuất phục trước một chính quyền dân sự. Trong khi lục quân lộng hành thì hải quân vẫn trung thành với đường lối cổ truyền, và do đó dần dần lép vế trước lục quân. Tuy nhiên Yamamoto quyết tâm không để lục quân bảo sao nghe vậy. Yamamoto thường cảnh cáo lục quân rằng họ có thể chiến thắng Trung Hoa một cách dễ dàng, nhưng một cuộc chiến tranh với Anh Mỹ thì không thể chấm dứt trong chiến thắng được. Với tư cách là thứ trưởng hải quân, Yamamoto đã ra công làm một công việc mà ông gọi là "cố ngăn chặn một dòng nước mạnh chảy sai đường."

Thái độ quá khích của lục quân dần dần lan tràn sang hải quân. Ngay từ năm 1938, nhiều sĩ quan hải quân trẻ đã công khai chống đối các đô đốc Yonai và Yamamoto. Họ đả kích quan điểm của Yamamoto về việc Nhật gia nhập khối Trục và thái độ của Yamamoto đối với quyền lợi của Nhật Bản. Yamamoto bắt

đầu nhận được rất nhiều thư công kích thù nghịch. Thoạt đầu ông chăm chú đọc những lá thư này, nhưng về sau ông hiểu rằng đây chỉ là một phần chiến dịch của phe quá khích muốn lung lạc tinh thần ông, nên ông không thêm quan tâm đến những lá thư này nữa. Nhưng sau đó, những lá thư công kích chuyển thành những lá thư hăm dọa giết ông. Sự hăm dọa này cũng không làm Yamamoto thay đổi quan điểm. Vốn là một quân nhân can trường, thẩm nhuần truyền thống dũng khí của võ sĩ đạo, ông coi cái chết vì sự công chính đẹp như những cánh hoa anh đào. Ông đã viết:

"Chết cho Nhật Hoàng và tổ quốc là hy vọng cao cả nhất của một quân nhân. Sau một trận chiến đấu khó khăn và can đảm, những cánh hoa sẽ bay tả tơi trên chiến trường. Nhưng nếu một người ái quốc bị ám sát, thì người chiến sĩ ấy sẽ vẫn đi tới sự bất diệt trường cửu cho Nhật Hoàng và đất nước. Sự sống hay cái chết của một con người không quan hệ. Điều quan hệ là Đế Quốc Nhật Bản. Khổng Tử đã viết: "Người ta có thể đập vỡ thân sa nhưng người ta không thể lấy đi được màu son của nó; người ta có thể đốt một cây cỏ thơm, nhưng người ta không thể diệt được hương thơm của cỏ." Những kẻ bất đồng quan điểm có thể hủy diệt được thân xác tôi, nhưng họ không thể lấy đi được ý chí của tôi."

Yamamoto đã thất bại không xoay chuyển được khuynh hướng hiếu chiến của lục quân, và để lục quân đưa nước Nhật vào vòng chiến, một phần vì những biến cố sau đây:

Biến cố đầu tiên là quyết định của tổng thống Roosevelt ra lệnh tập trung hải quân Hoa Kỳ tại Trân châu cảng, thay vì tại bờ biển phía tây của Hoa Kỳ như trước. Việc thay đổi này khiến người Nhật tin tưởng rằng Hoa Kỳ đang sửa soạn gây hấn với Nhật Bản. Người Nhật coi việc tập trung hải quân Hoa Kỳ tại quần đảo Hawaii như là một "mũi dao chĩa vào trái tim Nhật Bản." Việc tấn công vào căn cứ hải quân Mỹ tại Trân châu cảng bỗng trở thành một nhiệm vụ cần thiết, nhưng bộ tư lệnh hải quân Nhật nghiên cứu, và đi đến kết luận đây là một công cuộc mạo hiểm vô cùng khó khăn.

Trong lúc đó thì hai nhà độc tài Hitler của Đức và Mussolini của Ý ra công thức giục Nhật Bản tham gia khối Trục của ba cường quốc Đức Ý Nhật để đương đầu với khối Anh Mỹ Nga. Chính phủ Nhật lúc đó nằm trong sự kiểm soát của lục quân và lục quân lúc nào cũng hoan nghênh việc liên kết với Đức và Ý. Trong khi đó hải quân Nhật phản đối việc Nhật đi chung đường với Đức và Ý, để phải đương đầu với các hạm đội hùng mạnh của Anh và Mỹ. Nhưng hải quân không có tiếng nói mạnh trong những quyết định của chính phủ. Hai đô đốc Yonai và Yamamoto liên tục chống lại việc thành lập trục Đức-Ý-Nhật. Mặc dầu bị áp lực nặng nề của lục quân, nhưng cả Yonai và Yamamoto cương quyết phản đối bất cứ một sự thống nhất hành động nào với Hitler và Mussolini. Yamamoto lý luận

rằng bất cứ một sự liên minh nào với Đức và Ý cũng sẽ đẩy Nhật phải xung đột với Anh và Mỹ, ngay cả với Nga Xô nữa. Yamamoto tận dụng mọi khả năng để ngăn cản sự xấp lại gần hai nước Phát xít Âu châu. Lúc nào ông cũng lặp lại quan điểm của mình: "Nhật Bản có thực diện rõ mới trở thành kẻ thù của Anh và Mỹ."

Sự hăng say chống lại khuynh hướng của lực quân đã đem lại cho Yamamoto nhiều kẻ thù, đặc biệt là trong nhóm quốc gia cực đoan. Kẻ thù của ông gọi ông là một kẻ thân Mỹ và phản bội tổ quốc. Họ hăm dọa sẽ ám sát ông. Tuy thế ông vẫn không hề nao núng. Khi đô đốc Yonai khuyên ông nên mang theo vệ sĩ, ông từ chối ngay. Càng ngày Yamamoto càng trở thành một người cô đơn chống lại trào lưu của thời đại, chống lại chủ trương gây chiến với tây phương. Ông có lý do chính đáng của ông. Ông không phải là người thân Mỹ như kẻ thù gán cho ông, trái lại ông là một người yêu nước Nhật và tôn thờ Nhật Hoàng không kém gì kẻ thù của ông. Điều khác biệt duy nhất là không một kẻ thù nào của ông, và không một người hiểu chiến quá khích nào hiểu rõ khả năng của hải quân Nhật bằng ông. Mặc dù hải quân có vẻ hùng mạnh và càng ngày càng có thêm mẩu hạm và chiến hạm, nhưng Yamamoto hiểu rất rõ rằng hải quân của Nhật vẫn còn quá yếu kém, nếu phải đương đầu với lực lượng hải quân hỗn hợp của Anh và Hoa Kỳ.

Yamamoto còn biết rõ rằng nếu chiến tranh xảy ra thì tám mươi phần trăm gánh nặng sẽ đè xuống vai hải quân, mà theo ông thì hải quân của ông chưa sẵn sàng gánh vác bốn phần nặng nề ấy. Thái độ thực tế của ông càng làm lực quân căm giận ông hơn. Phe lực quân hỏi thẳng ông: "Ông không nghĩ rằng hải quân oai hùng của chúng ta không chiến thắng được hay sao?" Yamamoto trả lời thẳng thắn: "Không, tôi không tin hải quân sẽ thắng." Câu trả lời của Yamamoto không những chọc giận lực quân, mà còn làm phe ôn hòa phải kinh ngạc. Họ tự hỏi tại sao người cha đẻ của một hải quân kiêu hùng, một người đã tạo ra được một hệ thống không quân phối hợp chặt chẽ với hải quân lại có thể trả lời bi quan như thế.

Khi những lời buộc tội ông là kẻ phản quốc gia tăng, vì lời tuyên bố trên của ông thì ông chỉ trả lời, "Tôi đang phục vụ tổ quốc tôi đúng như lúc lâm chiến. Tôi đang phải nỗ lực lôi các đồng bào của tôi trở lại với một lối suy nghĩ sáng suốt. Họ có thể giết được tôi, nhưng họ không thể giết được sự sai lầm của họ." Ông biết ông đang gặp hung hiểm; kẻ thù quá khích có thể ám sát ông bất cứ lúc nào, nhất là ông là một khuôn mặt nổi tiếng ai cũng biết, nhưng ông vẫn không tỏ ra khiếp nhược. Hàng ngày ông vẫn đi bộ từ Bộ Hải quân ra các tiệm sách để tìm mua sách. Bất cứ ai đến thăm ông, dù là rất khuya, ông vẫn ra mở cửa cho họ, không quan tâm rằng những người khách ban đêm đó có thể là những thích khách tới ám sát ông.

Đầu năm 1939 nội các Konoye đổ vì vấn đề gia nhập khối Trục. Hiranuma đứng ra lập chính phủ và đô đốc Yonai và Yamamoto vẫn được mời ở lại giữ Bộ Hải quân. Đến đây dường như không còn cách gì ngăn được phe lục quân hiểu chiến liên kết với Đức và Ý nữa. Càng ngày sự hăm dọa ám sát Yamamoto càng nhiều hơn.

Vào giữa năm 1939, tình hình chính trị càng tồi tệ hơn. Chính phủ vẫn cân nhắc lời cám dỗ của Hitler và Mussolini. Yamamoto nhận thức rằng quan điểm chống lại chiến tranh của mình sẽ đưa đến một cuộc ám sát. Ông viết một lời trăng trối, bỏ vào trong một cái hộp. Cái hộp này chỉ mở ra khi ông bị giết chết. Lời nhắn nhủ của ông chỉ có vắn tắt một câu: "Tôi coi cái chết của tôi là một vinh dự khi tôi chết cho một điều mà tôi nghĩ là đúng." Yamamoto là một người thấy xa trông rộng, nhưng tiếc thay nhóm quân phiệt mù quáng không nhận thấy, và đã đẩy nhiều dân tộc trên thế giới vào một cuộc chiến tàn phá nhất.

Cuối cùng đô đốc Yonai thấy tình thế quá nguy hiểm nên bắt buộc Yamamoto phải có vệ sĩ, ngay tại văn phòng cũng như tại tư gia. Dù Yamamoto đi đâu, lúc nào chung quanh ông cũng có một tiểu đội cảnh sát mặc thường phục hộ vệ. Rồi đến một lúc đô đốc Yonai thấy rằng sự bảo vệ như thế cũng không đủ, Yonai liền tìm cách đẩy Yamamoto ra khỏi nơi chính trường hiểm nghèo, bằng cách bổ nhiệm Yamamoto vào chức vụ Tư lệnh Liên Hạm đội Nhật, và thăng Yamamoto lên chức đô đốc. Về sau Yonai phải thú nhận bổ nhiệm Yamamoto vào một chức vụ ngoài biển cả là cách duy nhất để cứu sinh mạng cho Yamamoto.

Chức vụ và cấp bậc của Yamamoto là tột đỉnh trong hải quân Nhật, và dĩ nhiên Yamamoto cũng không từ chối vinh dự lớn lao này, mặc dầu ông hơi ngạc nhiên. Khi được báo tin, Yamamoto vốn là một người không thích rượu mà cũng uống cả ly la de một hơi để dằn sự kích động to lớn. Thực tình Yamamoto muốn đô đốc Yonai làm Tư lệnh Liên Hạm đội và Yamamoto sẽ là tư lệnh lực lượng xung kích, trực tiếp chỉ huy những trận đánh, nhưng Yonai không muốn trở lại chức Tư lệnh Liên Hạm đội một lần nữa.

Hai tuần lễ sau khi Yamamoto nhận chức Tư lệnh hải quân thì quân Đức xâm chiếm Ba Lan và đệ nhị thế chiến bắt đầu. Bây giờ công việc cấp bách của Yamamoto không còn là chống chiến tranh nữa vì đã quá trễ, trái lại ông lao mình vào nhiệm vụ sửa soạn cho chiến trường Thái Bình Dương, vì ông biết rằng ông không còn nhiều thì giờ nữa trước khi phải quần thảo với hạm đội Mỹ. Ngay khi ông tiếp nhận soái hạm Nagato, ông đã đưa ra đường lối chỉ đạo mới cho hạm đội:

1. Ưu tiên thứ nhất là huấn luyện phi công.
2. Nếu chiến tranh xảy ra, phải dụ hạm đội Hoa kỳ tại quần đảo Hawaii vào một trận đánh quyết định càng sớm càng tốt.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 11 -

Tư Lệnh Liên Hạm Đội Nhật

Với tư cách Tư lệnh Hạm đội Nhật, Yamamoto kinh hoàng khám phá rằng mức độ chính xác của các phi công oanh tạc Nhật rất thấp kém. Người ta cho bốn phi đội oanh tạc cơ, mỗi phi đội gồm chín phi cơ, oanh tạc bom giả vào một chiến hạm đang di chuyển ngoài khơi. Các phi cơ chỉ cách xa mục tiêu khoảng 1 ngàn bộ. Kết quả là không một phi công nào ném bom trúng mục tiêu cả. Nhưng khi cho ba phi cơ nhào thấp để phóng thủy lôi thì một phi cơ ném trúng đích.

Các sĩ quan cao cấp hải quân Nhật định hủy bỏ việc oanh tạc từ trên cao độ, và chỉ phát triển các loại phi cơ phóng thủy lôi, nhưng Yamamoto không đồng ý. Ông cho rằng các phi công ném bom không trúng mục tiêu chỉ vì đã thiếu tập dượt và hơn nữa, phi công không cần phải chọn các mục tiêu di động. Kể từ đó các phi công Nhật phải tập dượt liên tục không ngừng. Yamamoto thân hành đứng trên cầu mẩu hạm quan sát việc thực tập của phi công. Lúc đó là hai năm rưỡi trước cuộc tấn công Trân châu cảng. Khi Nhật mở cuộc tấn công tại Trân châu cảng thì phi công Nhật đạt được mức oanh tạc chính xác cao nhất thế giới. Đó là công đầu của tư lệnh Yamamoto.

Lối sống rất khắc khổ của tư lệnh Yamamoto đã làm toàn thể sĩ quan hải quân Nhật khâm phục. Công việc hàng ngày của Yamamoto chấm dứt vào lúc 5 giờ chiều; sau đó ông chơi một ván cờ giải trí. Sau bữa tối ông đi vào giường lúc 9 giờ, nhưng không ngủ ngay. Ông nằm đọc các tài liệu và hồ sơ cho tới quá nửa đêm. Đúng 4 giờ sáng ông thức giấc và nằm trong giường đọc hồ sơ và báo cáo cho tới 6:30 sáng. Ông ngủ rất ít, một phần vì bệnh mất ngủ từ ngày ông được bổ nhiệm làm Tư lệnh Liên Hạm đội Nhật. Trong một bài diễn văn đọc trước học sinh trường cũ của ông, ông đã xác nhận: "Tôi không ngủ được nhiều kể từ khi tôi nhận chức Tư lệnh Liên Hạm đội, bởi vì Nhật Bản mạnh tiến hay sụp đổ là tùy thuộc nhiều vào cách tôi hành xử bổn phận của tôi."

Yamamoto nhận thấy nhiệm vụ lớn nhất của ông là phải làm sao cho hạm đội Nhật bản sẵn sàng khi tổ quốc đòi hỏi sự hy sinh của hải quân. Hải quân Nhật đã thao dượt tập luyện liên tục trong mọi hoàn cảnh thời tiết và địa lý. Các cuộc thao dượt này cũng là thực tập sẵn sàng cho cuộc tấn công Trân châu cảng. Một trong những khẩu hiệu tập luyện của hải quân là: "Với một tinh thần dẻo dai không biết mệt, chúng ta đang cố gắng đạt tới một mức độ siêu nhân về khả năng và hiệu năng chiến đấu hoàn toàn."

Yamamoto cũng không quên khía cạnh đời sống riêng tư của các sĩ quan trẻ.

Ông thường nói với họ: "Tôi không uống rượu, nhưng đó là bản chất của tôi. Bản chất của các bạn có thể không thế. Nếu các bạn thích rượu thì các bạn cứ uống

tự do, nhưng xin nhớ rằng đừng bao giờ bàn luận các vấn đề hải quân trong một bữa tiệc hoặc trong những tiệm ăn. Bạn cũng không bao giờ trở thành một vĩ nhân nếu bạn phồng mũi vì lời khen của một người đàn bà. Đừng vội lập gia đình. Hãy sống độc thân cho tới tuổi ba mươi. Nhiệm vụ của các bạn có những đòi hỏi đặc biệt khiến cho việc lập gia đình sớm không có lợi. Năm ba mươi-lăm tuổi tôi mới lấy vợ và tôi không cho như thế là quá trễ."

Sau 6 tháng trong chức vụ và chương trình huấn luyện hải quân tiếp tục tốt đẹp, Yamamoto cảm thấy tin tưởng vào binh sĩ hải quân nhiều hơn. Hải quân dường như đang đi đúng con đường Yamamoto muốn, trái hẳn với chính trường bị lục quân chi phối đã đi ngược lại ước muốn của Yamamoto. Nhật Bản càng lúc càng sẵn sàng gia nhập khối Trục của Đức và Ý. Việc ký kết Hiệp Ước Liên Kết giữa ba quốc gia vào tháng 9-1940 không có nhiều bó buộc cho Nhật Bản. Nhật Bản chỉ đồng ý tham chiến với Đức và Ý khi nào Hoa Kỳ liên kết với Anh quốc đánh lại Đức và Ý. Hitler muốn Nhật ngăn cản Hoa Kỳ không cho Hoa Kỳ can thiệp vào Âu Châu để cứu Anh quốc. Tuy nhiên nhiều nhân vật Nhật rất không đồng ý với lời cam kết có giới hạn này, trong đó có Nhật Hoàng và thủ tướng Konoye. Các đô đốc Yonai, Yamamoto và phần đông sĩ quan hải quân kịch liệt chống lại lời cam kết đó, nhưng lục quân đang nắm quyền và không thêm để ý tới sự phản đối của hải quân.

Người chống đối hiệp ước nặng ký nhất là Yamamoto thì lại ở xa ngoài khơi, nên cuối cùng hiệp ước đã được ký với sự phản đối yếu ớt của tân thứ trưởng hải quân thay thế Yamamoto. Khi còn là thủ tướng, Konoye lo sợ trước viễn ảnh chiến tranh có thể đưa Nhật Bản tới chỗ sụp đổ. Ông biết khi chiến tranh xảy ra với Hoa Kỳ thì thắng hay bại phần lớn do hải quân, nên ông cho mời Yamamoto vào tham khảo ý kiến. Konoye hỏi Yamamoto nếu chiến tranh bùng nổ giữa Nhật và Anh Mỹ thì Nhật Bản có bao nhiêu hy vọng chiến thắng.

Yamamoto trả lời thẳng thắn, "Tôi có thể tung hoành gây tàn phá cho hải quân Anh Mỹ trong một năm hoặc nhiều lắm là 18 tháng. Sau đó tôi không có một bảo đảm nào hết." Lời tuyên bố của Yamamoto trở thành một lời tiên tri rất đúng sau này. Hải quân Nhật làm mưa làm gió tại Thái Bình Dương trong suốt gần hai năm, chạy từ chiến thắng này tới chiến thắng khác mà Anh Mỹ không thể làm gì được, cho tới lúc Yamamoto tử trận. Thủ tướng Konoye là một người hiểu rõ tiềm năng chiến tranh của Anh và Mỹ nên công nhận lời tuyên bố bi quan của Yamamoto rất có lý. Nếu Nhật Bản phải tham dự một cuộc chiến lâu dài với Hoa Kỳ thì các đô đốc Nhật trông thấy cuộc chiến cuối cùng chỉ đem lại thất bại cho Nhật Bản.

Sau khi thăm khảo ý kiến của Yamamoto, thủ tướng Konoye làm một cố gắng thân thiện với Hoa Kỳ. Tuy nhiên lúc đó đã quá trễ và hành động của Konoye chỉ gây cảm phần cho lục quân. Tướng Đông Điều, bộ trưởng chiến tranh, công kích thủ tướng Konoye có một chính sách ngoại giao mềm yếu. Khi tướng Đông Điều làm thủ tướng, bộ trưởng hải quân Nhật không dám nói thẳng với Đông Điều những điều Yamamoto đã dám nói với cựu thủ tướng Konoye, trái lại hải quân dường như để trôi theo con đường chiến tranh của lục quân.

Một đô đốc đã quy lỗi cho hải quân để mặc cho lục quân dẫn dắt vào vòng chiến khi ông viết:

"Trách nhiệm hàng đầu đưa Nhật Bản vào vòng chiến là tại hải quân. Chúng tôi không trách gì lục quân vừa ngu dốt vừa làm càn. Công luận và Nhật Hoàng đã không thể ngăn cản được cuộc lao đầu vào chiến tranh của họ -- nhưng hải quân có thể làm được điều đó. Chỉ mình hải quân đã có một thế chống lại Đông Điều. Nếu hải quân đã làm như vậy thì Nhật Bản đã không tham chiến. Hải quân đã biết rõ tình thế mà vẫn cứ nhường nhịn phe lục quân thiển cận. Hải quân phải chịu trách nhiệm đã để chiến tranh xảy ra mà không ngăn lại."

Đúng ra hải quân đã bị lục quân lôi vào chiến tranh vì các lãnh tụ hải quân tại Đông Kinh không có dũng khí và tự tin như Yamamoto. Hải quân Nhật chưa sẵn sàng đi vào một cuộc chiến lâu dài. Vào tháng 1-1940, hải quân chỉ mới có 3,500 phi công. Một sĩ quan hải quân đề nghị huấn luyện thêm 15,000 phi công nữa cho hải quân, nhưng ý kiến này bị coi là điên rồ và bị bác bỏ. Đề nghị của sĩ quan huấn luyện viên này không tới được bàn giấy của Yamamoto. Đến năm 1941, hải quân đòi hỏi hàng năm phải đào tạo thêm 15,000 phi công nữa mới đủ cung ứng cho nhu cầu chiến trường, nhưng lời yêu cầu này đã quá trễ. Lúc ấy chiến tranh đã sắp xảy ra rồi, và không thể đào tạo một số đông phi công trong lúc đó. Đây là một lỗi lầm sinh tử của Nhật Bản.

Vào mùa hè năm 1941, cuộc xung đột vũ trang giữa Nhật và Hoa Kỳ là điều không thể tránh khỏi được, thế mà phần lớn các nhà lãnh đạo hải quân Nhật vẫn không muốn lâm chiến, vì họ có những lý do để hoài nghi chiến thắng. Sức mạnh không lực của Anh Mỹ thực là khủng khiếp, mặc dầu Nhật bản có những phi đội Zero rất hữu hiệu. Người ta có thể so sánh một phi cơ Zero mạnh bằng hai tới năm lần phi cơ Anh Mỹ. Hầu hết các đô đốc đã về hưu rồi đều lên tiếng phản đối chiến tranh. Các đô đốc già này quả quyết rằng các chiến thắng của hải quân Nhật trong quá khứ, kể cả trận hải chiến Đồi Mã, không hoàn toàn tốt đẹp như sự mô tả của các sử gia.

Yamamoto đứng về quan điểm của các đô đốc già. Không ai biết rõ sức mạnh của hải quân cũng như tiềm năng quốc gia bằng Yamamoto. Yamamoto một lần nữa lớn tiếng nhắc lại lời cảnh cáo của ông đã nói với cựu thủ tướng Konoye:

"Nếu cần thiết phải tham chiến, trong sáu tháng đầu cho tới một năm trong cuộc chiến với Hoa Kỳ, tôi sẽ chiến thắng rất ngoạn mục. Tôi sẽ đem về cho quý vị hàng loạt chiến thắng. Nhưng tôi cũng phải cảnh cáo quý vị rằng nếu chiến tranh kéo dài hai hoặc ba năm thì tôi không tin tưởng vào chiến thắng cuối cùng của

chúng ta."

Tiếng nói của Yamamoto trở thành một tiếng kêu trong sa mạc, không ai thêm nghe theo. Một năm sau khi được bổ nhiệm làm Tư lệnh Hạm đội Nhật, Yamamoto thường cân nhắc ý định từ chức. Ông tâm sự với một số bạn thân rằng ông muốn trở về quê cũ sống một cuộc đời lặng lẽ, trồng hoa câu cá tại con sông Shinano. Ông cũng đã chỉ định đô đốc Koga thay thế ông. Quả thực về sau đô đốc Koga cũng thay thế Yamamoto, nhưng trong một hoàn cảnh của một đại thảm kịch cho hải quân Nhật.

Thực ra Đông Điều và lục quân cũng muốn Yamamoto về hưu để loại bỏ được một đối thủ nặng ký nhất. Nhưng vai trò của Yamamoto trong hải quân lên tới tuyệt đỉnh, và hải quân không bao giờ muốn mất một đô đốc vĩ đại nhất, kể từ thời của đô đốc Togo. Yamamoto không bao giờ mong muốn tổ quốc ông lao vào một cuộc chiến mà ông biết thế nào cũng bại trận, và ông cũng buồn rầu biết rằng chính ông sẽ là người Nhật duy nhất có thể đưa Nhật Bản đến chiến bại trong một ngày.

Trong tư cách là Tư lệnh hải quân, Yamamoto mài miệt thảo một kế hoạch mà ông nghĩ nếu thành công sẽ có thể cho Nhật Bản một cơ hội đứng vững. Dù ông rất ghét chiến tranh, nhưng ông biết rằng ông không thể từ chức được. Ông phải sửa soạn hạm đội Nhật sẵn sàng khi trường hợp khẩn cấp xảy tới. Con đường sinh tồn duy nhất của Nhật phải là đánh gục hạm đội Mỹ tại Thái Bình Dương càng mau lẹ càng tốt. Nếu hải quân Nhật có thể đánh cho hạm đội Mỹ một đòn chí tử thì sẽ có cơ hội thương thuyết hòa bình trước khi Nhật bị đánh quy.

Một hôm ông đọc một bài diễn văn tại trường trung học Nagaoka. Trong bài diễn văn, vị đô đốc nổi tiếng nhất của Nhật Bản phát biểu lần cuối cùng quan điểm của ông về người Mỹ:

"Nhiều người nghĩ rằng người Mỹ yêu thích xa hoa và văn hóa của họ nông cạn và vô nghĩa. Thực là sai lầm khi cho rằng người Mỹ yếu đuối, chỉ biết yêu những sự xa hoa. Tôi có thể bảo cho các bạn biết rằng người Mỹ đầy tinh thần công bằng, tranh đua và mạo hiểm. Hơn nữa cách suy nghĩ của họ rất tiến bộ và khoa học. Chuyến bay một mình bằng qua Đại Tây Dương của Lindbergh là loại hành động hào hùng thông thường của họ. Đó là một sự mạo hiểm tiêu biểu đặt căn bản trên khoa học của người Mỹ."

"Đừng quên rằng kỹ nghệ của Mỹ phát triển hơn kỹ nghệ của Nhật Bản nhiều - và không như chúng ta, họ có đủ dầu hỏa họ cần dùng. Nhật Bản không thể

thắng được Hoa Kỳ. Chính vì thế, Nhật Bản không nên gây chiến với Hoa Kỳ."

Bài diễn văn gây nên một luồng công kích mới. Phe lục quân vừa chiến thắng tại nước Trung Hoa bán khai lên tiếng chê Yamamoto là kẻ hèn nhát. Nhiều nhân vật quan trọng tức giận, coi lời tuyên bố của Yamamoto là vô trách nhiệm. Yamamoto cũng tức giận tuyên bố: "Tôi là một người Nhật. Tôi chỉ làm điều gì ích lợi cho tổ quốc tôi. Chính những kẻ đang đẩy Nhật Bản vào vòng chiến mới là những kẻ vô trách nhiệm."

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 12 -

Những Sửa Soạn Cho Trận Trân Châu Cảng - Đông Dương: Giọt Nước Trần Ly

Người Mỹ ngày càng mất dần tin tưởng vào thiện chí của người Nhật, và do đó đã có những sự phối trí mới về hạm đội Mỹ. Tháng 2-1941, hạm đội tại Trân châu cảng được đổi tên là Hạm đội Thái Bình Dương do đô đốc Kimmel chỉ huy. Một lực lượng hải quân nhỏ khác tại Viễn Đông do đô đốc Hart chỉ huy được gọi là Hạm đội Hoa Kỳ Á Đông. Đầu năm 1941, mẫu hạm Yorktown từ Thái Bình Dương được chuyển qua Đại Tây Dương, mặc dù lúc đó Mỹ chưa tham chiến tại Âu Châu, để đương đầu với một hạm đội nhỏ của Đức. Tổng số lực lượng mẫu hạm của Hoa Kỳ lúc đó gồm bốn mẫu hạm tại Đại Tây Dương và ba mẫu hạm tại Thái Bình Dương, trong khi Nhật có tới mười mẫu hạm.

Tình hình thế giới năm 1941 rất là suy đồi và dễ dàng đưa tới đại chiến, vì cuộc tiến quân liên tục của Nhật tại Á Châu và của Đức tại Âu Châu. Tháng 7-1941 Nhật tuyên bố chính phủ Vichy của Pháp đã đồng ý cho Nhật đồng bảo hộ Đông Dương và quân Nhật tiến vào bán đảo này. Hành động của Nhật tiến vào Đông Dương như là giọt nước cuối cùng làm tràn ly, khiến Hoa Kỳ không thể nhân nhượng mãi và phải có thái độ. Hoa Kỳ phong tỏa các tài sản trưng mục của Nhật tại Hoa Kỳ. Điều này có nghĩa là Nhật không thể mua dầu hỏa được nữa. Nếu không có dầu hỏa thì bộ máy chiến tranh của Nhật sẽ bị tê liệt.

Hoa Kỳ cùng với Anh và Hòa Lan áp dụng những biện pháp kinh tế trừng phạt Nhật Bản. Nhưng cuộc trừng phạt kinh tế này hơi trễ vì Nhật đã mua của Hoa Kỳ rất nhiều dụng cụ quốc phòng rồi và cũng đã mua dự trữ nhiều thép cần thiết cho việc chế tạo vũ khí. Tuy nhiên việc phong tỏa dầu hỏa là một đòn sinh tử cho Nhật, vì Nhật phải nhập cảng nhiên liệu ngoại quốc. Đô đốc Yamamoto đòi kiểm kê số tồn trữ dầu hỏa và được biết Nhật lúc đó có 6 triệu 450 ngàn tấn dầu, đủ dùng cho 18 tháng. Dù Nhật hết sức tiết kiệm thì cũng chỉ đủ dùng trong ba năm.

Do đó việc cấm bán dầu cho Nhật đã là một tội hậu thư. Nhật Bản phải tuân theo ý muốn của Hoa Kỳ để có dầu hay phải khai chiến? Lục quân có một kế hoạch chiếm các mỏ dầu tại Nam Dương, nhưng Yamamoto lo ngại rằng trong lúc Nhật tung quân chiếm các mỏ dầu Nam Dương mà hạm đội Mỹ tại Trân châu cảng mở cuộc tấn công vào lãnh thổ Nhật thì sao? Tham mưu trưởng hải quân Nhật, đô đốc Nagano, đề nghị tung hết lực lượng hải quân Nhật ra chiếm Nam Dương thật mau lẹ để hải quân Mỹ không kịp trở tay. Hải quân Nhật tin tưởng rằng trong trường hợp có chiến tranh, hạm đội Mỹ sẽ phải tiến tới phía tây Thái bình dương, và như thế hải quân Nhật có lợi điểm được nghênh địch ngay tại vùng biển quen thuộc gần nhà.

Vào thời kỳ đó các tư lệnh hải quân Nhật chưa hề nghĩ tới việc đem hạm đội Nhật tới tận vùng biển Hawaii để tấn công hạm đội Mỹ. Đô đốc Yamamoto luôn lo lắng hạm đội Mỹ sẽ tấn công trong lúc phần lớn hạm đội Nhật bận đi đánh chiếm Nam Dương, và trong trường hợp ấy, ông không nghĩ ông có thể đương đầu với hạm đội của Mỹ được. Yamamoto muốn ra tay trước để ngăn chặn hiểm họa bị tấn công. Yamamoto muốn tấn công tiêu diệt hạm đội Mỹ ngay tại căn cứ Trân châu cảng, đặc biệt là phải diệt cho bằng được lực lượng mẫu hạm địch. Đây là một ý tưởng thật táo bạo. Yamamoto nghĩ rằng nếu không hạ được hạm đội Mỹ tại Hawaii thì cán cân sức mạnh dần dần sẽ nghiêng về phía Hoa Kỳ. Yamamoto cũng học được bài học trong trận Trung Nhật chiến tranh đã kéo dài, dai dẳng bất phân thắng bại, và gây hao tổn quá nhiều cho Nhật Bản. Chắc chắn Nhật Bản không thể tham gia một cuộc chiến kéo dài như thế được nữa. Nhật Bản cần phải ra tay bất thần và tạo được một chiến thắng thật mau lẹ ngoạn mục, đánh một đòn chí tử khiến địch thủ không hy vọng quật khởi lại được.

Đối với đa số các đô đốc Mỹ thì vị trí của căn cứ hải quân Trân châu cảng thực là bảo đảm, địch quân không thể tấn công được. Nhưng Yamamoto đang âm thầm tính toán một cuộc tấn công bất thần, làm tê liệt hải quân Mỹ tại Thái bình dương.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 13 -

Một Kế Hoạch Quá Táo Bạo

Kế hoạch tấn công căn cứ Trân châu cảng đã lóe sáng trong tâm trí Yamamoto,

ít nhất hơn một năm rưỡi trước khi cuộc tấn công bắt đầu. Sau khi nắm chức Tư lệnh Liên Hạm đội, Yamamoto gia tăng các cuộc thực tập không tập phóng thủy lôi. Cuộc không tập có kết quả đến nỗi Yamamoto nghĩ ngay đến việc dùng thủy lôi tấn công hạm đội Mỹ, nhưng một vài đô đốc khác cho rằng việc tấn công Trân châu cảng thực là liều lĩnh, khó thành công.

Nhưng sáu tháng sau đó, một biến cố xảy ra tại chiến trường Âu Châu giúp Yamamoto quả quyết hơn. Tháng 11 năm 1940, một phi đoàn gồm 21 oanh tạc cơ của Anh từ một mẫu hạm đã dùng thủy lôi tấn công hạm đội Ý tại căn cứ an toàn Taranto. Kết quả là ba chiến hạm Ý bị đánh chìm trong khi Anh chỉ mất có hai phi cơ. Yamamoto lập tức yêu cầu các tùy viên hải quân Nhật tại Âu Châu phải gửi ngay các báo cáo về vụ tấn công này cho ông ngay. Ông đã nghiên cứu thận trọng từng chi tiết của cuộc không tập Taranto.

Theo các báo cáo thì quân cảng Taranto rất cạn, chỉ sâu 44 bộ và chiều sâu đó là một trở ngại cho việc phóng thủy lôi, thế mà các phi công Anh đã chứng minh thủy lôi có thể hữu hiệu tại những vùng biển cạn. Yamamoto nghĩ nếu các phi công Anh thành công tại Taranto thì tại sao phi công Nhật lại không thể thành công dùng thủy lôi tại Trân châu cảng, một nơi mực sâu lên tới 45 bộ.

Chính người Mỹ cũng lo ngại cho Trân châu cảng qua bài học của Taranto, và bộ trưởng hải quân Mỹ đã cảnh giác giới chỉ huy tại Trân châu cảng phải đề phòng một cuộc tấn công bất ngờ của Nhật, bằng cách thiết lập những hàng rào cản thủy lôi, nhưng đô đốc Kimmel, tư lệnh Hạm đội Thái bình dương, phản đối việc thiết lập màn lưới cản thủy lôi, vì như thế sẽ làm chật hẹp đường thủy lưu vào căn cứ.

Đúng lúc Kimmel từ chối thiết lập màn lưới chống thủy lôi thì đô đốc Yamamoto nói một cách tin tưởng với đô đốc Fukudome rằng cuộc không tập bằng thủy lôi của phi công Nhật vào căn cứ Trân châu cảng chắc chắn sẽ thành công. Đây là lần đầu tiên Yamamoto công khai nêu ý kiến tấn công Trân châu cảng.

Yamamoto chọn đô đốc Onishi, một phi công giỏi nhất của hải quân, để bàn luận chi tiết cuộc tấn công. Chính Onishi sau này thành lập đội phi công Thần Phong danh tiếng trong một nỗ lực cuối cùng, mong cứu Nhật thoát khỏi cảnh bại trận. Yamamoto cho biết ý định muốn đánh một đòn chí tử bất ngờ, đánh gục hạm đội Mỹ tại Thái bình dương.

Đây là một kế hoạch hết sức bí mật. Lúc đầu chỉ có ba người biết, Yamamoto, đô đốc Fukudome tham mưu của Yamamoto và đô đốc Onishi, người soạn thảo chi tiết cuộc tấn công. Onishi xin phép tham khảo ý kiến trung tá Genda, một phi công nhiều kinh nghiệm đã từng tham chiến tại Trung Hoa và làm tùy viên tại Luân Đôn. Lúc đó Nhật Bản có 6 mẫu hạm, là Akagi, Kaga, Hiryu, Soryu, Shokaku và Zuikaku. Theo ý kiến của Genda thì tất cả 6 mẫu hạm này phải dùng vào cuộc tấn công. Genda cũng còn nêu ra hai điểm quan trọng: Phải thận trọng lựa chọn những tư lệnh và phi công giỏi nhất cho cuộc tấn công, và phải bảo mật kế hoạch đến tối đa.

Thoạt đầu Yamamoto dự định dùng các mẫu hạm chở phi cơ tới cách Hawaii

trên 600 dặm thì dừng lại, từ đó các phi công sẽ cất cánh, oanh kích mục tiêu tại Trân châu cảng. Đây là một phi vụ xa 1200 dặm, nếu tính cả đường về. Trên đường về, các phi công sẽ nhảy dù xuống biển và được tiềm thủy đình hoặc diệt ngư lôi hạm vớt lên. Kế hoạch này của Yamamoto nhằm bảo vệ các mẫu hạm Nhật không bị các phi cơ Mỹ phản công một khi kế hoạch tấn công bị lộ. Các mẫu hạm Nhật sẽ được an toàn nếu ở xa căn cứ Mỹ trên 600 dặm. Yamamoto cũng muốn gây kinh hoàng cho người Mỹ bằng cách biểu dương sự can đảm của phi công Nhật, vì chỉ có phi công Nhật mới dám thi hành một sứ mạng nguy hiểm, nguy hiểm ngay cả trên đường về.

Dụng ý sâu xa của Yamamoto là cho người Mỹ thấy người Nhật sẽ là những kẻ thù dũng cảm đáng sợ nhất, không hề sờn lòng trước cái chết, để người Mỹ phải suy nghĩ trước khi khai chiến với Nhật. Có lẽ chỉ có dân tộc Nhật và Việt Nam mới có được những tướng lĩnh can đảm, khi bại trận đã tự tử chứ không chịu cái nhục phải đầu hàng. Rồi khi Nhật sắp sửa bại trận, hàng loạt phi công trẻ, tranh nhau xin gia nhập đoàn phi công Thần Phong trong một hùng tâm đem cái chết của mình ngăn cản địch quân. Những phi công này tuổi xuân mới bừng nở nhưng đã biết coi cái chết nhẹ như một cánh hoa anh đào. Họ đã lái phi cơ chở đầy bom nhào xuống các chiến hạm Mỹ, và chết tan xác theo sau những tiếng nổ kinh hồn. Nhiều phi công đã làm những bài thơ hài cú trước khi lên chuyến bay cuối cùng:

Ước gì cho tôi rơi xuống
Như những bông anh đào mùa xuân
Thật trong sạch và rạng rỡ.

hoặc

Hôm nay còn là bông hoa
Ngày mai tan tác trong gió
Đó là đời một bông hoa
Liệu hương thơm còn mãi mãi?

hoặc

Bây giờ nhiệm vụ hoàn thành
Tôi sẽ ngủ giấc triệu năm.

Người Nhật đã biết thua trận một cách hào hùng cao thượng. Những cái chết kinh hoàng của các tướng lĩnh mổ bụng, các phi công Thần Phong tan xác trên chiến hạm Mỹ đã không vô ích. Cả thế giới và kẻ chiến thắng họ phải nghiêng mình khâm phục, và quân đội chiếm đóng Mỹ không dám coi thường dân Nhật bại trận. Ai có thể khinh thường một quốc gia có những con dân dũng cảm phi thường như thế?

Tuy nhiên đô đốc Onishi bác bỏ quan điểm của Yamamoto vì các phi công nhảy dù xuống biển rất dễ bị nguy hiểm, và hy vọng được các tiềm thủy đình hoặc các tàu nhỏ khác vớt lên sẽ rất mong manh. Khi phải thi hành một cuộc tấn công quá nhiều nguy hiểm, nguy hiểm cả trong lúc tấn công địch và nguy hiểm cả trong lúc làm xong phận sự trở về căn cứ như thế, nhiều phi công có thể mất tinh thần và kết quả có thể không được mỹ mãn. Ngoài ra còn là một sự phí phạm một số lớn phi cơ và phi công Nhật nữa. Onishi chủ trương các mẫu hạm Nhật sẽ tới gần mục tiêu hơn, khoảng 200 dặm, và các phi công sẽ trở về mẫu hạm sau khi hoàn thành công tác.

Onishi cũng trình bày những khó khăn của kế hoạch. Trước hết là khó khăn kỹ thuật: Trân châu cảng rất cạn nên thủy lôi sẽ trúng vào đáy tàu nếu được phóng theo đường lối thông thường; sau đó là khó khăn chiến thuật: cuộc tấn công có đủ yếu tố bất ngờ không, vì nếu không có yếu tố bất ngờ, kế hoạch này không thể thực hiện được. Sau khi nêu ra những khó khăn trên, Onishi phỏng đoán kế hoạch có 60% cơ may thành công. Trái lại đô đốc Fukudome bi quan hơn, ông cho rằng kế hoạch này chỉ có 40% thành công và chủ trương nên hủy bỏ kế hoạch.

Đường tiến quân của hải quân Nhật cũng có nhiều khó khăn. Hải quân Nhật chỉ có thể chọn một trong ba lộ trình sau đây:

1. Đường phía bắc. Đây là hải lộ ngắn nhất cho các mẫu hạm Nhật, nhưng những cơn bão mùa đông tại Bắc Thái Bình Dương sẽ làm cho việc tiếp tế nhiên liệu cho các mẫu hạm khó khăn, nhất là những tàu hộ tống nhỏ cần phải được tiếp tế nhiên liệu tới hai lần trong chuyến đi.
2. Hải lộ xuyên giữa Thái Bình Dương đi qua ngang phía nam đảo Midway.
3. Hải lộ phía nam qua quần đảo Marshalls.

Hai hải lộ sau sẽ đưa các mẫu hạm qua những vùng biển lặng, ít bão tố và việc tiếp tế nhiên liệu sẽ dễ dàng hơn. Nhưng hai hải lộ này lại là nơi có nhiều thương thuyền đi qua và cũng là đường tuần thám của các phi cơ Mỹ từ các đảo Wake, Midway và Johnston Islands và do đó việc tiến quân bí mật của các hạm đội Nhật sẽ dễ bị bại lộ. Cuối cùng Yamamoto quyết định chọn hải lộ phía bắc Thái Bình Dương, chạy qua các quần đảo Aleutians và Midway. Tại những vùng biển bằng phẳng sẽ không có các thương thuyền, và những diệt ngư lôi hạm sẽ đi trước dò đường, nếu thấy thương thuyền thì sẽ báo động cho các mẫu hạm chuyển hướng.

Mặc dầu cả hai đô đốc Onishi và Fukudome tỏ vẻ bi quan, nhưng các báo cáo của hai đô đốc này cho Yamamoto tin tưởng rằng việc dùng mẫu hạm tấn công Trân châu cảng là một việc có thể thực hiện được. Yamamoto vẫn chống đối chiến tranh, nhưng khi thấy chiến tranh không tránh được thì ông quyết tâm với kế hoạch tấn công Trân châu cảng hơn. Cuối tháng 7-1940, khi thảo luận với đô đốc Shimizu, tư lệnh hạm đội tiềm thủy đình, Yamamoto đã nói: "Hiện tình thế giới mỗi lúc một đen tối và chiến tranh không tránh khỏi. Nếu chúng ta phải chiến đấu với cả Anh và Mỹ thì chúng ta sẽ thảm bại. Tôi muốn không đụng tới Anh quốc, và dùng Anh quốc làm người môi giới nhưng tôi biết Anh quốc không thể làm như thế được. Nếu chiến tranh xảy ra thì cơ hội duy nhất của chúng ta là phải triệt hạ hạm đội Mỹ tại Trân châu cảng và phái tiềm thủy đình tới tận bờ biển phía tây của Hoa Kỳ."

Để cuộc tấn công thành công, Yamamoto phải có tin tức chính xác về căn cứ Trân châu cảng và hoạt động của hạm đội Mỹ tại đây. Việc đầu tiên Yamamoto đòi hỏi là tùy viên hải quân tại Hoa thịnh đốn, và các văn phòng lãnh sự tại Honolulu phải gửi các báo cáo về những tin tức mà báo chí Mỹ viết về các hoạt động của hải quân Mỹ. Việc thứ hai là phái thiếu úy Yoshikawa, một sĩ quan tình báo trẻ, sang Hawaii để thu thập tin tức. Tháng 8-1941, Yoshikawa tới Honolulu với chức vụ giả là phó lãnh sự. Yoshikawa có nhiệm vụ thu thập tin tức về hoạt động của Hạm đội Thái Bình Dương. Yoshikawa thường đi tắm biển để tìm hiểu tính chất của bờ biển tại Hawaii và chiều cao của sóng biển, vị trí của các tàu

chiến Mỹ. Yoshikawa còn cố tâm tìm xem căn cứ Trân châu cảng có màng lưới chống thủy lôi không. Yoshikawa còn được lệnh phân chia Trân châu cảng làm 5 khu vực, và phải báo cáo chi tiết từng khu vực một. Yoshikawa tránh không bao giờ chụp hình, mà chỉ quan sát và ghi nhớ thật kỹ.

Để tránh các báo cáo của Yoshikawa có thể bị nghi ngờ, Yamamoto ra lệnh cho tất cả các nhân viên lãnh sự tại các nơi khác, như Vancouver, Portland, San Diego, San Francisco, Manila và Panama cũng phải gửi những báo cáo tương tự. Vì thế khi Hoa Thịnh Đốn khám phá được mật mã của hải quân Nhật và đọc được các báo cáo hàng ngày của Yoshikawa mà vẫn không hề nghĩ rằng Nhật sẽ tấn công Trân châu cảng. Đó là kế hoạch che giấu của Yamamoto, và kế hoạch này đã thành công.

Nhưng ngay tại bộ tham mưu hải quân Nhật, không ai hưởng ứng kế hoạch tấn công Trân châu cảng của Yamamoto. Điều quan tâm nhất của bộ tham mưu là bao nhiêu mẫu hạm Nhật sẽ bị tổn thất trong trận tấn công, và tất cả các đô đốc khác của Nhật đều cho rằng kế hoạch của Yamamoto quá liều lĩnh nguy hiểm. Trong khi đó bộ tham mưu đã hoàn thành kế hoạch mở cuộc hành quân chiếm các mỏ dầu tại Đông Nam Á. Tham mưu trưởng hải quân, đô đốc Nagano, không muốn gây chiến với Hoa Kỳ vì ông cũng từng sống tại Hoa Kỳ và hiểu sức mạnh của Hoa Kỳ. Ông chủ trương mở chiến dịch chiếm đảo dầu hỏa Java, và nếu hạm đội Mỹ tiến vào hải phận Nhật để tấn công thì hải quân Nhật có lợi điểm được nghiền địch ngay tại chiến trường quen thuộc gần căn cứ nhà.

Yamamoto cũng kính trọng sức mạnh của Hoa Kỳ như Nagano, và cũng chính vì thế ông cần phải đánh gục hạm đội Mỹ ngay bằng cú đánh thần tốc đầu tiên. Nếu hạm đội Mỹ còn nguyên vẹn thì làm sao Nhật có thể khai thác được các chiến thắng tại Đông Nam Á. Vấn đề của Yamamoto là phải huấn luyện các phi công cho thực thuần thục trong chiến dịch này. Tháng 9, Yamamoto chọn vịnh Kagoshima ở vùng cực nam của quần đảo Kyushu làm nơi thực tập, vì địa hình của vịnh Kagoshima khá giống địa hình của Trân châu cảng. Hàng trăm phi cơ nhào xuống từ núi Shiro, xuống thung lũng Iwasaki, rồi bay sát mặt nước và thả những trái thủy lôi. Các phi công còn phải tập hạ cánh và cất cánh trên mẫu hạm bốn lần một ngày. Điểm đặc biệt của cuộc huấn luyện là tập cho phi công quen với việc xuất quân và trở về phải bay sát mặt nước, để tránh không bị các phi cơ Mỹ tấn công. Mỗi phi công phải tập ít nhất là 50 phi xuất

Trong lúc các phi công thực tập vất vả cho cuộc tấn công sắp tới thì bộ tham mưu hải quân vẫn còn nghi ngờ sự thành công của kế hoạch. Bộ tham mưu gửi cho Yamamoto 5 lý do dưới đây, phản đối kế hoạch của Yamamoto:

1. Sự thành công hoàn toàn tùy thuộc vào yếu tố bất ngờ. Đây là một chiến dịch lớn xử dụng tới 60 chiến hạm. Các chiến hạm này phải lên đường một tháng

trước cuộc tấn công và rất dễ bị khám phá. Các hệ thống tình báo của Anh, Mỹ và Nga có tầm hoạt động rất rộng rãi. Bộ tham mưu không tin kế hoạch này có thể bảo mật được.

2. Bộ tham mưu không đồng ý Mỹ sẽ tấn công thẳng vào Nhật ngay, nếu chiến tranh xảy ra. Bộ tham mưu ước tính Mỹ sẽ lập căn cứ tiền phong tại quần đảo Marshalls trước, rồi sẽ chiếm dần từng quần đảo tới gần Nhật Bản hơn. Như vậy cuộc tấn công vào Trân châu cảng không cần thiết đến nỗi phải thực hiện trong những điều kiện nguy hiểm. Nếu không mở cuộc tấn công này, Nhật Bản sẽ có thời giờ tập trung tất cả sức mạnh vào một trận đánh quyết định mà từ lâu hải quân vẫn được huấn luyện sẵn sàng. Điều khôn ngoan nhất là chỉ nên giao chiến tại những vùng biển quen thuộc.

3. Hầu hết các chiến hạm tham dự cuộc tấn công Hawaii đều phải tiếp tế nhiên liệu giữa đường, nhất là các diệt ngư lôi hạm phải tiếp tế tới hai lần. Theo thống kê thời tiết thì mỗi tháng chỉ có 7 ngày là có biển lặng sóng êm tại bắc Thái Bình Dương để có thể tiếp tế nhiên liệu dễ dàng. Nếu việc tiếp tế nhiên liệu không thực hiện được, chiến dịch tấn công sẽ thất bại và như thế các chiến hạm trở thành vô dụng mà đáng lẽ được sử dụng hữu hiệu hơn trong các chiến dịch khác. Sự bế tắc này sẽ đưa tới bế tắc khác. Nếu việc tiếp tế nhiên liệu giữa biển gặp khó khăn thì phải dùng tới radio, và do đó sẽ không giấu được bí mật của cuộc hành quân bí mật nữa.

4. Theo tin tình báo của ta thì hàng ngày phi cơ Mỹ bay tuần thám xa Trân châu cảng tới 600 dặm. Điều này có nghĩa là lực lượng Nhật sẽ bị phi cơ Mỹ khám phá. Vì các mẫu hạm phải tiến tới cách mục tiêu 200 dặm, và do đó rất dễ trở thành mục tiêu cho các phi cơ Mỹ phản công.

5. Bất cứ một tin tức nào về kế hoạch tấn công này bị tiết lộ cũng sẽ làm tan vỡ cuộc thương thuyết giữa Mỹ và Nhật đang diễn ra tại Hoa Thịnh Đốn.

Lúc đó Nhật đã mời đô đốc Nomura đang về hưu ra nhận chức đại sứ tại Mỹ với hy vọng thương thuyết hòa bình với Mỹ, vì Nomura đã từng là bạn của tổng thống Roosevelt khi Roosevelt là bộ trưởng hải quân. Nomura đang cố gắng dàn hòa với Mỹ về việc quân Nhật tiến vào Việt nam và vụ phong tỏa dầu hỏa của Mỹ. Đô đốc Nagano luôn luôn xác quyết với Yamamoto rằng Nomura sẽ thành công trong sứ mạng giao phó, và không muốn kế hoạch của Yamamoto phá vỡ kế hoạch hòa bình với Mỹ của Nhật Bản.

Nhưng theo nhiều sĩ quan cao cấp khác thì Mỹ không có hảo ý gì với Nhật Bản. Mỹ cũng cảm thấy bất ổn nên cũng đang mở rộng các hoạt động hải quân. Nhưng vào lúc đó Mỹ không thể nào mở hai chiến dịch cùng một lúc được, một

tại Đại Tây Dương và một tại Thái Bình Dương. Trong lúc đó thì hải quân Nhật đã sửa soạn và đang ngửa ngáy muốn ra tay ngay, bất cứ khi nào tình thế đòi hỏi.

Như thế kế hoạch tấn công của Yamamoto vẫn chưa được sự đồng ý của hầu hết các đô đốc tư lệnh. Cuối tháng 10, khi nhận được 5 điểm phản đối của bộ tham mưu, Yamamoto rất bất bình. Yamamoto liền phái sĩ quan hành quân của mình là phó đề đốc Kuroshima đem lá thư dưới đây đến bộ tham mưu hải quân tại Đông Kinh:

"Sự hiện diện của hạm đội Mỹ tại Hawaii là một mũi dao găm cắm vào cổ họng chúng ta. Nếu Nhật chính thức tuyên chiến với Mỹ thì chiến dịch Đông nam Á sẽ rất dễ bị tấn công vào cạnh sườn."

"Chiến dịch Hawaii vô cùng cần thiết. Nếu không thực hiện cuộc tấn công này thì đô đốc Yamamoto không tin rằng ông sẽ có đủ tin tưởng có thể làm tròn nhiệm vụ giao phó. Các khó khăn dầy dẫy của chiến dịch này không có nghĩa là không thực hiện nổi. Điều kiện thời tiết làm chúng ta lo ngại nhất, nhưng ít nhất cũng có bảy ngày trong một tháng chúng ta có thể tiếp tế nhiên liệu được thì cơ hội thành công cũng không phải là nhỏ. Nếu cơ may đến với chúng ta thì chắc chắn chúng ta sẽ thành công."

"Nếu vì bất cứ lý do gì chiến dịch tấn công Hawaii mà thất bại, thì điều đó có nghĩa là cơ may không thuộc về chúng ta. Đó cũng là lúc mà chúng ta chấm dứt vĩnh viễn mọi chiến dịch. Nếu chiến dịch này thất bại thì đó là thất trận hoàn toàn."

Mặc dầu các đô đốc khác bất bình câu nói cuối cùng trong lá thư của Yamamoto, nhưng lá thư này đã nâng cao lòng tin tưởng vào Yamamoto. Bộ tham mưu cảm thấy rằng nếu Yamamoto không hoàn toàn tin tưởng vào chiến thắng thì ông sẽ không bao giờ phiêu lưu mạo hiểm.

Yamamoto ra lệnh cho đề đốc Kuroshima không được quay về mà không đạt được sự chấp thuận của bộ tham mưu. Trong lúc bộ tham mưu đang lưỡng lự cân nhắc thì Kuroshima gọi điện thoại cho Yamamoto đang đi bách bộ trên soái hạm. Yamamoto căn dặn Kuroshima: "Hãy bảo cho họ biết tôi sẽ từ chức Tổng Tư lệnh Liên Hạm Đội và sẽ thân hành chỉ huy các mẫu hạm và lực lượng xung kích trong cuộc tấn công vào Trân châu cảng."

Khi Kuroshima bước trở lại phòng họp và thông báo ý định mới của Yamamoto thì bộ tham mưu hoảng hốt nhưng vẫn không nhượng bộ. Sau một giờ bàn cãi nữa, Kuroshima bước sang phòng bên cạnh và báo tình hình cho Yamamoto. Kuroshima cho biết bộ tham mưu rất cứng rắn, nhất định dùng các mẫu hạm cho chiến dịch chiếm đảo dầu lửa Java. Cuộc điện đàm này rất ngắn ngủi. Kuroshima mặt tái nhợt bước vào phòng họp và nói với các đô đốc trong phòng họp: "Tôi được lệnh của Tổng Tư lệnh Liên Hạm đội để thông báo cho quý vị hay nếu quý vị không đồng ý với kế hoạch tấn công Hawaii của ông ta thì ông ta sẽ từ chức và giải ngũ trở về đời sống dân sự."

Đó là một giây phút đầy xúc động và đó cũng là giây phút quyết liệt nhất. Yamamoto đã đem tất cả cuộc đời binh nghiệp của mình và tương lai hải quân Nhật lên bàn cân. Một đô đốc chảy nước mắt nói: "Trường hợp này phải trình lên đô đốc tham mưu trưởng ngay lập tức."

Kuroshima được đưa vào phòng phó đô đốc Ito, tham mưu phó hải quân. Khi Ito nghe được những gì xảy ra, ông liền bước vào phòng tham mưu trưởng của đô đốc Nagano mà không phê bình gì cả. Bên ngoài mọi người chờ đợi một cách căng thẳng và nghe thấy những tiếng xì xào to nhỏ bên trong. Một lát sau đô đốc Nagano bước ra khỏi phòng, một tay ôm lấy vai Kuroshima và nói, "Tôi rất hiểu các cảm nghĩ của Yamamoto. Nếu ông ta tin tưởng đến như vậy thì ông ta được phép thực hiện kế hoạch của ông ta. Tôi chấp thuận kế hoạch của Yamamoto."

Đây chỉ là một sự đồng ý bất đắc dĩ, nhưng như thế là Yamamoto đã thắng. Kuroshima bay ngay về soái hạm với tin mừng: tham mưu trưởng hải quân đã bật đèn xanh cho Yamamoto. Hôm đó là ngày 3-11-1941. Chỉ còn lại 35 ngày nữa trước khi cuộc tấn công bắt đầu.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 14 -

Những Chuẩn Bị Cuối Cùng

Yamamoto vội xúc tiến chuẩn bị cho cuộc tấn công vì ông không còn nhiều thì giờ nữa. Ông cho thiết lập ngay trên mẫu hạm Akagi một mô hình rất giống vị trí của Trân châu cảng và các khu vực phụ cận. Mô hình này có mục đích giúp cho các phi công quen thuộc địa hình để cuộc tấn công đạt được kết quả đến tối đa. Tất cả các phi công tham dự chiến dịch Trân châu cảng được lệnh tập hợp quanh mô hình này. Trung tá Genda, người phụ trách công cuộc huấn luyện cuối cùng, trình bày cho các phi công mục đích của việc thực tập. Từ trước các phi công tham dự các cuộc thực tập không tập những mục tiêu cố định, rất thắc mắc

không hiểu cuộc thực tập có mục đích gì. Nay trung tá Genda nói thẳng cho họ biết họ sẽ tham dự cuộc tấn công các chiến hạm của Mỹ tại Trân châu cảng, và mục tiêu của họ là những mẫu hạm và chiến hạm bỏ neo trong quân cảng. Đứng về phương diện quân sự thì nhiều chiến hạm lớn của Mỹ tập trung trong một quân cảng nhỏ hẹp như Trân châu cảng là một mục tiêu rất hấp dẫn cho các phi cơ oanh tạc.

Genda trình bày chi tiết các khu vực của đảo Oahu và Trân châu cảng. Khi Genda tiếp tục cuộc trình bày một cách lạnh lùng thì nhiều phi công cũng cảm thấy một sự hồi hộp pha thêm chút e ngại trước chiến dịch quá táo bạo này. Genda cho biết nếu cuộc tấn công giữ được bí mật thì các phi cơ phóng thủy lôi sẽ đi tiên phong trong cuộc tấn công. Trái lại nếu kế hoạch bị bại lộ thì các oanh tạc cơ sẽ phải làm nhiệm vụ đầu tiên. Vừa phấn khởi vừa lo ngại, các phi công Nhật theo dõi các lời giải thích chỉ dẫn cận kề của Genda cho họ trong lúc thi hành nhiệm vụ.

Ngày 5-11, Yamamoto ra nhật lệnh hành quân số 1. Đây là một lệnh tối mật và bao gồm những nét chính của cuộc tấn công bất ngờ vào Trân châu cảng. Kể từ sau nhật lệnh số 1 thì việc tấn công Trân châu cảng không còn là một giấc mơ của Yamamoto nữa, mà đã là một thực tế, một cơ hội nhỏ đi con dao găm đâm vào trái tim Nhật Bản. Dưới đây là nguyên văn nhật lệnh đầu tiên:

Sửa soạn khai chiến.

Phải tiêu diệt hạm đội Mỹ tại phía đông.

Phải cắt các đường hoạt động và tiếp tế của Mỹ tới Á đông.

Phải ngăn chặn và tiêu diệt lực lượng địch.

Phải khai thác chiến thắng để hủy diệt ý chí chiến đấu của địch quân.

Yamamoto ra lệnh phải hoàn tất các chuẩn bị cuối cùng trước khi xuất quân vào ngày được gọi là ngày Y, và giờ khai chiến sẽ được công bố trong một Nhật Lệnh của Bộ Tư Lệnh Hoàng Gia. Hai ngày sau Yamamoto lại ra một nhật lệnh thứ hai nữa như sau: "Lực lượng xung kích phải giữ cực kỳ bí mật và sẽ điều động tập hợp tại vịnh Tankan ngày 22-11 để tiếp tế nhiên liệu."

Vịnh Tankan nằm trong quần đảo Kuriles ở về phía bắc Nhật Bản. Trong lúc Yamamoto thận trọng thi hành kế hoạch tấn công thì lục quân không quan tâm tới Trân châu cảng. Điều lục quân mong đợi nhất là phải mở các cuộc hành quân ở phương nam. Lục quân dự định cuộc hành quân miền nam sẽ khởi sự vào ngày 1-12. Ngay từ đầu tháng 11, Yamamoto đã về Đông Kinh để gặp tướng Terauchi, người chỉ huy cuộc hành quân phía nam, nhằm tấn công Tân gia ba, Nam dương, Miến điện, và Phi luật tân. Yamamoto đề nghị với Terauchi sẽ mở cuộc tấn công Trân châu cảng vào ngày chủ nhật thứ hai của tháng 12, để cho hạm đội Nhật Bản có thêm thời giờ sửa soạn. Terauchi và bộ tổng tư lệnh đồng ý. Như vậy cuộc chiến tại Thái Bình Dương được chính thức ấn định vào lúc 8:30 sáng ngày chủ nhật 7-12, giờ tại Hawaii.

Tại sao Yamamoto chọn ngày chủ nhật để tấn công? Đó là kết quả của một tin từ Honolulu gửi về. Vài ngày trước khi Yamamoto quyết định ngày tấn công, Yamamoto phái trung tá hải quân Suzuki giả trang làm một người hầu bàn trên chiếc thương thuyền ghé Hawaii để gặp tổng lãnh sự Nhật Nagao Kita. Suzuki lên đưa cho Kita một loạt gồm tới 97 câu hỏi, trong đó có câu hỏi "Ngày nào phần lớn chiến hạm Mỹ sẽ tập trung tại Trân châu cảng?"

Khi câu hỏi này được chuyển cho Yoshikawa, thì Yoshikawa trả lời ngay không do dự là ngày chủ nhật. Khi bị hỏi vặn thêm tại sao lại là ngày chủ nhật, Yoshikawa cho biết ngay chủ nhật nào đó đô đốc Kimmel cũng đem cả hạm đội vào quân cảng.

Sau khi ấn định ngày tấn công rồi, Yamamoto bổ nhiệm phó đô đốc Chuichi Nagumo vào chức Tư lệnh Lực lượng Xung kích trực tiếp tấn công Trân châu cảng. Nagumo có một lực lượng bao gồm 23 chiến hạm trong đó có 6 mẫu hạm: Akagi, Kaga, Soryu, Hiryu, Zuikaku và Shokaku. Để bảo vệ sáu mẫu hạm mới tân trang này là hai tuần dương hạm lớn Hiei và Kirishima, hai tuần dương hạm nhỏ Tone và Chikuma, một tuần dương hạm nhẹ và chín diệt ngư lôi hạm mới. Trên sáu mẫu hạm sẽ có 423 phi cơ đủ loại. Ba mươi phi cơ dùng để tuần tiễu làm thành một cái dù lớn bảo vệ bên trên các mẫu hạm. Bốn chục phi cơ làm lực lượng trừ bị. Còn lại 353 phi cơ có nhiệm vụ tấn công quân cảng Trân châu cảng. Trong số các phi cơ có nhiệm vụ tấn công thì có 100 phi cơ loại Kates, trang bị đạn 16-phân để oanh kích ở mức cao, 40 phi cơ Kates khác dùng để phóng thủy lôi, 131 oanh tạc cơ và 79 chiến đấu cơ Zero. Các tuần dương hạm và chiến hạm khác cũng có một số phi cơ nổi để thám thính và để trợ giúp các phi đội chiến đấu.

Ngày 10-11, đô đốc Nagumo ra nhật lệnh đầu tiên trên chiếc soái hạm Akagi đang bỏ neo tại Biển Inland. Cũng ngày hôm ấy tân Tham mưu trưởng của Liên Hạm đội là đô đốc Ukagi, đã đọc một bài diễn văn quan trọng, trong đó ông kêu gọi lòng ái quốc của các phi công Nhật trong một nhiệm vụ thiêng liêng cho tổ quốc:

"Một hạm đội địch hùng hậu tập trung tại Trân châu cảng. Chúng ta phải diệt tan hạm đội này ngay khi cuộc chiến xảy ra. Nếu kế hoạch này thất bại ở bất cứ giai đoạn nào của cuộc hành quân, thì hải quân của chúng ta sẽ chịu số phận thảm hại sẽ không bao giờ có thể đứng lên được nữa."

"Sự thành công của cuộc tấn công này vào Trân châu cảng sẽ chứng tỏ là một trận tương tự như trận Waterloo cho cuộc chiến sau đó. Vì lý do này, hải quân Hoàng gia sẽ tập hợp tất cả sức mạnh về chiến hạm và phi cơ để bảo đảm chiến thắng."

"Hiện nay các kỹ nghệ nặng của Hoa Kỳ đang chuyển sang chế tạo chiến hạm, phi cơ và các khí cụ chiến tranh khác. Phải mất nhiều tháng mới đủ cho sức mạnh nhân lực của Hoa Kỳ động viên được để đương đầu với chúng ta. Nếu chúng ta bảo đảm được sự siêu việt chiến lược ngay từ lúc khởi đầu, bằng cách tấn công và chiếm được những yếu điểm bằng một cú đánh bất ngờ trong lúc Hoa Kỳ chưa sẵn sàng, thì chúng ta làm cho các cuộc hành quân sau này thuận lợi cho chúng ta. Hoàng thiên sẽ chứng giám cho sự chính đáng của chúng ta trong cuộc chiến này."

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

Cuộc tấn công còn một tháng nữa, nhưng các chiến hạm tham dự cuộc tấn công đã bí mật hội quân tại hải cảng bí mật trong quần đảo Kuriles. Đúng ra cuộc tấn công Trân châu cảng bắt đầu ngày 10-11 khi 27 tiềm thủy đình lớn nhất của Nhật, những tiềm thủy đình tối tân nhất thế giới hồi đó, lên đường vượt Thái Bình Dương. Cuộc tấn công của phi cơ Nhật sẽ tập trung tại Trân châu cảng, nhưng nhiệm vụ của đoàn tiềm thủy đình có một chiến trường rộng lớn hơn nhiều. Tiềm thủy đình sẽ phải bao vây cả đảo Oahu, ngăn chặn các cuộc tăng cường và tiếp liệu của Hoa Kỳ từ bờ biển phía tây.

Hải quân Nhật trông cậy rất nhiều vào các tiềm thủy đình. Yamamoto tin rằng nếu cuộc tấn công bằng phi cơ của Nagumo thất bại thì các tiềm thủy đình sẽ chu toàn cho cuộc hành quân được thành công. Các tiềm thủy đình loại chữ "I" của Nhật rất lớn, dài tới 320 bộ và có tầm hoạt động xa 12,000 dặm và chạy nhanh 14 hải lý một giờ. Đây chính là những tuần dương hạm dưới mặt nước. Các tiềm thủy đình này có khả năng chạy từ Nhật sang tới bờ biển California và quay trở lại Nhật mà không cần phải tiếp tế nhiên liệu. Đó là một khả năng tương đương với một tiềm thủy đình nguyên tử ngày nay. Thủy thủ đoàn trên các tiềm thủy đình này được coi là tài giỏi nhất.

Một số tiềm thủy đình loại chữ "I" chờ theo phi cơ nhỏ, và có nhiệm vụ thông báo cho các mẫu hạm của Nagumo biết những chiến hạm địch nào đã thoát cuộc tấn công của Nhật. Việc bao vây Hawaii đối với đoàn tiềm thủy đình thiện chiến này tương đối không khó khăn gì. Các cuộc tấn công của tiềm thủy đình có thể kéo dài trong một thời gian và có thể gây nhiều tổn thất cho địch nhiều hơn là các cuộc oanh kích của không quân.

Các toán tiềm thủy đình bắt đầu rời các căn cứ Kure và Yokosuka một tuần lễ trước khi các mẫu hạm của Nagumo bắt đầu lên đường. Các mẫu hạm của Nagumo sẽ đi theo hải lộ phía bắc, trong khi các tiềm thủy đình dùng hải lộ phía nam. Cả hai lực lượng này hoàn toàn không liên lạc vô tuyến với nhau, vì sợ bại lộ. Trong suốt bốn ngày, các tiềm thủy đình từ giã căn cứ từng nhóm ba chiếc. Năm tiềm thủy đình loại "I" đi sau cùng và mang theo vũ khí bí mật nhất cho cuộc tấn công Trân châu cảng: đó là các tiểu tiềm thủy đình có tên là Target-A.

Các tiểu tiềm thủy đình Target-A là một vũ khí được nghiên cứu lâu dài. Thoạt đầu đại tá Yokou, người tham dự cuộc chiến Nga-Nhật, nghiên cứu lần đầu trong những năm cuối của thập niên 1920. Đây là một thứ tiểu tiềm thủy đình tự sát, chỉ có một người điều khiển. Khi lâm trận, các tiểu tiềm thủy đình Target-A sẽ được phóng ra từ tiềm thủy đình mẹ. Mỗi tiểu tiềm thủy đình Target-A sẽ mang theo một trái thủy lôi. Khi tấn công chiến hạm địch, sĩ quan sẽ điều khiển cho tiểu tiềm thủy đình phóng đâm thẳng vào chiến hạm địch. Dĩ nhiên khi thủy

lôi nổ, phá tan chiến hạm địch thì người sĩ quan điều khiển tiểu tiềm thủy đình cũng chết tan xác cùng với tiểu tiềm thủy đình.

Đầu năm 1933, tiểu tiềm thủy đình Target-A được bộ tham mưu hải quân chú ý, nhưng tham mưu trưởng lúc đó chỉ đồng ý thực hiện loại tiềm thủy đình này nếu không sát hại sĩ quan điều khiển tiềm thủy đình, do đó kế hoạch không được tiếp tục. Mãi ba năm sau, người ta mới sáng chế ra được một tiểu tiềm thủy đình mà sĩ quan điều khiển có thể phóng được thủy lôi và trốn thoát khỏi tiềm thủy đình. Khi Yamamoto bắt đầu kế hoạch tấn công Trân châu cảng thì tiểu tiềm thủy đình này đã được hoàn thiện hơn, nhưng Yamamoto phản đối sử dụng các tiểu tiềm thủy đình tại Trân châu cảng vì sợ các tiểu tiềm thủy đình không thể quay trở về với tiềm thủy đình mẹ được. Nhưng hai sĩ quan hải quân cố gắng cải thiện các tiểu tiềm thủy đình có được tầm hoạt động xa 175 dặm và có thể lặn năm mươi phút và có tốc lực 20 hải lý. Như vậy tiểu tiềm thủy đình có nhiều cơ hội được tiềm thủy đình mẹ cứu thoát, và do đó được Yamamoto cho phép tham dự chiến dịch tại Trân châu cảng.

Mặc dầu Yamamoto rất quan tâm tới sự an toàn của các sĩ quan điều khiển tiểu tiềm thủy đình, nhưng tất cả 10 trung úy tình nguyện lái 10 chiếc Target-A đều biết sẽ không trở về an toàn. Họ quyết định đánh đắm các mẫu hạm Mỹ, dù phải phóng tiềm thủy đình đâm vào thành tàu của mẫu hạm và chết tan xác khi thủy lôi nổ. Quyết tâm của họ cũng giống như tinh thần của các phi công Thần Phong sau này.

Theo kế hoạch thì các tiểu tiềm thủy đình này sẽ xâm nhập vào Trân châu cảng, nằm im dưới đáy biển suốt ngày trong khi các phi cơ Nhật mở cuộc tấn công. Các tiểu tiềm thủy đình sẽ mở cuộc tấn công bất ngờ vào lúc chiều tối, trong lúc người Mỹ tưởng họ được an toàn. Sau cuộc tấn công, các tiểu tiềm thủy đình sẽ trốn thoát ra khơi nhờ đêm tối. Nhưng tất cả 10 trung úy chỉ huy cho biết họ không có cơ hội trở về an toàn thì tại sao lại bắt họ phải chờ đợi đến đêm tối. Họ muốn được tấn công cùng lúc với các phi cơ. Cuối cùng đô đốc Shimizu, tư lệnh hạm đội tiềm thủy đình, cho phép họ mở cuộc tấn công tùy theo điều kiện chiến trường và sự phán đoán của họ.

Chiều tối ngày 18-11, năm tiềm thủy đình I-16, I-18, I-20, I-22 và I-24 mang theo 10 tiểu tiềm thủy đình Target-A rời căn cứ tại đảo Kure lên đường tiến vào Thái Bình Dương, dưới quyền chỉ huy của đại tá Hanku Sasaki. Sau khi đoàn tiềm thủy đình lên đường rồi, các chiến hạm cũng bắt đầu âm thầm rời biển Inland. Tất cả các mẫu hạm đã lên đường tới điểm tập trung tại vịnh Takan, nhưng Yamamoto vẫn không biết tại Trân châu cảng có màn lưới chống thủy lôi hay không. Yoshikawa vẫn không thể trả lời rõ ràng nghi vấn này của Yamamoto.

Để đánh lạc hướng không cho tình báo Mỹ biết được mục tiêu của mình, Yamamoto ra lệnh cho các chiến hạm Nhật tại biển Inland phải gia tăng mức độ liên lạc bằng radio, và các bản tin bằng radio chỉ nhắc tới các mục tiêu tại chiến trường Trung Hoa, và các mục tiêu của chiến dịch tấn công Đông nam á. Kế hoạch đánh lạc hướng này của Yamamoto đã thành công. Không những thế, Yamamoto còn ra lệnh cho các thủy thủ còn lại ở Nhật Bản hàng ngày phải kéo nhau đi thăm phong cảnh tại Đông Kinh. Các quan sát viên ngoại quốc thấy Đông Kinh đầy nhộn nhịp các thủy thủ và nghĩ rằng hạm đội Nhật vẫn còn bỏ neo tại Nhật và phân nửa thủy thủ được nghỉ phép.

Tình báo Mỹ nhận được rất nhiều các tín hiệu radio từ các chiến hạm Nhật, nhưng các tín hiệu từ các mẫu hạm Nhật hoàn toàn im lặng. Các đô đốc Mỹ ngạc nhiên về sự kiện này, nhưng phỏng đoán các mẫu hạm Nhật vẫn còn tại các căn cứ hải quân Nhật. Nhưng trong lúc các đô đốc Mỹ tin tưởng như thế thì các mẫu hạm của đô đốc Nagumo đang mở hết tốc lực tiến về phía bắc. Nagumo cũng nghiêm cấm các mẫu hạm không được dùng radio. Các mẫu hạm được các khu trục hạm bảo vệ tối đa. Đến ngày 22-11 thì tất cả các mẫu hạm Nhật đã tới vịnh Takan trong quần đảo Kuriles. Quần đảo Kuriles gồm có 16 hòn đảo nhỏ nằm tại một vùng hẻo lánh rất ít dân cư. Chính tại đây, Lực lượng Xung kích tấn công Trân châu cảng dừng lại, làm những sửa soạn cuối cùng trước khi tung ra cuộc tấn công bất ngờ.

Khoảng cuối tháng 11, cả Mỹ và Nhật đều biết rằng cuộc thương thuyết giữa hai bên đã thất bại vì không bên nào chịu nhượng bộ. Tuy thế hai bên vẫn tiếp tục cuộc thương thuyết để phe quân sự có đủ thời giờ chuẩn bị cho cuộc xung đột. Hoa Thịnh Đốn tin rằng Nhật sẽ tấn công Phi luật tân, Mã lai á hoặc Borneo. Nhưng người Mỹ không hề nghĩ người Nhật sẽ tấn công Trân châu cảng vì những chuẩn bị rầm rộ của lực quân Nhật về hướng nam. Các chiến lược gia Mỹ cũng nghĩ như bộ tham mưu Nhật rằng khi Nhật tấn công Đông nam á thì tất cả các mẫu hạm Nhật sẽ phải tham chiến tại đó.

Ngày 24-11 khi các chiến hạm của Nagumo đang được tiếp tế nhiên liệu tại vịnh Takan thì đô đốc Kimmel, tư lệnh Hạm đội Thái bình dương được thông báo rằng kết quả của cuộc thương thuyết Nhật-Mỹ sẽ không thành công, và lực lượng Nhật sẽ bất thành lĩnh tấn công Phi luật tân hoặc đảo Guam.

Ngày hôm sau, 25-11, đô đốc Yamamoto ra lệnh cho lực lượng xung kích:

1. Lực lượng xung kích phải giữ mọi hoạt động cực kỳ bí mật và sẽ rời vịnh Takan ngày 26-11 và tiến tới một vị trí chờ đợi chiều ngày 3-12 và ngay lúc đó

phải mau lẹ tiếp tế nhiên liệu.

2. Lực lượng xung kích phải giữ mọi hoạt động cực kỳ bí mật và phải thận trọng coi chừng tiềm thủy đình và phi cơ địch và phải tiến vào hải phận Hawaii. Khi cuộc chiến xảy ra, phải tấn công hạm đội Mỹ tại Hawaii và phải đánh cho Mỹ một đòn chí tử. Loạt tấn công đầu tiên của phi cơ sẽ khởi sự vào lúc bình minh ngày X - một ngày chính xác sẽ thông báo sau.

3. Sau khi hoàn thành cuộc không tập, lực lượng xung kích sẽ phối hợp chặt chẽ với nhau và đề phòng cuộc phản công của địch quân, sẽ mau lẹ rời bỏ vùng biển địch và trở về Nhật Bản.

4. Nếu cuộc thương thuyết với Hoa Kỳ tỏ ra thành công, lực lượng xung kích sẽ phải sẵn sàng để rút lui và tập hợp lại.

Ngày 26-11, đô đốc Kimmel nhận được một điện tín của bộ hải quân Mỹ như sau: "Điện tín này phải được coi như một sự báo động có chiến tranh." Vào lúc 6 giờ sáng ngày 26-11, khi các mẫu hạm của đô đốc Nagumo rời khỏi vịnh Takan đầy sương mù thì cuộc tấn công vẫn chưa được quyết định dứt khoát. Quyết định khai chiến còn tùy thuộc cuộc hội thảo giữa nội các và các tư lệnh quân đội. Ngay thủ tướng Đông Điền cũng chưa biết lực lượng xung kích của Nagumo đang chờ đợi để tấn công Hawaii. Hải quân không muốn tiết lộ kế hoạch hành quân cho Đông Điền vì Đông Điền thuộc lục quân. Ngay khi ngoại trưởng Togo hỏi khi nào chiến tranh bắt đầu và muốn khai chiến một cách chính thức theo đường lối thông thường, nghĩa là báo trước cho Hoa Kỳ biết, thì đô đốc Nagano, tham mưu trưởng hải quân, trả lời, "Chúng tôi sẽ mở một cuộc tấn công bất ngờ." Đô đốc Ito, phụ tá của Nagano nói thêm: "Chúng tôi không muốn chấm dứt cuộc thương thuyết cho đến khi cuộc tấn công bắt đầu để có được hiệu quả tối đa của cuộc tấn công đầu tiên." Ngoại trưởng Togo tức giận đến nỗi đứng dậy bỏ phòng họp ra về.

Tuy đô đốc Nagano đồng ý kế hoạch tấn công của Yamamoto, nhưng quyết định của ông không phải là quyết định cuối cùng. Theo luật lệ Nhật Bản thì chỉ có Nhật Hoàng mới có quyền khai chiến. Vì thế Nagano và tướng Sugiyama vào Hoàng Cung trình bày vấn đề với Nhật Hoàng. Thoạt đầu Nhật Hoàng Hirohito không chấp nhận ra huân lệnh khai chiến và muốn mở cuộc họp với các chính khách già. Nhưng lúc đó quá trễ, lực lượng của Nagumo đã rời vịnh Takan được ba ngày rồi, khi các chính khách tập họp vào lúc 9:30. Nhật Hoàng yêu cầu các chính khách cho biết quan điểm. Phần lớn các chính khách muốn hòa bình và khuyên Nhật Hoàng nên hòa hoãn. Chỉ có hai viên tướng cho biết con đường chiến tranh là con đường duy nhất. Ngày em út của Nhật Hoàng là một sĩ quan

hải quân cũng chống lại chiến tranh với Hoa Kỳ.

Ngày 1-12, cuộc hội họp trong Hoàng Cung đi đến quyết định khai chiến với Anh quốc, Hoa Kỳ và Hoà lan. Trong cuộc họp này, đô đốc Ito muốn làm vừa lòng ngoại trưởng Togo và đồng ý cho Togo thông báo khai chiến với Mỹ vào lúc 12:30 theo giờ Hoa Thịnh Đốn, và cuộc tấn công Trân châu cảng sẽ xảy ra vào lúc 2 giờ chiều, cũng giờ Hoa thịnh đốn. Như vậy Hoa Kỳ biết trước được cuộc khai chiến trước một giờ rưỡi. Nhưng cuối cùng các đô đốc khác cho rằng thông báo trước như vậy rất nguy hiểm. Cuối cùng tất cả đồng ý chỉ thông báo trước cho Hoa Kỳ một nửa giờ mà thôi.

Sau đó Nhật Hoàng ký lệnh khai chiến. Thực ra đây là một việc trái ý muốn của Nhật Hoàng, nhưng Nhật Bản không còn con đường nào khác hơn, không thể chấp nhận điều kiện của Hoa Kỳ bắt Nhật phải rút khỏi Trung Hoa và hợp tác với chính phủ của Tưởng Giới Thạch được. Sau khi ký lệnh khai chiến, Nhật Hoàng gửi một thông điệp cho Yamamoto như sau:

"Sau khi ra lệnh khai chiến, ta giao phó trọng trách chỉ huy Hạm đội Hỗn hợp cho đô đốc. Trách nhiệm của Hạm đội Hỗn hợp thật là nặng nề, và thành công hay thất bại của Hạm đội sẽ thay đổi số phận của quốc gia. Đô đốc đã thành công huấn luyện hạm đội trong nhiều năm qua, và đô đốc phải quyết tâm hoàn thành sự trông đợi của ta bằng cách bành trướng sức mạnh và quyền uy của Hạm đội khắp thế giới và tiêu diệt kẻ thù."

Yamamoto trả lời Nhật Hoàng: "Thần vô cùng xúc động được lệnh Khai chiến của Hoàng Gia khi cuộc chiến bắt đầu. Thần sẽ kính cẩn thi hành mệnh lệnh cao cả của đức Hoàng Thượng. Binh sĩ của Hạm đội Hỗn hợp đã tuyên thệ hết sức tận tụy với nhiệm vụ và sẽ hoàn thành mục đích của thông điệp này. Tất cả đều quyết tâm chấp nhận trách nhiệm và thực hiện mệnh lệnh của đức Hoàng Thượng."

Tuy vậy lệnh tấn công Trân châu cảng vẫn được giữ tuyệt đối bí mật. Chỉ một số nhỏ sĩ quan soạn thảo kế hoạch mới biết được những gì sẽ xảy ra. Mãi tới lúc Yamamoto ra lệnh cho Lực lượng Xung kích tiến vào vùng biển Hawaii thì các binh sĩ khác mới biết. Phản ứng của binh sĩ Nhật thoát đầu là kinh ngạc, và sau đó là hừng khởi. Kuramoto, một thủy thủ, viết trong nhật ký, "Tấn công Trân châu cảng - một giấc mơ đã thành sự thực! Đồng bào tại quê nhà sẽ nghĩ gì khi họ biết được tin này? Họ có sung sướng khích động không? Tôi đã trông thấy trước họ sẽ vỗ tay reo mừng. Chúng ta sẽ dạy những tên Anglo-Saxon khôn kiếp một bài học!"

Các đại sứ Nhật tại Hoa Thịnh Đốn Kurusu và đô đốc Nomura vẫn tiếp tục cuộc thương thuyết, và không hề hay biết gì về Hạm đội Nhật đã ra khơi và sắp khai chiến với Hoa Kỳ. Họ được lệnh từ Đông Kinh phải tiếp tục cuộc thương thuyết, mặc dù sẽ không đi tới một thỏa hiệp nào. Họ có nhiệm vụ không để Hoa Kỳ nghi ngờ về những sửa soạn chiến tranh của Nhật. Sau khi được lệnh này thì hai đại sứ Nhật biết rằng sẽ có chuyện xảy ra ngay, nhưng họ không thể đoán được cuộc chiến sẽ xảy ra tại đâu và bao giờ. Họ biết rằng họ được chính phủ Nhật xử dụng như một nghi trang, một thứ mồi để lừa dối phương. Nhưng vẫn có một người không nghi ngờ chút nào. Người đó là đô đốc Kimmel, mặc dù Hạm đội Nhật đã lên đường vài ngày rồi. Phương tiện duy nhất để kiểm soát hạm đội Nhật là các phi đội thám thính, nhưng Kimmel vẫn không mở rộng phạm vi hoạt động của các phi công tuần thám.

Trong khi đó sinh hoạt tại Hawaii vẫn là sinh hoạt của thời bình. Ngày 28-11, đô đốc Halsey ghé Hawaii và hội đàm lâu dài với Kimmel trước khi Halsey lên đường đi Guam. Các chiến hạm của Halsey cũng có nhiệm vụ thám thính tìm các chiến hạm địch. Halsey hỏi Kimmel nếu các chiến hạm của ông đụng phải Hạm đội Nhật thì ông sẽ hành động như thế nào. Kimmel khuyên Halsey nên dùng phán đoán của một cấp chỉ huy tại chỗ. Nhưng con đường đi Guam của Halsey thì không thể nào gặp Hạm đội Nhật được. Đó cũng là điều may cho Halsey. Ngày thứ sáu 5-12, đô đốc Newton chỉ huy Lực lượng Xung kích Thứ Hai, gồm có mẫu hạm Lexington, ba tuần dương hạm và năm diệt ngư lôi hạn, cũng ghé lại Hawaii trên đường đi quần đảo Midway.

Cũng trong tuần lễ đó, đô đốc Hart gửi cho Kimmel và các tư lệnh hải quân khác một bản tin về các dấu hiệu "Gió" do đài phát thanh Đông Kinh đang dùng. Theo các chuyên viên về mật mã thì khi người Nhật dùng mật hiệu "Mưa Đông Phong" thì có nghĩa là chiến tranh với Hoa Kỳ, Anh và Hòa Lan. Mật hiệu "Gió Bắc Âm U" thì có nghĩa là sự rạn nứt giữa Nga và Nhật. Các chuyên viên phát thanh tại Hawaii theo dõi 24 giờ một ngày để chờ nghe các mật hiệu này. Đại tá Safford, chuyên viên mật mã của hải quân Mỹ, đã bắt được mật hiệu "Mưa Đông Phong" một lần. Đại tá Safford tin rằng chiến tranh sẽ xảy ra, nhưng người ta không có một sự cảnh giác nào tại Hawaii. Trân châu cảng vẫn chưa sẵn sàng, và các chiến hạm vẫn nằm trong quân cảng, chưa ra khơi để ngăn chặn lực lượng địch.

Các chuyên viên về radio tại Trân châu cảng vẫn ngày đêm theo dõi các làn sóng radio của Nhật để tìm kiếm vị trí của các mẫu hạm Nhật. Nhưng họ không thể nào xác định được vị trí của các mẫu hạm Nhật, vì Yamamoto ra lệnh cấm ngặt dùng radio trên các mẫu hạm. Đồng thời Yamamoto ra lệnh tung ra những tín hiệu giả, khiến cho người Mỹ không nghi ngờ gì cả. Kế hoạch lừa địch của Yamamoto đã thành công.

Tiến Tới Điểm Xuất Quân Tại Hawaii

Ngày 1-12, khi nội các phê chuẩn quyết định khai chiến của thủ tướng Đông Triều thì đô đốc Nagumo đã dẫn lực lượng xung kích tiến vào hải phận Hawaii được năm ngày rồi. Ngày hôm sau, tiếp theo Huấn Lệnh Khai Chiến bắt đầu của Nhật Hoàng, bộ Tổng Tư Lệnh Hoàng gia ra một mật lệnh cho biết trận đánh đầu tiên mở màn cuộc chiến sẽ bắt đầu ngày 7-12 tại Hawaii.

Trên soái hạm Nagato trong biển Inland, Yamamoto cho phát thanh mật hiệu lịch sử: "Nagata Yama Nobore", có nghĩa là "Trèo Ngọn Núi Nagata". Đây là tên ngọn núi cao tại Đài Loan đang thuộc quyền cai trị của Nhật Bản. Khi nhận được mật hiệu này, các chiến hạm của Nagumo đã tới điểm hẹn và chiến tranh sắp xảy ra. Trong khi đó tình báo Mỹ vẫn tin tưởng sức mạnh hải quân của Nhật vẫn còn bỏ neo tại các quân cảng Nhật Bản. Một bản tin tình báo tóm tắt cho biết Nhật Bản đang chuẩn bị một cuộc hành quân rất lớn, nhưng không tin Hawaii sẽ là mục tiêu, và nhấn mạnh mục tiêu sẽ là Phi luật tân hoặc đảo Guam.

Người Mỹ đặt tin tưởng vào những tín hiệu giả của hải quân Nhật, nhất là các phi đội tuần thám của Mỹ không hề bắt gặp bất cứ một phi cơ hoặc một chiến hạm nào của Nhật tại đường tiến quân về phía bắc Thái Bình Dương. Không những thế, các khu trục hạm của Nhật đi tiên phong sẽ đánh chìm bất cứ một tàu chiến hoặc một thương thuyền nào bị bắt gặp.

Phó lãnh sự Nhật tại Hawaii vẫn chăm chỉ cung cấp những bản tin vào giờ chót về mẫu hạm Lexington của Mỹ. Tình báo Mỹ bắt được một số tín hiệu từ Honolulu của một người mang tên là Mori, gửi cho một người nào đó tại Nhật Bản, báo cáo về những chuyến bay hàng ngày của phi cơ Mỹ, đặc biệt là những phi cơ lớn xuất phát từ Honolulu, số lượng chiến hạm trong quân cảng và quân trú phòng Mỹ có dùng những đèn pha chiếu rọi không. Tuy nhiên trong những bản tin này, các danh từ quân sự được thay thế bằng tên các loài hoa. Nhân viên tình báo Mỹ cho rằng đây là những tin tức về một cuộc tấn công của hải quân Nhật, nhưng không cho là quá khẩn cấp. Tình báo Mỹ cũng tìm ra manh mối tới một gia đình họ Mori tại Hawaii. Gia đình này cũng đang bị FBI điều tra và họ phủ nhận không hề có liên lạc với Nhật Bản. Thực ra Mori có thể là tên phó lãnh sự Morimura viết ngắn lại.

Cho tới ngày thứ sáu, hai ngày trước cuộc tấn công, tòa lãnh sự tại Honolulu đã đánh điện thẳng về Đông Kinh một tín hiệu: "Các chiến hạm không có màn lưới chống thủy lôi. Không có dấu hiệu đề cao cảnh giác tại hải phận." Đến đây thì phó lãnh sự Morimura không cần phải dè dặt nữa, một phần vì cuộc chiến sắp xảy ra rồi, và một phần vì bị thúc bách phải nói rõ chi tiết.

Những tin tức như thế phải được coi là sinh tử, nhưng hầu như các tư lệnh Mỹ đều bị các tín hiệu từ biển Inland ru ngủ và tin tưởng vào một cuộc hành quân quy mô của Nhật vào Đông nam á. Người Mỹ tin rằng đây sẽ là một cuộc hành quân rất lớn và quan trọng của Nhật Bản, nhưng tin rằng cuộc hành quân này

cách xa hàng ngàn dặm tại Đông nam Á, và không một ai nghi ngờ hải quân Nhật dám táo bạo tới tận Hawaii tấn công hạm đội Mỹ.

Trong lúc giới quân sự tại Trân châu cảng sống trong trạng thái bình thần thì các mẫu hạm của đô đốc Nagumo vẫn tiến song song hàng sáu, nhắm hướng Hawaii. Các chiến hạm lớn Kirishima và Hiei cũng chạy song song với các mẫu hạm, và tất cả được hai tuần dương hạm lớn Tone và Chikuma hộ tống hai bên, cách khoảng vài dặm. Khi hạm đội Nhật tới gần Hawaii thì biển động và gây rất nhiều khó khăn. Những cờ tín hiệu bị gió mạnh phá rách bươm. Nhiều thủy thủ bị gió và sóng cuốn xuống biển, nhưng hạm đội không thể nào dừng lại để tìm vớt những thủy thủ không may này. Tất cả phải tiến tới điểm hẹn đúng thời hạn. Rồi sương mù buông xuống bao trùm tất cả vùng biển, nhưng các mẫu hạm vẫn không giảm tốc độ. Trong tình trạng ấy, các sĩ quan chỉ huy rất lo sợ các mẫu hạm và chiến hạm có thể đụng nhau, vì họ không thể trông thấy gì xa quá vài chục thước. Nhưng sương mù cũng có lợi điểm là bảo vệ cho hạm đội không bị phi cơ thám thính Mỹ khám phá. Trong khi đó, bên dưới khoang tàu, các phi công cố ôn lại các đồ hình về địa thế Trân châu cảng và đảo Oahu. Các phi công này thông thuộc đường lối tại Hawaii hơn chính người dân bản xứ. Tòa lãnh sự Nhật tại Honolulu báo cáo hàng giờ về tình hình tại Trân châu cảng. Các sĩ quan Nhật chuyên về thông tin luôn luôn theo dõi các đài phát thanh tại Hawaii xem cuộc hành quân có bị bại lộ không.

Càng gần tới Hawaii, các mẫu hạm bắt đầu nhận được các tín hiệu của các phi cơ thám thính Mỹ. Các chuyên viên về tín hiệu của Nhật Bản đã biết được con số phi cơ tuần tiểu của Mỹ từng lúc một. Nhưng những phi cơ thám thính Mỹ chỉ bay tại phía tây nam đảo Oahu, trong khi lực lượng Nhật tiến tới từ phía bắc, do đó phi cơ Mỹ không thể khám phá được hạm đội Nhật đang tiến tới. Đô đốc Nagumo không dám cho phi cơ thám thính của Nhật bay lên. Trong khi các mẫu hạm của Nagumo tiến tới cuộc tấn công lịch sử này thì các tiềm thủy đình Nhật đã bố trí tại phía nam Hawaii từ trước. Chính vì thế lực lượng tiềm thủy đình của Nhật được gọi là Lực lượng Tiền Phương.

Đô đốc Nagumo và các đô đốc thuộc bộ tư lệnh hải quân Nhật vẫn hoài nghi về sự thành công của kế hoạch Yamamoto tấn công Trân châu cảng bất ngờ. Họ vẫn tin rằng các phi công của Nagumo chỉ có hy vọng thành công năm mươi phần trăm. Chính vì thế bộ tư lệnh hải quân Nhật cho rằng việc tấn công của các tiềm thủy đình cùng một lúc với các phi cơ cũng rất cần thiết. Khi tới gần Hawaii, các tiềm thủy đình trồi lên mặt nước về ban đêm. Ban ngày các tiềm thủy đình lại lặn xuống nước và dùng kính tiềm vọng để quan sát. Khi năm tiềm thủy đình cuối cùng đem theo mười tiểu tiềm thủy đình Target-A tới nơi thì lệnh cuối cùng của họ là:

1. Phải canh chừng mọi hoạt động của hạm đội Mỹ quanh Trân châu cảng.
2. Phải thả các tiểu tiềm thủy đình xuống và quan sát kết quả.
3. Nếu gặp chiến hạm Mỹ phải tấn công ngay.
4. Phải cứu vớt các tiềm thủy đình và các phi công Nhật bị bắn rơi.

Ngay tối thứ sáu, các tiềm thủy đỉnh đã chiếm các vị trí thám thính quanh Trân châu cảng. Vị trí gần nhất là tám dặm và vị trí xa nhất là 100 dặm cách Trân châu cảng. Ba tiềm thủy đỉnh làm thành một hàng trước các mẫu hạm của Nagumo một trăm dặm. Nếu thấy bóng dáng phi cơ hoặc chiến hạm Mỹ, các tiềm thủy đỉnh phải lặn ngay, và khi đã an toàn để trôi lên thì họ phải báo tin về cho Nagumo biết ngay.

Trong cuộc hành quân tấn công Trân châu cảng, lực lượng Nhật may mắn không gặp một trở ngại nào. Ngay cả thời tiết cuối cùng cũng trở nên thuận lợi. Một điều bận tâm duy nhất của các tư lệnh Nhật Bản là không biết các mẫu hạm Mỹ có mặt tại Trân châu cảng hay không. Người Nhật tin rằng ít nhất có bốn mẫu hạm Mỹ tại Trân châu cảng là những chiếc Yorktown, Hornet, Lexington và Enterprise. Thực ra hai chiếc Yorktown và Hornet đã được chuyển sang Đại Tây Dương, còn hai chiếc Lexington và Enterprise thì rời Trân châu cảng khi hạm đội của Nagumo tới nơi. Đó là sự không may cho hải quân Nhật, vì mục đích chính của Yamamoto là tiêu diệt cho bằng được các mẫu hạm Mỹ.

Tuy nhiên tại Trân châu cảng vẫn còn những mục tiêu khá hấp dẫn cho các oanh tạc cơ của Nagumo. Tại Trân châu cảng lúc đó có Hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ gồm có 8 chiến hạm, 2 tuần dương hạm lớn, 6 tuần dương hạm nhẹ, 29 khu trục hạm, 5 tiềm thủy đỉnh, 1 thuyền máy, 8 khu trục giải mìn, 1 tàu thả mìn, 4 khu trục hạm vớt mìn, 6 tàu vớt mìn và 24 tàu đủ loại khác.

Ngày Yamamoto gửi tín hiệu "Trèo Núi Nagata" thì biển Hawaii bình lặng trở lại và hạm đội của Nagumo dùng cả ngày để tiếp tế nhiên liệu. Khi tất cả mọi chiến hạm được tiếp tế nhiên liệu xong, các mẫu hạm gia tăng tốc lực lên 26 hải lý một giờ, và lướt trên một vùng biển bình lặng tới Trân châu cảng. Nhưng cũng đúng lúc đó, mẫu hạm Mỹ Enterprise cũng rời đảo Wake để trở về Trân châu cảng.

Ngày thứ bảy, một ngày trước cuộc tấn công, là một ngày gay cấn nhất cho đô đốc Nagumo. Trên sàn các mẫu hạm, các phi cơ đấu sát cánh nhau, và các nhân viên bảo trì tận lực kiểm soát các phi cơ để bảo đảm mọi sự được tốt đẹp. Sáng sớm hôm đó, bộ Tổng tư lệnh Hoàng gia tại Đông Kinh loan báo những tin tức cuối cùng từ Trân châu cảng cho các mẫu hạm của Nagumo. Tin cuối cùng khá chính xác. Thiếu úy Yoshikawa đã làm nhiệm vụ do thám Trân châu cảng cho tới phút cuối cùng. Bản tin cuối cùng xác nhận có 7 chiến hạm và 7 tuần dương hạm Mỹ trong quần cảng, nhưng không có một mẫu hạm nào. Các phi công Nhật lập tức thay đổi chi tiết tấn công cho phù hợp với bản tin cuối. Tuy thế họ vẫn hy vọng trong 24 giờ nữa có thể có mẫu hạm Mỹ vào bến. Tối thứ bảy, Nagumo nhận được bản tin nữa của bộ Tổng tư lệnh Hoàng gia cho biết Trân

châu cảng có 8 chiến hạm và 15 tuần dương hạm địch.

Đêm thứ bảy, những tiềm thủy đình Nhật nằm ở những vị trí gần nhất đã có thể trông thấy các đèn nê-ông sáng trưng trên bãi biển Waikiki, và nghe thấy các đài phát thanh tại Hawaii chơi các điệu nhạc khiêu vũ. Một pháo thủ trên chiếc I-24 đã từng đến Hawaii trước kia, đứng trên boong chỉ trở cho đại tá Sasaki biết những lối đi vào Trân châu cảng. Tối hôm đó tất cả 27 tiềm thủy đình Nhật đã bao vây Trân châu cảng. Trung tá Ono phụ trách tình báo cho Nagumo thu thập các báo cáo cuối cùng thì vẫn không thấy có mẫu hạm nào của địch, trừ chiếc Enterprise rời Trân châu cảng tuần trước, và hy vọng sẽ trở về khi cuộc tấn công bắt đầu.

Cũng trong đêm đó, Hoa Thịnh Đốn nhận được một bản tin đặc biệt. Đó là bản trả lời của người Nhật cho người Mỹ. Tổng thống Roosevelt tha thiết kêu gọi Nhật Hoàng cố gắng giữ hòa bình cho thế giới. Lời kêu gọi này của Roosevelt không được người Nhật đáp ứng lại. Đêm đó Nagumo nhận được tin của Bộ Tư lệnh Hoàng Gia bày tỏ lòng tin tưởng cuộc tấn công sẽ chiến thắng, nhưng Nagumo thì lại không tin như vậy. Chỉ có một điều được chính thức xác nhận là đô đốc Kimmel đem tất cả hạm đội Thái Bình dương vào trong quân cảng như thường lệ, ngoại trừ các mẫu hạm. Không may cho Nagumo là bản tin này không cho biết chiếc mẫu hạm lớn của Mỹ là Lexington đang ở gần vùng chiến trường. Ngay sáng sớm ngày thứ bảy, chiếc Lexington chỉ cách bờ biển Oahu về phía tây có 200 dặm.

Nagumo triệu tập các sĩ quan vào phòng hành quân và cho họ biết tình hình chiến trường như sau:

1. Sức mạnh của địch trong khu vực Hawaii gồm có 9 chiến hạm, 2 mẫu hạm, khoảng 10 tuần dương hạm nặng và nhẹ. Các mẫu hạm và tuần dương hạm hạng nặng có lẽ ở ngoài khơi, nhưng các chiến hạm khác đều ở trong quân cảng.
2. Không có dấu hiệu địch quân cảnh giác đề phòng, nhưng không phải vì thế mà chênh lệch việc an ninh.
3. Trừ phi có những biến chuyển bất ngờ, cuộc tấn công của Nhật sẽ nhắm vào Trân châu cảng.

Ngay sau đó, thiếu tá Shibuya, sĩ quan tham mưu về cuộc hành quân tiềm thủy đình, giải thích cho các sĩ quan trên soái hạm Akagi về kế hoạch hành quân của tiềm thủy đình. Shibuya ra lệnh cho các tiềm thủy đình loại chữ I phải đưa các

tiểu tiềm thủy đình Target-A vào trong quân cảng nhờ đêm tối. Shibuya còn nhấn mạnh rằng dù cơ hội tấn công thuận lợi thế nào mặc lòng, các tiềm thủy đình sẽ không được phép tấn công trước các phi cơ. Chính lệnh này đã cứu chiếc mẫu hạm Lexington của Mỹ. Chiếc tiềm thủy đình I-74 của Nhật bắt gặp mẫu hạm Lexington, nhưng đã tuân lệnh cấp trên nên không tấn công ngay. Suốt đêm thứ bảy, chiếc tiềm thủy đình I-74 của Nhật chỉ hết sức theo dõi chiếc mẫu hạm Lexington để chờ tấn công, sau khi phi cơ Nhật đã bắt đầu cuộc tấn công. Nhưng đến sáng sớm ngày hôm sau, đúng lúc Nagumo ra lệnh cho các phi công xuất quân thì chiếc I-74 lạc mất chiếc mẫu hạm Lexington vì đêm tối.

Đêm thứ bảy là một đêm dài cho đô đốc Nagumo. Ông ngồi chăm chú nhìn những bản tin cuối cùng để quyết định tấn công hay lui quân. Bây giờ ông là người cô đơn tại chiến trường, phải dùng sự phán đoán riêng của mình để quyết định. Yamamoto hoặc bộ tư lệnh tại Đông Kinh không thể giúp gì cho ông được nữa. Khi không thấy có mẫu hạm Mỹ, ông có quyền lui quân, nhưng một số lớn chiến hạm Mỹ tại Trân châu cảng cũng là miếng mồi ngon, một cái giá đáng mở cuộc tấn công. Cuối cùng ông quyết định thi hành cuộc tấn công, với hy vọng mong manh các mẫu hạm Mỹ sẽ xuất hiện vào lúc các phi công của ông đang oanh tạc Trân châu cảng.

Vào khoảng 9 giờ tối thứ bảy thì hạm đội của Nagumo chỉ còn cách Hawaii 400 dặm thôi. Nagumo triệu tập tất cả binh sĩ lên boong mẫu hạm. Hàng ngàn sĩ quan và binh sĩ đứng nghiêm để nghe đọc huấn lệnh của Yamamoto: "Sự hưng vong của đế quốc Nhật tùy thuộc vào trận đánh này. Mọi người phải tận tụy gắng sức chu toàn sứ mạng." Toàn thể binh sĩ trên boong mẫu hạm Akagi đều òa khóc và reo hò khi một lá cờ trận vĩ đại được kéo lên và bay tung trên soái hạm Akagi. Chiếc cờ cũ đó chính là lá cờ của đô đốc Togo treo trên soái hạm Mikasa của Togo 26 năm trước, khi ông chiến thắng hạm đội Nga tại Đối Mã. Ý kiến kéo lá cờ này lên trước khi ra quân là của một cựu thiếu úy hải quân đã từng chiến đấu bên cạnh đô đốc Togo, và bị cụt mất hai ngón tay trong trận hải chiến Đối Mã. Người thiếu úy ấy bây giờ là đại đô đốc Yamamoto.

Các tư lệnh đọc những bài diễn văn ái quốc và người ta nghe thấy những tiếng tung hô "Banzai" nghẹn ngào trong nước mắt cảm động. Tất cả đều tin tưởng rằng cuộc tấn công sắp tới là giây phút lịch sử quan trọng cho lịch sử hải quân Nhật hơn là cuộc chiến của Togo tại eo biển Đối Mã trước kia. Rồi soái hạm Akagi ra lệnh tất cả chiến hạm và mẫu hạm phải mở hết tốc lực tiến về phía nam. Trong lúc các thủy thủ reo hò, và các mẫu hạm mở hết tốc lực tới 27 hải lý một giờ thì các phi công xuống phòng hành quân để nghe thuyết trình lần cuối cùng. Mỗi phi công mang theo một tấm hình của Trân châu cảng có đánh dấu vị trí mới nhất của các chiến hạm Mỹ.

Sáng sớm ngày chủ nhật, Nagumo nhận được một bản tin ngắn cuối cùng của bộ Tư lệnh Hoàng Gia: "Không có mẫu hạm, nhắc lại, không có mẫu hạm tại Trân châu cảng." Lúc đó là một bầu trời tối thui, mây đen bao phủ khi các mẫu hạm chạy đua tới điểm xuất phát cuộc tấn công, 270 dặm cách bờ biển Hawaii. Cuồng phong dấy lên và sóng biển dữ dội đập vào thành tàu. Mọi người tưởng rằng hạm đội sẽ gặp điềm không may, vì trong tình trạng thời tiết như thế rất khó cho phi cơ cất cánh. Lúc đó hạm đội vẫn còn phải chạy 5 giờ nữa mới tới điểm xuất quân, trong khi các tiềm thủy đình mẹ đã lặn xuống để phóng các tiểu tiềm thủy đình Traget-A ra. Các tiểu tiềm thủy đình tìm cách lén vào Trân châu cảng để chờ dịp tấn công địch. Các tiểu tiềm thủy đình vẫn có cơ hội trở lại tiềm thủy đình mẹ, nhưng tất cả các sĩ quan điều khiển tiểu tiềm thủy đình biết rằng họ sẽ không bao giờ có dịp nhìn lại tổ quốc và gặp lại gia đình một lần nữa. Một sĩ quan cẩn thận để lại các vật tùy thân, tiền bạc và một lá thư tuyệt mạng gửi về cho cha mẹ. Các sửa soạn thận trọng của viên sĩ quan này không phải là vô ích, vì người ta không bao giờ gặp lại anh ta nữa.

Cửa dẫn vào Trân châu cảng rất hẹp và có màng lưới chống tiềm thủy đình. Các tiểu tiềm thủy đình phải nằm nấp bên ngoài, chờ khi nào cổng mở cho chiến hạm Mỹ ra vào thì sẽ lén vào. Đúng 3:45, chiếc tàu vót mìn Antares của Mỹ đang chờ đợi bên ngoài cửa vào Trân châu cảng thì trông thấy tiềm vọng kính của một tiểu tiềm thủy đình Nhật nhô lên cách khoảng 140 thước. Có lẽ chiếc tiểu tiềm thủy đình này đi theo chiếc Antares về hướng Trân châu cảng. Ngay gần lúc bình minh, chiếc tàu vót mìn Condor cũng trông thấy một tiềm vọng kính của một tiểu tiềm thủy đình khác. Vì biết rằng các tiềm thủy đình Mỹ không hoạt động ngầm dưới nước trong khu vực này, các thủy thủ của chiếc Condor vội báo ngay cho khu trục hạm Ward đang đi tuần ngay ngoài cửa lối vào Trân châu cảng. Ngay lập tức phi cơ tuần thám Mỹ và chiếc khu trục hạm Ward mở cuộc tấn công ngay tại chỗ các tiềm thủy đình Nhật bị khám phá. Đây chính là những phát khai hỏa đầu tiên của cuộc chiến tại Thái Bình Dương.

Mặc dù khu trục hạm báo cáo về bộ chỉ huy về việc xuất hiện của tiềm thủy đình Nhật, nhưng không ai quan tâm. Người ta chỉ bàn tán về sự việc này cho tới phi cơ Nhật nhào xuống tấn công. Cổng vào quân cảng được mở ra vào lúc 4:58 để cho chiếc tàu vót mìn của Mỹ vào. Cửa cứ tiếp tục để ngỏ như vậy cho mãi tới 8:40. Ngay buổi sáng lịch sử đó, cổng vào quân cảng bỏ ngỏ tới gần 4 tiếng đồng hồ. Hải quân Nhật tin chắc rằng ít nhất ba tiểu tiềm thủy đình Nhật đã vào được bên trong quân cảng một cách an toàn.

Khoảng 5 giờ sáng trong bầu trời tối đen như mực, trong khi các mẫu hạm tiếp tục nhào mình vào những đợt sóng lớn của một biển động để tiến tới điểm xuất quân, thì hai chiếc tuần dương hạm hạng nặng Chijuma và Tone mỗi chiếc phóng ra một phi cơ nổi để dò thám Trân châu cảng. Khi hai chiếc phi cơ nổi trôi đi thì trên các mẫu hạm, các phi cơ đã sẵn sàng vào hàng để cất cánh. Lúc đó

sóng biển cao đến nổi tràn qua cả boong mẫu hạm, khiến các phi công và nhân viên bảo trì phải ôm chặt cánh máy bay để khỏi bị cuốn trôi xuống biển.

Một giờ sau đó, biển tối sầm lại và những làn sóng biển lớn dường như mỗi lúc một hung dữ hơn. Trong hoàn cảnh ấy phải mất nhiều thì giờ hơn phi cơ mới cất cánh được. Mặc dù không nhận được tin tức của phi cơ thám thính, Nagumo vẫn quyết định phải tung phi cơ lên ngay, nếu không yếu tố bất ngờ sẽ không còn nữa. Bằng quyết định này, Nagumo đã đạt được yếu tố bất ngờ hơn trước. Thay vì phải chờ chính phủ Nhật 30 phút để tuyên chiến với Hoa Kỳ mà bộ Tư lệnh hải quân đã đồng ý. Nhưng quyết định mở cuộc tấn công ngay của Nagumo đã không có thì giờ cách biệt giữa lệnh tuyên chiến của chính phủ Nhật và cuộc tấn công nữa.

Nagumo triệu tập trung tá Fuchida vào phòng thuyết trình của soái hạm Akagi. Fuchida là một phi công nhiều kinh nghiệm, với 25 năm thâm niên trong hải quân, sẽ hướng dẫn cuộc tấn công. Khi Fuchida trình diện Nagumo và đại tá Hasegawa chỉ huy soái hạm Akagi, thì tất cả phi công trên các mẫu hạm tiến vào phòng hành quân để nghe lệnh cuối cùng. Trên một tấm bảng đen, vị trí của các chiến hạm Mỹ trong quần đảo được vẽ rõ ràng theo đúng tin tình báo cuối cùng nhận được vài giờ trước đó, từ những tiềm thủy đình thám thính và các điệp viên tại Honolulu. Khi không còn tin tức nào nữa, và không còn gì để nói nữa, đô đốc Nagumo bắt tay trung tá Fuchida và nói, "Hãy cất cánh theo đúng kế hoạch."

Khi Fuchida bước lên chiếc oanh tạc cơ sơn màu vàng và đỏ cùng với áo giáp mặc bên trong, một sĩ quan bảo trì cao cấp trao cho Fuchida một mảnh vải trắng để quấn ngang đầu, một biểu tượng sẵn sàng chết cho tổ quốc. Trong lúc Fuchida buộc chặt chiếc nón sắt của phi công thì các mẫu hạm chạy vòng theo hướng gió bắc và lá cờ lệnh của Nagumo phát phới song song với lá cờ cũ của đô đốc Togo trên đỉnh cột cờ của soái hạm Akagi. Một ngọn đèn màu xanh nhạt làm thành một vòng tròn nhỏ trong bóng đêm, đánh dấu chiếc phi cơ đầu tiên sửa soạn cất cánh. Khi chiếc phi cơ đầu tiên bốc lên vào bầu trời đen thẫm, tất cả thủy thủ trên mẫu hạm nức lòng xúc động và cất tiếng reo hò vang dội, át cả những âm thanh cuồng nộ của biển động.

Các phi cơ dường như cũng nức lòng vì nhiệm vụ cao cả, cũng gào thét nổi đuôi nhau chờ đến lượt tung cánh bay. Trông thấy cảnh tượng hào hùng phấn khởi đó, đô đốc Nagumo đứng trên cầu soái hạm quan sát cuộc xuất quân cũng không còn cảm thấy e ngại như trước nữa. Mặc dù đêm tối và biển động, trong vòng 15 phút, tất cả 183 chiến đấu cơ, oanh tạc cơ và phi cơ phóng thủy lôi đã cất cánh hết từ sáu mẫu hạm. Các phi cơ bay vòng quanh các mẫu hạm, rồi bắt đầu nhắm hướng Trân châu cảng phóng tới. Lúc đó là 6:15 sáng ngày chủ nhật 7-12-1941.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 17 -

Trận Đánh Trân Châu Cảng

Vì biển động phong ba bão táp dữ dội trong lúc các phi cơ Nhật phải cất cánh rời mẫu hạm, nên đô đốc Nagumo nghĩ rằng ít nhất cũng phải có một số phi cơ lâm nạn, nhưng tất cả các phi cơ đều cất cánh rất tốt đẹp hơn sự mong đợi của Nagumo. Sự thành công khởi đầu này chứng tỏ kế hoạch huấn luyện của Yamamoto có kết quả tốt và các phi công Nhật đạt được kỹ thuật bay rất cao. Các tư lệnh Nhật ước tính rằng đợt phi cơ tấn công đầu tiên của Nhật sẽ tới bờ biển Hawaii trong khoảng hơn một giờ bay. Toán phi cơ do trung tá Fuchida chỉ huy lập tức bốc lên độ cao 10,000 bộ, bên trên những lớp mây dày đặc. Trong lúc các phi cơ tiếp tục chuyển bay sinh tử này thì mây tan dần và mặt trời xuất hiện, báo trước một bình minh hồng.

Mối lo ngại của Nagumo về mẫu hạm Mỹ suýt nữa gây tai hại cho sứ mạng của ông. Nagumo phái hai phi cơ thám thính bay về phía Hawaii để dò xét một lần nữa. Trong khi đó tại một địa điểm kiểm soát không phận tại Opana, hai binh nhì Joseph Locard và George Elliot phải trực từ 4 tới 7 giờ sáng. Khoảng 6:45 sáng, hai người trông thấy một phi cơ lạ bay về hướng đảo Oahu. Đó chính là một trong hai chiếc phi cơ thám thính từ các tuần dương hạm Chikuma và Tone, đang bay một chuyến bay thám thính nguy hiểm cuối cùng để tìm xem có mẫu hạm Mỹ hay không.

Thoạt đầu binh nhì Locard cho rằng đây là một phi cơ bị trục trặc, nhưng quan sát kỹ, anh ta thấy đó là một phi cơ rất bình thường. Khoảng 7.02, máy radar của Mỹ khám phá nhiều phi cơ đang bay về hướng đảo Oahu, cách xa khoảng 130 dặm về hướng bắc. Hai binh nhì này hoảng sợ và sau một hồi bàn cãi, cả hai báo cáo về trung tâm kiểm soát không phận những khám phá của họ. Lúc đó viên sĩ quan trực duy nhất tại trung tâm là trung úy Kermit A. Tyler. Tyler là một sĩ quan không quân được gửi tới trung tâm radar để huấn luyện và quan sát. Khi Locard gọi điện thoại cho Tyler, Tyler cho rằng Locard hoảng hốt quá đáng và khuyên Locard nên quên sự hoảng hốt đi. Tyler cho rằng những phi cơ đó đúng là những phi cơ tuần thám của phi trường Hickam, hoặc có thể là một đoàn phi cơ B-17 từ lục địa bay ra.

Toán phi cơ mà trung úy Tyler đoán là các phi cơ B-17 đó chính là toán phi cơ tấn công của trung tá Fuchida. Đây là những phi cơ tấn công đầu tiên của Nhật. Fuchida bay dẫn đầu đoàn phi cơ gồm 49 oanh tạc cơ. Bay bên dưới đoàn oanh tạc cơ của Fuchida là một đoàn 40 phi cơ phóng thủy lôi do trung tá Murata chỉ

huy, cũng thuộc mẫu hạm Akagi như trung tá Fuchida. Bên trên Fuchida là một đoàn 51 phi cơ nhào xuống thả bom cất cánh từ mẫu hạm Shikoku dưới quyền chỉ huy của trung tá Takahashi. Mỗi phi cơ của toán Takahashi mang theo một trái bom nặng 500 cân. Bên trên tất cả ba đội hình phi cơ này là 43 chiến đấu cơ loại Zero có nhiệm vụ bảo vệ ba đoàn phi cơ Nhật nếu bị phi cơ Mỹ tấn công. Đoàn chiến đấu cơ Zero do trung tá Itaya chỉ huy và cũng cất cánh từ soái hạm Akagi.

Trong lúc hai binh nhì Mỹ vẫn theo dõi đoàn phi cơ Nhật thì Fuchida mở radio nghe đài Honolulu. Ông điều chỉnh ăng-ten của radio về hướng đài phát thanh và nhận thấy ông đã bay sai 5 độ. Ông liền điều chỉnh lại hướng bay và tất cả các phi cơ còn lại đều chuyển hướng theo ông. Ngay lúc đó radio báo tin thời tiết: "Trời hơi u ám, nhưng phần lớn u ám trên núi." Đây là một tin mừng cho các phi công Nhật, vì như vậy trời sẽ quang đãng và các phi công có thể trông thấy rõ mục tiêu. Càng đến gần Hawaii, các phi cơ Nhật đều cố bay lẩn vào những đám mây.

Có hai kế hoạch tấn công. Nếu yếu tố bất ngờ đạt được tối đa thì đoàn phi cơ phóng thủy lôi của trung tá Murata phải mở đầu cuộc tấn công. Sau đó là đoàn phi cơ thả bom của Fuchida tấn công đợt thứ hai, trong lúc đó đoàn phi cơ của Takahashi sẽ nhào xuống oanh tạc phi trường Hickam và Ford Island. Nếu có sự kháng cự của lực lượng phòng thủ Mỹ thì đoàn phi cơ của Takahashi phải nhào xuống oanh kích trước. Khi các phi cơ này nhào xuống sẽ gây hoảng hốt và hỗn loạn cho quân trú phòng Mỹ và các đội phòng không Mỹ sẽ khai hỏa. Như vậy đoàn phi cơ thả bom của Fuchida sẽ trông thấy vị trí của các ổ phòng không của Mỹ và lập tức thả bom xuống triệt hạ ngay. Và trong cơn hỗn loạn ấy, các phi cơ phóng thủy lôi sẽ ào tới tấn công các chiến hạm Mỹ.

Fuchida sẽ là người quyết định dùng kế hoạch tấn công I hoặc II. Fuchida sẽ dùng pháo sáng ra hiệu lệnh. Nếu kế hoạch vẫn còn giữ được bí mật thì Fuchida sẽ bắn pháo sáng lóe một lần, trái lại các phi cơ sẽ theo kế hoạch II nếu Fuchida bắn pháo hiệu sáng lóe tới hai lần. Cuộc tấn công bất ngờ theo kế hoạch I sẽ dự trù lâu khoảng 10 phút và theo thời biểu sau đây:

Đúng 7:55 các phi cơ phóng xuống oanh kích phi trường Hickam và Wheeler. Hai phút sau đó, các phi cơ phóng thủy lôi sẽ nhào xuống các chiến hạm Mỹ. Đúng 8 giờ, nghĩa là đúng 5 phút sau khi các phi cơ nhào xuống oanh kích các phi trường rồi thì các chiến đấu cơ Zero bắn phá hai phi trường. Năm phút sau nữa, các oanh tạc cơ của Fuchida sẽ chấm dứt cuộc tấn công bằng cách thả bom xuống các chiến hạm Mỹ. Một giờ 40 phút sau khi cất cánh khỏi các mẫu hạm, các phi công của Fuchida trông thấy, qua khe những đám mây, một đường dài uốn khúc bên dưới. Đó là

bờ biển đảo Oahu với những làn sóng chồm lên bãi cát. Lúc đó là 7:40 sáng. Vài phút sau nữa Trân châu cảng và thành phố Honolulu hiện ra trước mắt họ, giống như những khối hình màu xám nổi bật trong làn sương hồng buổi sáng. Nhìn xuyên qua lớp sương mờ mỏng, các phi công Nhật có thể trông thấy các chiến hạm của hạm đội Thái bình dương. Các chiến hạm này đậu cạnh nhau từng đôi giống như các binh sĩ đang diễn hành. Khi các phi công vươn cổ ra để đếm các chiến hạm Mỹ, họ không trông thấy một làn khói nào bốc lên từ quân cảng hoặc từ một chiến hạm nào. Tất cả quân cảng và chiến hạm dường như đang trong một giấc ngủ lười biếng của một buổi sáng chủ nhật, sau một đêm thứ bảy vui chơi. Fuchida và các phi công Nhật rất kinh ngạc trước sự chảnh mảng của quân trú phòng Mỹ. Sau này Fuchida mô tả lại quang cảnh buổi sáng sớm hôm đó như sau:

"Bên dưới tôi, tất cả hạm đội Thái bình dương của Hoa Kỳ nằm trong một đội hình lý tưởng để tấn công mà tôi không hề dám mơ ước trong những giấc mơ lạc quan nhất của tôi. Tôi đã được chứng kiến hạm đội Đức tập trung tại hải cảng Kiel. Tôi đã được thấy hạm đội của Pháp tại quân cảng Brest. Tôi cũng thường thấy các chiến hạm của chúng tôi tập hợp lại để Nhật Hoàng duyệt binh, nhưng tôi chưa bao giờ được trông thấy các chiến hạm, dù trong thời bình, bỏ neo gần nhau đến như thế, chỉ cách nhau khoảng vài trăm thước. Một chiến hạm trong thời chiến phải luôn luôn đề cao cảnh giác một cuộc tấn công bất ngờ có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nhưng hình ảnh bên dưới kia thực là khó hiểu. Phải chăng người Mỹ chưa bao giờ nghe thấy trận tấn công bất ngờ tại Lữ Thuận?" Khi các phi công Nhật bay quanh đảo Oahu để tấn công từ phía nam, họ mở radio để nghe các báo cáo từ các phi cơ nổi, báo cho họ biết các mục tiêu cuối cùng của họ. Thiếu úy Yoshikawa chuyển máy radio bắt đài Đông Kinh và hai lần các phi công nghe thấy tín hiệu "Mưa Đông Phong" - một tín hiệu cho biết phải tấn công hạm đội Hoa Kỳ. Sau đó Yoshikawa bắt đầu đốt hết các dấu hiệu mật mã và các tài liệu tình báo khác. Nhiệm vụ tình báo của viên thiếu úy trẻ đến đây là chấm dứt. Liền sau đó Yoshikawa nghe thấy tiếng bom nổ. Lúc nhân viên FBI tới bắt Yoshikawa thì viên thiếu úy trẻ này chỉ có một bản vẽ phác khu vực Trân châu cảng thôi.

Buổi sáng chủ nhật ấy là giờ ăn trưa tại Hoa Thịnh Đốn. Bộ trưởng chiến tranh Stimson, ngoại trưởng Cordell Hull và thứ trưởng hải quân Knox họp tại bộ ngoại giao để thảo luận về vấn đề Nhật Bản. Ngoại trưởng Hull xác quyết người Nhật đang âm mưu một việc gì; ông nhấn mạnh, "Người Nhật muốn khai chiến. Chúng ta phải sửa soạn để đối phó." Khi ba ông bộ trưởng tạm nghỉ để dùng bữa trưa thì các phi công của Fuchida đã tiến tới bờ biển đảo Oahu rồi. Lúc đó là 3 giờ sáng tại Đông Kinh và đèn trong bộ tham mưu hải quân vẫn còn bật sáng, và đô đốc Nagano vẫn đang lo lắng chờ đợi tin tấn công mà ông bắt buộc phải chấp thuận.

Trong khi đó Yamamoto ngồi chờ đợi trong soái hạm Nagato, thỉnh thoảng lại cúi xuống coi đồng hồ đeo tay. Đây là cử chỉ duy nhất chứng tỏ Yamamoto đang lo lắng chờ đợi. Ông dường như là người bình tĩnh nhất trong phòng hành quân, trong đó các sĩ quan khác đều có vẻ căng thẳng. Họ biết rằng số phận của Nhật Bản tùy thuộc rất nhiều vào đoàn phi cơ của Fuchida đang bay xa cách họ hàng ngàn dặm, trong sứ mạng tiêu diệt hạm đội Mỹ.

Một buổi bình minh đẹp rực rỡ đang bắt đầu tại Hawaii. Ngoài căn cứ Trân châu cảng nằm êm đềm bên dưới, Fuchida còn trông thấy những phi cơ dân sự lượn vòng tại phi trường dân sự John Rodgers gần Honolulu. Fuchida quyết định không thể chờ thêm báo cáo của các thủy phi cơ nữa, vì đây là cơ hội tấn công bất ngờ lý tưởng. Fuchida liền bắn pháo hiệu "Một Con Rồng Đen" - báo hiệu cho các phi đoàn khác biết lệnh tấn công bất ngờ bắt đầu.

Ngay khi trông thấy hiệu lệnh của Fuchida, trung tá Takahashi và 51 phi cơ oanh tạc của ông bốc lên cao độ 15 ngàn bộ và chia làm hai toán, như những con đại bàng sẵn sàng lao xuống những con mồi bên dưới. Takahashi hướng dẫn một toán nhắm hướng các phi trường quân sự Ford Island và Hickam Field. Trung úy Akira Sakamoto hướng dẫn toán thứ hai lao xuống căn cứ không quân Wheeler. Những phi cơ phóng thủy lôi của Murata vượt lên từ phía sau, xuất hiện bất ngờ sau những đám mây trắng dày đặc, nhào xuống bay sát mặt biển để bắt đầu cuộc tấn công phóng thủy lôi vào các chiến hạm Mỹ. Đồng thời các chiến đấu cơ của Itaya bốc mình bay lên thật nhanh và thật cao để có thể bao quát toàn thể chiến trường, và sẵn sàng phóng xuống đánh chặn bất cứ một phi cơ Mỹ nào bay lên. Toán phi cơ thả bom của Fuchida vẫn giữ cùng một cao độ bên dưới đám mây để quan sát mục tiêu một cách rõ ràng hơn.

Trong lúc đó viên sĩ quan tư lệnh căn cứ không quân Kaneohe đang bình thản ngồi uống cà phê và nghe thấy tiếng động ì ầm của đoàn phi cơ Nhật. Khi các phi cơ Nhật tiến lại gần hơn nữa, viên tư lệnh Mỹ trông thấy rõ ràng nhưng lại lơ đãng coi đó là những phi cơ của Mỹ từ bờ biển phía tây Hoa Kỳ tới. Nhưng khi ông ta trông thấy các phi cơ bay vòng về phía trái thay vì bay về phía tay phải như luật định của khu vực này, thì ông ta biết ngay là có chuyện chẳng lành. Ông ta vội nhảy lên xe và lái vào nhà hầm chứa phi cơ. Ông ta còn kịp nhìn vào đồng hồ tay. Lúc đó là 7:48 sáng.

Trân châu cảng bây giờ nằm phơi mình thật rõ ràng trước mắt các phi công Nhật. Mục tiêu thật ngon lành! Fuchida soi ống nhòm và đếm thấy đủ tám chiến hạm lớn bỏ neo tại quân cảng. Các phi cơ của Fuchida bây giờ ở vị trí sẵn sàng thả bom. Fuchida quay lại ra lệnh cho sĩ quan truyền tin bấm lệnh bắt đầu tấn công. Lúc đó là đúng 7:49. Mặc dầu viên tư lệnh Mỹ thấy sự bất thường, nhưng tất cả căn cứ không quân đều im lặng, không một phi cơ Mỹ nào bay lên nghênh chiến, và cũng không có một khẩu súng phòng không nào lên tiếng.

Hạm đội Mỹ vẫn nằm bình yên như trong thời bình. Một vài binh sĩ cũng bắt đầu công việc hàng ngày, như lau chùi sương đêm khỏi các ổ súng. Các sĩ quan thì đang ăn điểm tâm trong phòng. Tại căn cứ hải quân Vịnh Kaneohe, ba phi cơ thuộc phi đội 14 đã bay lên làm công việc thám thính thường lệ. Số phi cơ còn lại của phi đội và phi đội 11 cũng đang sẵn sàng, nhưng đúng lúc đó các phi cơ của Takahashi đã nhào xuống.

Đợt tấn công đầu tiên là của trung úy Akira Sakamoto xuống căn cứ Wheeler, nơi tình báo Nhật cho biết là trung tâm của các chiến đấu cơ Mỹ tại Hawaii.

Nhiệm vụ của Sakamoto là hủy diệt tất cả các chiến đấu cơ của Mỹ ngay trên sân bay. Tiếp theo ngay sau toán của Sakamoto, trung tá Takajashi dẫn đầu 26 phi cơ mở cuộc tấn công phi trường Hickam Field; tại đây tập trung những phi cơ oanh tạc hạng nặng của Không lực Mỹ. Một vài oanh tạc cơ khác của Nhật bay sang tấn công phi trường Ford Island.

Chỉ hai phút sau khi viên tư lệnh Mỹ trông thấy đoàn phi cơ của Fuchida bay vòng trái chiều tại Hawaii thì những trái bom đầu tiên của Nhật đã nổ tại phi trường Wheeler. Một vài giây sau đó, các phi cơ của Takahashi tràn tới phi trường Hickam Field và trông thấy những oanh tạc cơ hạng nặng của Mỹ nằm phơi mình dưới nắng như mời gọi. Từng chiếc một, các phi công của Takahashi nhào xuống. Trong vòng một phút, những ngọn lửa bốc lên kèm theo những tiếng nổ long trời lở đất từ những oanh tạc cơ của Mỹ bốc cháy. Từng cột khói đen khổng lồ bốc lên từ các phi trường Hickam Field, Wheeler Field và Ford Island.

Khoảng 7:55, đề đốc Furlong, tư lệnh Lực Lượng Mìn tại Thái Bình Dương bắt đầu nhiệm vụ hàng ngày trên chiếc U.S.S. Ogalalla. Ông trông thấy một toán 9 phi cơ của trung úy Sakamoto bay trên phi trường Ford Island, nhưng ông cho rằng đó là phi cơ của Mỹ. Ngay cả khi một tiếng nổ làm rung rinh của chiếc Ogalalla, ông vẫn cho đó là một tai nạn khiến một trái bom của Mỹ nổ. Nhưng tiếng nổ đó là trái bom đầu tiên của Nhật ném xuống lãnh thổ Hoa Kỳ. Mãi tới lúc đó các sĩ quan vẫn còn như mê ngủ của Mỹ mới bắt đầu trông thấy lá cờ Mặt Trời trên cánh những phi cơ tấn công. Họ kinh hoàng nhìn nhau, và vẫn chưa tin hẳn phi cơ Nhật dám tới tận Trân châu cảng để tấn công hạm đội Mỹ.

Lập tức đô đốc Kimmel vội loan báo Trân châu cảng bị địch không tập chứ không phải là không quân Mỹ thực tập. Khi được thông báo, thứ trưởng hải quân Knox tại Hoa Thịnh Đốn bàng hoàng kêu lên: "Trời Đất! Không phải như thế! Người Nhật định tấn công Phi Luật Tân cơ mà!" Trong khi đó đô đốc Nagumo ở cách xa chiến trường 200 dặm và đô đốc Yamamoto đứng trên soái hạm tại biển Inland đang hồi hộp đợi chờ tin chiến thắng. Đúng lúc đó trung tá Fuchida ra lệnh cho sĩ quan truyền tin phát tín hiệu: "Tora, Tora, Tora." Trong tiếng Nhật Tora có nghĩa là Con Hổ. Tín hiệu này dựa vào một câu nói của người Nhật: "Một con hổ đi xa 2 ngàn dặm và trở về thành công". Tín hiệu này cho biết lực lượng tấn công của Nhật đã thành công trong sứ mạng giao phó.

Yếu tố bất ngờ đã đạt được hoàn toàn. Không một phi cơ nào của Mỹ bay lên được. Hầu như binh sĩ Mỹ tại Trân châu cảng đang ngủ khi cuộc tấn công diễn ra. Ngay cả khi bom nổ rung chuyển cả đảo Hawaii mà các đài phát thanh vẫn tiếp tục chơi những bản nhạc khiêu vũ.

Khi nhận được tín hiệu chiến thắng của Fuchida, đô đốc Nagumo vội truyền ngay tin đó về Đông Kinh. Nhưng tin chiến thắng đã nhận được tại Đông Kinh rồi. Soái hạm Nagato của Yamamoto và Đông Kinh đã nhận được trực tiếp từ phi cơ của Fuchida. Tín hiệu này đã mở màn cho cuộc chiến khắp Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Ngay khi nhận được tín hiệu "Tora, Tora, Tora", các toán phi công Nhật Bản liền tung ra các cuộc tấn công tại khắp nơi trong vùng Đông Nam Á. Về phần các sĩ quan trong phòng hành quân của Yamamoto, họ đều reo mừng hừng khởi trước tin chiến thắng, nhưng Yamamoto vẫn bình tĩnh và quay lại nói với viên sĩ quan phụ tá: "Hãy kiểm lại giờ tấn công thực cẩn thận. Biết được rõ giờ khởi đầu của cuộc tấn công rất là quan trọng. Dường như cuộc tấn công xảy ra trước giờ chúng ta ấn định."

Thoạt đầu các sĩ quan tham mưu không hiểu Yamamoto muốn nói gì. Mãi sau họ mới hiểu rằng Yamamoto muốn tôn trọng công pháp quốc tế và chỉ muốn cuộc tấn công phải bắt đầu một thời hạn nào đó, sau khi Nhật đã trao tối hậu thư khai

chiến cho Mỹ rồi. Hai đại sứ Nhật tại Hoa thành đón nhận được bản tối hậu thư để trao cho chính phủ Mỹ sau cả các chuyên viên mật mã của Mỹ. Bản tối hậu thư đó đại ý cho biết chính phủ Nhật rất tiếc phải báo cho chính phủ Hoa Kỳ biết Nhật Bản thấy rằng hai bên không thể đạt được tới một thỏa hiệp, dù có tiếp tục thương thuyết nữa. Thực ra hai đại sứ Nomura và Kurusu biết trước rằng chiến tranh thế nào cũng xảy ra giữa Mỹ và Nhật, nhưng không biết rõ bao giờ và ở đâu. Chính phủ Nhật e sợ rằng nếu thông báo trước cho hai đại sứ thì người Mỹ có thể đọc được tin và cuộc tấn công sẽ mất yếu tố bất ngờ.

Đại sứ Kurusu dự định thông báo quyết định của chính phủ Nhật cho bộ ngoại giao Mỹ vào lúc 1 giờ chiều, thế mà mãi tới 2.20 chiều đại sứ Nomura mới tới nơi. Như vậy Fuchida đã ra lệnh tấn công 35 phút sớm hơn kế hoạch. Nếu tối hậu thư của Nhật tới bộ ngoại giao Nhật đúng giờ thì người Mỹ sẽ có 35 phút trước để sửa soạn, theo như ý định của Yamamoto. Nhưng đại tá Fuchida đã dẫn Nhật Bản vào một cuộc chiến tranh không được chính thức thông báo trước. Nhưng dẫu sao đây cũng không phải là lần đầu tiên Nhật Bản đã hành động như vậy trong lịch sử Nhật Bản.

Trong khi Fuchida báo cáo chiến thắng thì bốn chục phi cơ phóng thủy lôi của Murata bắt đầu tấn công các chiến hạm Mỹ. Trung úy Goto lái chiếc phi cơ đầu tiên qua căn cứ không quân Ewa và trông thấy hàng loạt chiến đấu cơ của Mỹ đậu trên sân bay. Khi lướt qua phi trường Hickam Field, Goto trông thấy hàng loạt oanh tạc cơ hạng nặng của Mỹ đang nằm chờ phi đoàn của Takahashi. Hôm đó là một ngày quang đãng. Murata và Goto chia đoàn phi cơ phóng thủy lôi làm hai toán. Toán của Goto tấn công đại chiến hạm Arizona trước. Khi hạ thấp xuống vị trí tấn công, Goto thận trọng kiểm soát lại cao độ và tọa độ trước khi phóng ra chiếc thủy lôi đầu tiên. Bỗng nhiên Goto trông thấy vài bóng đen vượt qua trước mặt. Đó là những oanh tạc cơ của Nhật. Các phi công trong đoàn oanh tạc cơ này tưởng lầm lệnh của Fuchida và cho rằng yếu tố bất ngờ đã mất và họ sẽ là những phi công đầu tiên mở cuộc tấn công vào các chiến hạm. Goto rất tức giận cho rằng các phi công oanh tạc muốn chiếm công đầu. Tuy nhiên Goto vẫn cố bình tĩnh tiếp tục bay tới chiếc Arizona và phóng trái thủy lôi đầu tiên xuống. Chiếc Arizona dường như không có người. Goto không thấy một thủy thủ Mỹ nào trên boong cả.

Sau khi phóng trái thủy lôi rồi, Goto bay vọt phi cơ lên cao để tránh đạn phòng không từ trên chiếc Arizona. Khi quay lại Goto trông thấy một tia lửa lóe lên tiếp theo là một tiếng nổ kinh hồn và một cột nước khổng lồ bắn lên. Goto sung sướng la to vào máy liên lạc: "Trúng rồi!". Khi quay lượn một vòng trở lại, Goto thấy từng loạt súng bắn lên. Thủy thủ đoàn trên chiếc Arizona quả thực sẵn sàng chiến đấu hơn là người Nhật tưởng, mặc dù họ bị bất ngờ. Mori, một phi công khác trong đoàn phi cơ phóng thủy lôi, mô tả lại quang cảnh cuộc tấn công các chiến hạm Mỹ như sau:

"Tôi không tin sẽ sống sót trong cuộc tấn công này. Vì những đợt tấn công của các phi cơ từ các mẫu hạm Akagi và Kaga đã xong rồi, cuộc tấn công của các phi cơ từ mẫu hạm Soryu gặp phải một màn lưới đạn phòng không rất ác liệt từ phía hạm đội địch. Phi cơ của tôi bị rung chuyển vì bị trúng đạn phòng không của địch."

"Tôi bay ngay bên trên các chiến hạm địch ngay tại Ford Island. Tôi chọn mục

tiêu là một chiến hạm bỏ neo cách xa hẳn các chiến hạm khác đang bị các phi cơ phóng thủy lôi từ mẫu hạm Soryu tấn công. Chiến hạm tôi chọn đường như chưa bị tấn công. Tôi phải phóng thủy lôi thật đúng phương pháp và thật chính xác. Tôi được báo cho biết trước hải cảng này không sâu quá 45 bộ. Một tốc độ hoặc độ cao hơi sai trật sẽ khiến thủy lôi cắm xuống đáy biển hoặc nhảy lên trên mặt nước. Và như thế thì nỗ lực của chúng tôi chẳng có kết quả gì."

"Vào lúc đó tôi không biết tôi sẽ phải làm gì. Tôi chỉ hành động theo phản ứng mà tôi có được trong các cuộc huấn luyện, và tôi hành động như một cái máy. Tôi hạ xuống 200 bộ và bất thần tôi trông thấy chiến hạm lừng lững trước mắt như một trái núi. Tôi ngả người lại để lấy hết sức mạnh. Tôi biết rõ rằng địch quân đang xử dụng hệ thống súng phòng không và đạn của địch đến từ tứ phía. Tôi sợ đến nỗi mồ hôi ướt đầm quần áo."

"Bỗng nhiên một phi cơ địch xuất hiện ngay trước mặt tôi. Vì phi cơ của tôi trang bị súng máy 7.7 ly chỉ bắn được về phía sau nên tôi không có khả năng không chiến. Tôi liền phóng phi cơ của tôi nhắm thẳng vào phi cơ địch. Tên phi công địch hoảng hốt bay vọt đi. Tôi tự hỏi: "Có phải đây là cái người ta gọi là chiến tranh không?"

Các phi cơ phóng thủy lôi đã gây nên nhiều tiếng nổ kinh hoàng. Nước như sủi bọt lên và những cột khói đen bốc lên từ những chiến hạm. Từ bên trên, các khu trục Zero của Itaya không tìm được một phi cơ địch nào. Đến đó Itaya quyết định cho các khu trục Zero nhào xuống và oanh kích các mục tiêu trên mặt đất. Các toán sửa chữa của Mỹ đang đưa ra được bốn chiếc thủy phi cơ tại vịnh Kaneohe thì các khu trục Zero xà xuống. Một giây sau, từng cột nước vọt lên và tất cả 4 thủy phi cơ của Mỹ bốc cháy, ném tung các quân nhân Mỹ bị thương hoặc đã chết ra ngoài. Các khu trục cơ làm chủ cả khu vực, bay dọc theo vịnh tìm mục tiêu, rồi tấn công căn cứ Thủy quân lục chiến Ewa. Trong vòng 15 phút, tất cả phi cơ của Thủy quân lục chiến đều bị bắn cháy hết. Trong tổng số 49 phi cơ Mỹ thuộc căn cứ Thủy quân lục chiến thì 35 chiếc bị bắn cháy, và 16 chiếc còn lại bị hư hại không thể bay được nữa. Sau đó đoàn phi công của Itaya quay lại tấn công chính các Thủy quân lục chiến Mỹ.

Thủy quân lục chiến Mỹ cố gắng phản công lại, nhưng cuộc phản công tuy rất anh hùng gan dạ nhưng hoàn toàn thất bại thảm thương. Các thủy quân lục chiến Mỹ dùng cả súng lục lẫn súng máy bắn lại phi cơ Zero. Phần lớn tổn thất về phía Mỹ xảy ra là vì các cố gắng cứu vãn che chở cho các phi cơ chưa bị tổn hại. Chỉ có 9 phi cơ trong số 36 chiếc tại Kaneohe là không bị tiêu hủy, trong đó 6 chiếc bị hư hại. Ba chiếc may mắn còn nguyên vẹn là những chiếc đã bay đi tuần thám trước khi cuộc tấn công của Nhật khởi sự.

Tuy nhiên tinh thần chiến đấu của quân trú phòng Mỹ trong suốt cuộc tấn công rất là đáng khen ngợi. Nếu các binh sĩ Mỹ không can đảm thiết lập những ổ súng máy chống lại phi cơ Nhật thì quân Mỹ đã không phải hy sinh nhiều đến thế. Nhờ sự kháng cự quá liều lĩnh can đảm của quân Mỹ, hai khu trục cơ của Itaya đã bị bắn rơi, và nhiều chiếc khác bị trúng đạn phải rời bỏ chiến trường hoặc biến mất, có thể là bị rơi xuống biển.

Đã đến lúc mở cuộc đại oanh tạc của phi đoàn dưới quyền chỉ huy của Fuchida. Fuchida phân các oanh tạc cơ của mình thành 10 phi đội, và bay thành một hàng duy nhất cách nhau khoảng 600 bộ. Lúc này quân trú phòng Mỹ đã lấy lại được

bình tĩnh sau cơn xúc động thất thần lúc đầu. Vì thế các oanh tạc cơ của Fuchida gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của hệ thống phòng không Mỹ. Các phi công của Fuchida giật mình trước sự phản công mau lẹ của quân Mỹ. Cuộc phản công của Mỹ bắt đầu khoảng năm phút sau những trái bom đầu tiên. Bản chất của quân sĩ Nhật thì rất mau lẹ khi tấn công, nhưng khi phải ứng phó phòng vệ thì lại rất chậm chạp, vì thế các loạt súng phòng không của quân Mỹ đã gây khó khăn cho các phi công của Fuchida.

Thoạt đầu Fuchida dẫn 49 oanh tạc cơ của mình tiến về phía chiếc chiến hạm Nevada đang bỏ neo tại phía cực bắc của của dàn chiến hạm tại Ford Island. Khi các phi cơ này quần vòng tròn quanh mục tiêu thì súng phòng không của Mỹ đã làm các phi công Nhật lo ngại. Một vài phi cơ bay vọt đi tránh hàng loạt đạn từ bên dưới, một số phi công khác gan dạ hơn, bay lượn ba vòng quanh mục tiêu mới thả bom. Một phi công khác cuống quýt thả bom quá sớm không trúng mục tiêu. Fuchida nhận thấy thế và bắt kể bầu không khí tối đen vì khói súng phòng không, Fuchida bay nhào xuống sát chiếc phi cơ ấy và viết câu hỏi "Sao vậy?" lên một tấm bảng đen và giơ ra hỏi người phi công. Người phi công cũng viết lên một tấm bảng đen trả lời Fuchida: "Bình xăng bị trúng đạn."

Fuchida ra lệnh cho viên phi công phải quay về mẫu hạm ngay, nhưng viên phi công từ chối, và đòi tiếp tục cuộc oanh tạc. Fuchida đành miễn cưỡng vẫy tay đồng ý, nhưng ông biết rằng lái một chiếc oanh tạc cơ đã bị trúng đạn giữa rừng đạn phòng không của Mỹ thì thực là tối nguy hiểm. Viên phi công phóng mạnh phi cơ về phía các chiến hạm Mỹ, hy vọng đánh trúng được một mục tiêu trước khi bị hạ, nhưng ngay lập tức phi cơ nổ tung khi trúng đạn phòng không của Mỹ. Fuchida kể lại cuộc oanh tạc như sau:

"Tôi nằm sát xuống sàn phi cơ để quan sát những trái bom của chúng tôi qua một cửa nhìn. Bốn trái bom đang lao xuống theo một hình thể thật hoàn toàn. Mục tiêu thì ở xa quá đến nỗi tôi tự hỏi không biết bom có tới tận nơi được không. Bốn trái bom càng lúc càng nhỏ hơn cho tới khi tôi không còn nhìn thấy rõ nữa. Tôi quên hết mọi chuyện khác trong cơn mê say nhìn bom rơi xuống mục tiêu. Những trái bom cuối cùng biến mất khỏi tầm mắt của tôi và tôi chợt trông thấy những cột khói bốc lên. Tôi sung sướng la lên: "Hai trái trúng" và nhòe dụi khỏi sàn phi cơ."

Súng phòng không của Mỹ ngày mỗi lúc một hoạt động mạnh hơn. Nhưng bỗng nhiên Fuchida nghe thấy những tiếng nổ dữ dội tại dãy chiến hạm Mỹ và hàng loạt ánh lửa đỏ bốc lên cao hàng ngàn bộ. Tiếng nổ quá mạnh đã làm phi cơ của Fuchida chao đi. Một vài trái bom hạng nặng của Nhật đã trúng và nổ ngay trên chiếc chiến hạm Arizona. Khói cũng bắt đầu cuộn lên từ chiến hạm Maryland, tuy nhiên chiến hạm này không bị hư hại nhiều, mặc dầu bị trúng tới hai trái bom.

Trong lúc các phi công của Fuchida làm nhiệm vụ thì các tiềm thủy đình Nhật cũng lâm trận, và tại các mẫu hạm, các phi cơ thuộc đợt tấn công thứ hai đã bắt đầu cất cánh. Các tiềm thủy đình lớn của Nhật tiến vào Trân châu cảng và dùng thủy lôi để tấn công bất cứ chiến hạm nào của Mỹ định chạy trốn. Nhiệm vụ của các tiềm thủy đình bỗng khó khăn hơn trong những cơn sóng biển vĩ đại vì hàng loạt bom tấn công của phi công Nhật. Mặc dù ẩn sâu dưới đáy biển, các tiềm thủy đình nặng hai ngàn tấn này vẫn cảm thấy sức dội của sóng.

Đợt tấn công thứ hai của trung tá Shimazaki khởi đầu với 170 phi cơ cất cánh từ

mẫu hạm Zuikaku. Đoàn phi cơ này tới Trân châu cảng vào lúc 8:40, nhưng các phi công của Fuchida vẫn chưa thả hết bom và vẫn tiếp tục cuộc oanh tạc nên các phi cơ của Shimazaki phải bay lượn trên cao trong một thời gian 15 phút để tránh đụng phải các phi cơ của Fuchida. Ngay trong lúc còn bay cao mà các phi cơ của Shimazaki cũng cảm thấy chấn động vì những tiếng nổ trên chiến hạm Arizona.

Đợt tấn công của phi đoàn Fuchida kéo dài khoảng một giờ, và Fuchida ra lệnh cho các phi cơ quay trở về mẫu hạm. Tổng kết tổn thất của Nhật trong đợt tấn công đầu gồm có ba chiến đấu cơ, năm phi cơ phóng thủy lôi và một oanh tạc cơ. Khi bắt đầu quay trở về mẫu hạm, đoàn phi cơ Fuchida nghiêng cánh vẫy chào đoàn phi cơ của Shimazaki đang chờ tới lượt tấn công. Riêng Fuchida không quay về mẫu hạm ngay. Không còn bom nữa, Fuchida bay vọt lên cao để quan sát cuộc tàn sát của đợt tấn công thứ hai. Trung úy Suganami, chỉ huy đoàn khu trục cơ Zero hộ tống phi đoàn của Fuchida cũng nán lại tại chiến trường để xem cuộc tấn công của đoàn phi cơ Shimazaki. Hành động của trung úy Suganami thực là liều lĩnh vì khu trục cơ Zero chỉ có một tầm hoạt động nhỏ thôi. Khi chiếc Zero của Suganami trở về tới mẫu hạm thì bình nhiên liệu chỉ còn vài ga-lông xăng.

Khi đợt tấn công của Fuchida chấm dứt, đô đốc Nagumo gửi tín hiệu về cho Yamamoto, xác nhận một điều mà Yamamoto đã biết: không có một mẫu hạm nào của Mỹ tại Trân châu cảng. Đề đốc Kuroshima, sĩ quan hành quân của Yamamoto đề nghị với Yamamoto cho lực lượng của Nagumo phải đi tìm mẫu hạm Mỹ để tiêu diệt. Yamamoto không đồng ý và trả lời: "Nagumo ở xa chúng ta hàng ngàn dặm. Ông ta có thể có được những tin tức mà chúng ta không biết. Để mặc ông ta chỉ huy trận đánh này. Tôi hoàn toàn tin tưởng ở ông ta." Thực ra Yamamoto không thể làm gì hơn là phải tin hoàn toàn vào Nagumo, người đang trực tiếp chỉ huy trận đánh tại chỗ.

Fuchida đã rời chiến trường Trân châu cảng, và các căn cứ không quân bên dưới đã bị tàn phá đang bốc cháy, và không một phi cơ Mỹ nào bay lên được. Nhưng lực lượng phòng không của Mỹ trở nên rất mạnh mẽ vào lúc 9 giờ sáng, khi mà trung tá Shimazaki bắt đầu ra lệnh cho 170 phi cơ của ông mở đợt tấn công thứ hai. Nhiệm vụ của Shimazaki khó khăn nguy hiểm hơn của Fuchida, vì bây giờ quân phòng thủ Mỹ đã tập hợp được và chiến đấu rất dũng mãnh. Không giống như phi đoàn của Fuchida, Shimazaki không có phi cơ phóng thủy lôi, mà chỉ gồm có phần lớn là các oanh tạc cơ loại Kate, chuyên dùng để oanh tạc các phi trường.

Đợt phi cơ nhào xuống dội bom do trung tá Egusa chỉ huy thì mạnh hơn, bao gồm 80 phi cơ ném bom ở độ thấp. Các phi cơ của Egusa trang bị những bom 500 cân và các phi công của Egusa là những con đại bàng thuộc loại thượng thặng đã dày dặn kinh nghiệm bay và chiến đấu. Tất cả những phi công này đã được huấn luyện đặc biệt để có thể tiêu diệt các mẫu hạm Mỹ trong một trận tấn công. Bây giờ không có mẫu hạm, các phi công này đành nhào xuống các chiến hạm vậy. Trong đợt tấn công đầu tiên của Fuchida, các chiến hạm Mỹ bị thiệt hại rất ít.

Egusa hướng dẫn các phi công của mình bay về phía núi như để lấy trớn, rồi quay vọt trở lại tạo một hàng hỏa lực khủng khiếp. Egusa chọn tấn công những

chiến hạm nào có súng phòng không dữ dội nhất vì những chiến hạm này là những chiến hạm ít bị thiệt hại nhất trong đợt tấn công đầu tiên của Fuchida. Những cột khói đen khổng lồ bốc lên từ quân cảng đã gây khó khăn cho các phi công Nhật vì họ khó trông thấy các mục tiêu. Nhưng Egusa ra lệnh cho các phi công bay theo mình, lấy cái đuôi phi cơ sơn màu đỏ của Egusa làm chuẩn như hồi còn tập luyện tại Kagoshima. Egusa hướng dẫn các phi công dưới quyền tới các mục tiêu một cách rất chính xác. Thế là hết tiếng nổ này tới tiếng nổ khác, và lửa đỏ bốc lên và những khối khói đen tỏa khắp quân cảng.

Trong lúc các phi công thượng thuyền của Egusa phá hủy các chiến hạm còn lại thì phần lớn các oanh tạc cơ của Shimazaki tập trung tại phi trường Hickam. Số còn lại tấn công Ford Island và căn cứ không quân Kaneohe. Không một phi cơ nào của Shimazaki bị hạ, mặc dù rất nhiều chiếc bị trúng đạn. Các khu trục cơ bảo vệ đợt tấn công thứ hai này gồm có 36 chiếc Zero. Không một chiến đấu cơ Mỹ nào lên nghênh địch vì đợt tấn công đầu của Fuchida đã bắn hạ tất cả phi cơ Mỹ ngay trên sân bay rồi.

Phi công Zero Fujita bay lên cao 18 ngàn bộ cùng với Iida, sĩ quan chỉ huy toán phi cơ Zero, để quan sát và tìm phi cơ Mỹ. Hai người bay lượn quanh đảo hai lần nhưng không thấy một phi cơ địch nào. Nhưng hỏa lực phòng không của Mỹ quả thực ác liệt hơn người Nhật tưởng, và hai người có cảm tưởng đang bay trong giữa một bầu trời bắn pháo bông vậy. Iida là một trung úy 27 tuổi và là một phi công cừ khôi đã chiến đấu hai năm tại Trung Hoa. Trong trận Trân Châu cảng, Iida hướng dẫn các phi công Nhật thiếu kinh nghiệm trong đợt tấn công đợt hai. Bất kể đạn súng máy bắn lên, Iida lao xuống các nhà chứa máy bay và bắn phá đốt cháy các phi cơ. Khi đợt tấn công chấm dứt, Iida bay lượn quanh phi trường Kaneohe để kiểm soát xem các tất cả phi cơ có trở về thành đội hình không thì một viên đạn từ bên dưới bắn trúng phi cơ của Iida. Dầu chảy ra và khói bốc lên từ phi cơ. Iida bay sát vào phi cơ của Fujita và lấy tay bịt miệng ra dấu cho biết bị ngạt khói. Rồi Iida nghiêng cánh và lấy tay chỉ xuống dưới đất. Sau đó Iida bỏ nhào phi cơ xuống đất. Fujita trông thấy tình trạng tuyệt vọng của Iida mà không làm gì được. Phi cơ của Iida nổ tung dưới đất và trở thành một trong những binh sĩ Nhật tử trận đầu tiên tại Trân Châu cảng.

Cuộc tấn công đợt hai của Shimazaki cũng chỉ lâu khoảng một giờ như đợt của Fuchida. Đợt này đã thành công tấn công tiêu hủy được những chiến hạm chưa bị tổn thất trong đợt đầu. Vì đạn phòng không bắn lên như mưa nên đợt tấn công của Shimazaki bị nhiều thiệt hại hơn: sáu khu trục cơ và 14 oanh tạc cơ của Egusa bị bắn rơi. Trong lúc phi đoàn của Shimazaki quay trở về mẫu hạm thì Fuchida vẫn ở lại để kiểm điểm kết quả chiến trường. Fuchida đếm được bốn chiến hạm Mỹ chìm hẳn, ba chiếc khác bị tổn thất nặng, nhiều chiến hạm khác cũng bị tổn thất khá nhiều và chỉ một chiếc bị tổn thất sơ sài. Các căn cứ không quân Ford Island và Wheeler đang cháy dữ dội.

Mặc dầu các tổn thất của Nhật tương đối rất nhẹ so với những tổn thất của Mỹ, nhưng nhiều phi cơ Nhật trong lần tấn công đợt hai bị trúng đạn, nhưng phần lớn cố gắng bay trở về được mẫu hạm. Trường hợp của Fujita thật là hãn hữu. Trên đường về, Fujita bay bảo vệ cho một nhóm oanh tạc cơ của Egusa và gặp một phi cơ Mỹ chặn đầu. Fujita cố phóng bỏ các thùng dầu đi mà không được. Fujita đành phải quay tránh phi cơ Mỹ thì trông thấy một phi cơ Mỹ khác. Fujita bắn

trúng chiếc phi cơ thứ hai này cháy bùng lên và rơi xuống biển, nhưng chiếc phi cơ thứ nhất vẫn đuổi theo Fujita. Fujita chợt nhớ một điều tâm niệm trong lúc huấn luyện là "nếu bỏ chạy thì chắc chắn sẽ bị bại". Thế là Fujita quay phi cơ lại và phóng thẳng vào chiếc phi cơ Mỹ khiến chiếc phi cơ Mỹ phải né tránh. Nhưng trong lúc né tránh, người phi công Mỹ còn đủ thời giờ quạt một tràng liên thanh sang phi cơ của Fujita. Cửa sổ và ghế ngồi của Fujita nát báy, nhưng Fujita không bị thương. Phi cơ của Fujita đầy lỗ thủng và đầu máy khật khừ và áp xuất dầu xăng xuống thấp một cách đáng ngại. Fujita trông thấy bên dưới các tiềm thủy đình Nhật đang chờ đợi tấn công các chiến hạm Mỹ. Thoạt đầu Fujita định lao xuống biển và hy vọng được tiềm thủy đình vớt, nhưng Fujita thấy làm như vậy thì liều lĩnh quá nên cố bay lết về mẫu hạm Akagi. Khi vừa đáp xuống sàn mẫu hạm thì phi cơ vừa vận hết xăng và máy tắt, nhưng Fujita bình an vô sự. Nagumo được Fuchida báo cáo kết quả của cuộc tấn công. Fuchida cho biết còn một số mục tiêu nữa cần phải triệt hạ và đề nghị Nagumo cho mở một đợt tấn công nữa. Ý kiến của Fuchida không được các cấp chỉ huy khác tán thành, vì họ không muốn các mẫu hạm và phi cơ gặp nguy hiểm nữa vì sức mạnh phòng không của Mỹ rất hữu hiệu, mặc dù các phi cơ Nhật trở về được, đã được tiếp tế nhiên liệu và sẵn sàng cho một cuộc tấn công nữa. Sau khi nghe các ý kiến trái ngược của các sĩ quan chỉ huy không quân, Nagumo kết luận rằng không quân Nhật sẽ gặp nhiều nguy hiểm trong đợt tấn công thứ ba và chưa chắc đã gây được nhiều tổn hại cho Mỹ. Nagumo quyết định ngưng cuộc tấn công. Đúng 1:30, cờ hiệu trên soái hạm Akagi ra lệnh cho các mẫu hạm quay về hướng nam. Tất cả các mẫu hạm mở hết tốc lực chạy xa khỏi chiến trường. Quyết định của Nagumo căn cứ vào ý kiến của viên tham mưu của ông là đề đốc Kusaka. Quan điểm của Kusaka lại căn cứ vào các tin tức bắt được các băng tần của Mỹ và biết rằng Mỹ còn nhiều khu trục cơ còn hoạt động được. Các mẫu hạm ở lại lâu tại một nơi nằm trong tầm hoạt động của không lực địch là một điều tối nguy hiểm. Lúc đó các mẫu hạm chỉ cách Trân châu cảng 250 dặm trong khi phi cơ của Mỹ có tầm hoạt động xa tới 600 dặm. Nagumo cũng không thể trông cậy vào các tiềm thủy đình quanh Hawaii để biết tin tức của địch.

Lý do chính khiến Nagumo phải rút quân mau lẹ là vì không còn hy vọng tìm được mẫu hạm Mỹ. Nếu tiếp tục ở lại tìm mẫu hạm Mỹ thì rất có thể chính các mẫu hạm Nhật sẽ trở thành mục tiêu của không quân Mỹ. Mẫu hạm được hải quân Nhật coi rất trọng và hết sức bảo vệ. Vì yêu quý mẫu hạm nên người Nhật đặt cho các mẫu hạm những cái tên rất nên thơ đáng yêu. Sáu mẫu hạm có những tên như Akagi (Lâu Đài Hồng), Kaga (Niềm Hân Hoan), Soryu (Thanh Long), Hiryu (Phi Long), Shokaku (Con Hạc Bay Vút Lên) và Zuikaku (Con Hạc Hạnh Phúc).

Tuy rút lui một cách vội vàng, nhưng Lực lượng Xung kích của Nagumo đã đạt được những thành quả đáng kể. Trong tổng số 353 phi cơ thuộc sáu mẫu hạm, Nhật chỉ mất có chín khu trục cơ, 15 oanh tạc cơ và năm phi cơ phóng thủy lôi. Về nhân mạng thì 55 binh sĩ Nhật được coi là mất tích. Đòi lại những tổn thất

nhẹ nhàng này, Nhật đã tiêu diệt toàn bộ sức mạnh của hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ khi tiêu diệt được tám chiến hạm lớn của Mỹ. Các chiến hạm Arizona, California, và West Virginia bị đánh đắm, chiến hạm Oklahoma bị lật úp, chiếc Nevada bị tổn thất nặng nề, ba chiếc Maryland, Pennsylvania và Tennessee cũng bị hư hại. Ngoài ra các khu trục hạm Cassin và Downes bị cháy, chiếc Shaw bị tổn thất nặng nề. Một số tàu nhỏ khác cũng bị đánh chìm hoặc bị hư hại nặng.

Lý do chính khiến đô đốc Nagumo quyết định không tấn công Trân châu cảng một lần nữa, không có tài liệu rõ ràng và mùa hè năm 1944 Nagumo đã mổ bụng tự tử trong trận hải chiến tại Saipan, đem theo cả câu hỏi lớn lao này đi theo cái chết của ông. Người ta chỉ tìm thấy một tài liệu mô tả vắn tắt lý do của ông như sau:

1. Các đợt tấn công đầu đã gây được những tổn thất cho Mỹ đúng theo bộ tham mưu Nhật mong muốn rồi. Một cuộc tấn công nữa cũng không gây thêm được nhiều tổn thất nữa cho Mỹ.
2. Hệ thống phòng không của Mỹ phản ứng mau lẹ và rất chính xác, mặc dầu bị tấn công bất ngờ. Một đợt tấn công nữa sẽ gặp sự kháng cự ác liệt hơn nữa và như thế thì tổn thất của Nhật sẽ lớn lao hơn nữa. Những tổn thất mới sẽ làm lệch cán cân chiến thắng đã đạt được.
3. Các tin bắt được qua các tần số của Mỹ cho thấy Mỹ còn ít nhất 50 phi cơ nữa còn hoạt động được. Ngoài ra Nhật không biết được các mẫu hạm, tuần dương hạm và tiềm thủy đình của Mỹ ở đâu.
4. Tiếp tục ở lại trong tầm hoạt động của không lực địch có căn cứ trên đất liền là điều bất lợi cho Nhật, đặc biệt là tầm hoạt động của phi cơ Nhật chỉ trong phạm vi 250 dặm, và Nhật phải tùy thuộc vào sự hoạt động của tiềm thủy đình tiền thám trong khu vực Hawaii.

Trong lúc đoàn mẫu hạm của Nagumo rời chiến trường với nhiệm vụ hoàn thành thì các tiềm thủy đình mẹ của Nhật vẫn còn ở lại để thu hồi các tiểu tiềm thủy đình. Trong sự hỗn loạn của cuộc oanh tạc, người ta không biết được số phận của các tiểu tiềm thủy đình. Người ta chỉ biết rằng tất cả năm tiểu tiềm thủy đình của Nhật không trở về được tiềm thủy đình mẹ.

Ít nhất ba tiểu tiềm thủy đình vào được Trân châu cảng nhưng hình như không

làm nên chuyện gì cả. Đô đốc Shimizu, tư lệnh hạm đội tiềm thủy đình, ra lệnh cho các tiềm thủy đình loại I tìm cách vớt những tiểu tiềm thủy đình. Đầu tiên hai chiếc I-69 và I-68 chờ đợi tại cửa vào quần cảng. Thiếu tá Watanabe chỉ huy chiếc I-69 tới nơi lúc 9 giờ tối, trôi lên mặt nước và chứng kiến cảnh lửa cháy trên chiếc Arizona. Bầu trời Trân châu cảng lúc ấy tắm trong một màu đỏ của lửa. Trong lúc mãi ngắm chiếc Arizona cháy, chiếc I-69 bị ba khu trục hạm Mỹ trông thấy. Watanabe vội cho chiếc I-69 lặn xuống tới 200 feet. Các khu trục hạm Mỹ phóng hỏa lực xuống tấn công chiều sâu, nhưng hỏa lực của Mỹ chỉ công hiệu ở mức độ 100 feet thôi và chiếc I-69 an toàn.

Chiếc I-68 cũng bị một khu trục hạm Mỹ bắt gặp. Khi chiếc I-68 lặn xuống thì đụng phải màng lưới chống tiềm thủy đình. Các thủy thủ Nhật vội tìm cách gỡ chiếc I-68 thì khám phá rằng hỏa lực của khu trục hạm Mỹ đã làm chiếc I-68 chảy dầu. Thiếu tá Nakaoka chỉ huy chiếc I-68 quyết định phải trôi lên, dù có gặp khu trục hạm Mỹ. Nhưng khi trôi lên, chiếc I-68 được màn đêm che kín và những khu trục hạm Mỹ bỏ cuộc không truy nã thêm nữa.

Sau bốn ngày chờ đợi mà không thấy dấu hiệu của các tiểu tiềm thủy đình, các tiềm thủy đình loại I của Nhật đành quay trở về quần đảo Marshalls và về tới nơi đúng lúc ngày Tết đầu năm của người Nhật. Trong số 10 sĩ quan lái 5 chiếc tiểu tiềm thủy đình tại Trân châu cảng thì 9 người mất tích và tất cả 9 sĩ quan này đều được thăng lên hai cấp và được coi như anh hùng quốc gia. Người duy nhất không được thăng thưởng là thiếu úy Sakamaki. Sakamaki bị hải quân Mỹ bắt sống làm tù binh.

Nhiệm vụ tấn công Trân châu cảng thoát đầu được phân chia đồng đều cho các tiềm thủy đình và các phi công trên các mẫu hạm. Nhưng chính các phi công hải quân đã hoàn thành tất cả mục tiêu trong khi cuộc hành quân của tiềm thủy đình là một thất bại. Sau cuộc thất bại này, bộ tư lệnh tiềm thủy đình mất mặt và không được chú ý và không được tăng cường nữa. Nhiệm vụ của tiềm thủy đình Nhật sau này bị thu hẹp vào tấn công đường tiếp tế của Mỹ trong các trận đánh tại quần đảo Solomons.

Hải quân Nhật công bố chiến thắng ngoạn mục tại Trân châu cảng như là một kỳ công trong việc bảo vệ hòa bình thế giới. Nhưng khi đô đốc Nagumo yêu cầu thăng thưởng cho 55 phi công tử trận trong cuộc tấn công thì bị từ chối với lý do là số sĩ quan được thăng thưởng quá nhiều. Các phi công của hải quân Nhật rất tức giận khi bộ Tư lệnh Hoàng gia công bố việc đánh đắm chiến hạm Arizona là công của thiếu tá Yokoyama, người chỉ huy các tiểu tiềm thủy đình. Các phi công xác nhận rằng chiếc Arizona bị đợt tấn công của trung tá Shimazaki đánh chìm bằng hai trái bom, nhưng bộ tư lệnh đã cố tình thiên vị làm suy giảm công chiến thắng của các phi công hải quân.

Cuộc tấn công Trân châu cảng đã đạt được những mục tiêu căn bản của Yamamoto là ngăn cản hạm đội Thái bình dương của Mỹ can thiệp vào các cuộc hành quân tại phía nam để chiếm khu vực dầu lửa. Nhưng cuộc tấn công này cũng không đạt được hoàn toàn các điều mong đợi của Yamamoto, vì các hàng không mẫu hạm Mỹ vẫn còn nguyên vẹn. Chính các mẫu hạm Mỹ mới đích thực là mục tiêu khi Yamamoto dự định và đặt kế hoạch tấn công. Các mẫu hạm Mỹ là mối quan tâm lo lắng nhất của Yamamoto vì các mẫu hạm có khả năng đem chiến trường lại gần Nhật bản. Yamamoto vẫn tiếp tục chiến thuật căn bản của ông là kết hợp các phi công ưu tú trên 6 mẫu hạm. Các mẫu hạm này sẽ tập trung sức mạnh khủng khiếp, dụ các mẫu hạm Mỹ ra khơi giao chiến và tấn công hạm đội địch bằng một sức mạnh đè bẹp. Đó là lý do của các trận hải chiến ác liệt tại biển San Hô và quần đảo Midway sau này.

Về phần Mỹ, trận đánh Trân châu cảng là một chiến bại nặng nề, một bài học không thể quên được. Phải một thời gian khá lâu hạm đội Thái bình dương mới phục hồi lại được, trong khi hải quân Nhật tung hoành tại Thái Bình Dương mà không gặp một cản trở nào. Phải mãi sau khi đô đốc Yamamoto bị tổng thống Roosevelt ra lệnh chặn đường phục kích ám sát rồi, Mỹ mới lấy lại được thể thượng phong.

Trong các chiến hạm Mỹ bị đánh chìm tại Trân châu cảng thì chiếc Arizona là chiến hạm lớn nhất. Ngày nay tại Hawaii có một đài kỷ niệm nơi chiếc Arizona bị đánh chìm. Hàng ngày hàng ngàn du khách được tàu hải quân chở ra đài kỷ niệm để tưởng nhớ các binh sĩ anh dũng của Mỹ đã can đảm chết theo chiến hạm Arizona. Trên đài kỷ niệm, du khách có thể trông thấy chiếc Arizona còn nằm dưới lòng biển, và thỉnh thoảng từng giọt dầu còn sủi lên, mặc dù con tàu đã chìm cách đây hơn một nửa thế kỷ rồi. Thực ra những giọt dầu đó là do một bộ máy người ta đặt ra sau này, cứ vài giây lại nhả ra một vài giọt dầu sủi lên, như là những giọt máu vẫn còn chảy ra từ một vết thương chưa lành, để gây xúc động và khơi dậy lòng ái quốc cho du khách Mỹ.

Trận tấn công Trân châu cảng là một trận đánh rất đáng chú ý trong chiến sử thế giới. Trong trận đánh lớn nhưng ngắn ngủi này, binh sĩ của cả hai phe thù nghịch đều rất đáng kính trọng và ngưỡng mộ vì tinh thần ái quốc và lòng dũng cảm tuyệt vời của họ. Cả hai bên đều hãnh diện đã hoàn thành được nhiệm vụ mà quốc gia giao phó cho họ. Người Mỹ không hề có mặc cảm khi thua trận đánh đầu tiên này, bởi vì được hay thua một trận đánh trong một cuộc chiến dài bốn năm không quan trọng lắm. Chiến thắng trận đánh cuối cùng mới thực là quan trọng, và người Mỹ đã oanh liệt thắng trận đánh cuối cùng trong cuộc chiến tại Thái Bình Dương.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 18 -

Hùm Xám Mã Lai Và Trận Đánh Tân Gia Ba

Tháng 11 năm 1941, trong lúc đô đốc Yamamoto đang chuẩn bị cho cuộc tấn công Trân Châu Cảng, thì tướng lục quân Yamashita, tư lệnh Quân đoàn Quan Đông tại Mãn Châu, được triệu hồi về Đông Kinh, để nhận chức tư lệnh quân đoàn 25. Quân đoàn 25 đang chuẩn bị mở cuộc tấn công vào Mã Lai Á trong trường hợp Nhật khai chiến, và Yamashita có nhiệm vụ đánh chiếm Tân Gia Ba, căn cứ quân sự quan trọng nhất của Anh quốc tại Á Đông.

Yamashita không được thoải mái khi nhận nhiệm vụ quan trọng này, vì ông biết các tướng cấp trên như Đông Điều và Sugiyama không ưa thích ông. Trong thập niên 1930, có hai phe chống đối nhau tại Nhật Bản: phe ôn hòa chủ trương thiết lập một chính phủ dân sự dưới sự lãnh đạo của Nhật Hoàng, trong khi phe quá khích chủ trương phải đánh chiếm Trung Hoa, dù hậu quả có thể đưa đến chiến tranh với Anh và Mỹ. Yamashita ủng hộ phe ôn hòa trong khi Đông Điều và Sugiyama lãnh đạo nhóm quá khích. Cuối cùng nhóm quá khích thắng thế, và Đông Điều trở thành thủ tướng và Sugiyama nắm chức tổng tham mưu trưởng lục quân. Yamashita bị tống đi biên giới Mãn Châu, chỉ huy Quân đoàn Quan Đông. Bây giờ Yamashita bị gọi về, và phải thi hành một trọng trách nặng nề. Yamashita biết rằng mình sẽ bị theo dõi kiểm chế gắt gao, và bất cứ một lỗi lầm nào cũng đưa tới trừng phạt sỉ nhục.

Kế hoạch đánh chiếm Tân Gia Ba đã được soạn thảo trước khi Yamashita nắm quân đoàn 25. Khu vực quân đoàn 25 đổ bộ sẽ là một giải đất nhỏ hẹp tại Kra Isthmus, nằm giữa Thái Lan và Mã Lai Á. Ba địa điểm chính là Singora và Patani thuộc Thái Lan, và Kota Bharu tại bắc Mã Lai Á. Thoạt đầu người ta đề nghị giao cho quân đoàn 25 năm sư đoàn trong nhiệm vụ tấn công Tân Gia Ba. Khi Yamashita đến bộ chỉ huy của quân đoàn 25 tại đảo Hải Nam, ông duyệt lại tình hình và đưa ra một đề nghị rất ngạc nhiên. Trong lần họp với Sugiyama, Yamashita cho biết ông chỉ cần ba sư đoàn để tiến chiếm Tân Gia Ba.

Lời đề nghị của Yamashita quả thực đáng ngạc nhiên, vì phần lớn các tướng chỉ huy thường đòi hỏi có nhiều quân hơn. Trường hợp Yamashita, ông nhận thấy địa hình tại Mã Lai Á không thuận lợi cho việc tập trung quá nhiều quân. Yếu tố chính để chiến thắng là quân ít nhưng phải thật tinh nhuệ. Yamashita là một viên tướng chuyên nghiệp, một thiên tài chiến tranh và có rất nhiều kinh nghiệm chiến trường. Đối với ông và một số đồng quân nhân Nhật Bản thì chiến tranh không phải là một việc xấu, trái lại đó là một nhiệm vụ thiêng liêng.

Cuối cùng ba sư đoàn gồm sáu chục ngàn quân tham gia chiến dịch Tân Gia Ba. Đó là các sư đoàn 5 và 18, hai sư đoàn thiện chiến nhất của Quân đội Hoàng Gia Nhật. Sư đoàn thứ ba thuộc Vệ binh Hoàng gia. Ba sư đoàn này được hai trung đoàn pháo binh và một lữ đoàn chiến xa yểm trợ. Ngoài ra còn có 600 phi cơ bảo vệ, gồm có 450 phi cơ nằm trên căn cứ đất liền, và 150 phi cơ trên hàng không mẫu hạm. Hai trong ba sư đoàn trưởng của Yamashita cũng là những

viên tướng rất nhiều kinh nghiệm và can trường, đó là trung tướng Matsui nổi danh tại chiến trường Trung Hoa, chỉ huy sư đoàn 5, và trung tướng Mutaguchi từng là tham mưu trưởng cho Yamashita, chỉ huy sư đoàn 18. Yamashita rất hài lòng với hai tướng Matsui và Mutaguchi, nhưng viên tướng chỉ huy sư đoàn Vệ binh là Nishimura thì thực là một khó chịu đầu cho Yamashita. Nishimura là bạn thân với cấp trên của Yamashita là tướng Terauchi, tư lệnh Nam Á Châu, và cũng là bạn của Sugiyama, tổng tham mưu trưởng lục quân Hoàng gia Nhật. Nishimura quyết định bất hợp tác và gây nhiều khó khăn cho Yamashita.

Một người nữa gây khó khăn cho Yamashita là đại tá Tsuyi, trưởng phòng hành quân của Yamashita. Tsuyi là một thứ gián điệp dò xét các tướng lĩnh cho thủ tướng Đông Điều. Như vậy, Yamashita phải đương đầu với kẻ thù không những trực diện với mình là quân Anh, mà còn phải lo đối phó với kẻ thù ở ngay cấp trên và cấp dưới của mình, và cả trong bộ tham mưu của mình. Đó không phải là điều kiện thuận lợi để chiến thắng.

Quân Nhật dự định đổ bộ tại ba bãi biển, hai tại Thái Lan và một tại Mã Lai Á, rồi tiến quân qua rừng già từ phía bắc xuống Tân Gia Ba. Bán đảo Mã Lai Á dài khoảng 400 dặm, ở giữa là núi và hai bên là đồng bằng duyên hải. Đường tiến quân của quân Nhật phải vượt qua rất nhiều sông ngòi, rừng rậm và đồng lầy, một địa hình rất bất lợi cho cuộc hành quân. Chính vì thế, quân Anh không quan tâm lo phòng thủ khu vực này. Bộ tham mưu Nhật quyết định hai sư đoàn 5 và 18 sẽ đổ bộ trước, thiết lập một đầu cầu cho sư đoàn Vệ binh ít kinh nghiệm đi sau.

Từ tổng hành dinh tại Sài Gòn, tướng Terauchi đánh điện cho Yamashita, ấn định ngày tấn công là 8-12, một ngày sau cuộc tấn công Trân Châu Cảng của đô đốc Yamamoto. Đồng thời Terauchi cũng ra lệnh cho Yamashita phải hủy bỏ cuộc tấn công ngay tức khắc, nếu cuộc điều đình đang diễn ra tại Hoa Thịnh Đốn thành công. Lực lượng tấn công được phân tán thành 5 đoàn tàu đổ bộ khác nhau để tránh nghi ngờ. Ngày 8-12 là ngày định mệnh cho Nhật Bản. Ngày đó quân đoàn 25 nức lòng vì tinh thần quốc gia. Họ nghĩ rằng cơ hội đánh đuổi "quân bạch quỷ" để giải phóng Á Châu cho người Á Châu đã tới.

Tân Gia Ba là thuộc địa của Anh Quốc kể từ năm 1819, rộng từ tây sang đông 27 dặm, và từ bắc xuống nam 13 dặm. Tân Gia Ba và Mã Lai Á rất quan trọng cho đế quốc Anh vì tài nguyên phong phú về cao su và thiếc. Việc phòng thủ Tân Gia Ba lúc đầu rất xao nhãng vì quân Anh cảm thấy an tâm vì được rừng già bao bọc. Đường tấn công duy nhất là từ biển vào. Nhưng đến đầu thập niên 1930, sau khi Nhật Bản chiếm Mãn Châu, thì sự phòng thủ mới được tăng cường bằng cả hải lục không quân. Trung tướng Dobbie được cử làm tư lệnh tại Mã Lai Á, có tướng Percival làm tham mưu trưởng. Dobbie đã nhiều lần xin chính phủ Anh Quốc tăng cường hệ thống phòng thủ tại Mã Lai Á và Tân Gia Ba, nhưng không được đáp ứng, một phần vì tình hình tại Âu Châu đang bất lợi cho Anh Quốc. Tháng 3-1941, Percival nhận lãnh chức vụ tư lệnh Mã Lai Á. Ông đòi bộ chiến tranh phải tăng cường thêm sáu sư đoàn, hai trung đoàn chiến xa và nhiều đơn vị chống chiến xa và phòng không. Bộ chiến tranh bác bỏ lời yêu cầu của ông. Percival đành phải bằng lòng với những gì ông đang có, gồm có 88 ngàn binh sĩ, trong đó có 19 ngàn quân Anh, 15,200 quân Úc, 37 ngàn quân Ấn Độ, và 16,800 quân tình nguyện bản xứ. Percival phải trải quân số này khắp Mã Lai Á. Như vậy

Percival không đủ quân số để bảo vệ các địa điểm trọng yếu, như phi trường và bờ biển. Lúc đó Percival không có cả xe tăng, và các đồ quân nhu đều thiếu thốn. Quân sĩ thì phần lớn là Ấn Độ, không được huấn luyện đầy đủ. Percival chỉ còn trông cậy vào những cỗ súng nặng dọc bờ biển và hai chiến hạm Prince of Wales và Repulse. Hai chiến hạm này được phái tới Tân Gia Ba tháng 10-1941, để nâng cao tinh thần quân trú phòng. Percival cũng cho xây dựng lại hệ thống phòng thủ, nhưng dù sao cũng quá trễ và quá ít.

Ngày 4-12, đoàn tàu chiến của Yamashita rời tổng hành dinh tại đảo Hải Nam, và đến tối ngày 7-12 thì tới ngoài khơi Mã Lai Á. Đúng nửa đêm đó thì các vị trí của quân Anh tại Kota Bharu bị các chiến hạm Nhật pháo kích. Rồi các tàu đổ bộ ào tới. Phi cơ của quân đội Hoàng gia Anh cũng gây lúng túng cho quân Nhật, nhưng vị trí của quân phòng thủ Ấn Độ bị quân Nhật tràn ngập mau lẹ. Các vị trí của quân Ấn Độ nằm sát bờ biển, một vị trí rất thuận tiện để tiêu diệt quân đổ bộ của Nhật, nhưng quân Nhật tiến mạnh như vũ bão vào hỏa lực của quân Ấn Độ, rồi bao vây và tấn công các vị trí này từ bốn phía. Quân Ấn Độ hoảng hốt bỏ chạy vì tường phòng tuyến bị chọc thủng, nhưng thật ra lúc đó quân Nhật cũng đang gặp khó khăn.

Cuộc đổ bộ tại Singora và Patani của Thái Lan dễ dàng hơn nhiều. Cảnh sát và quân đội Thái Lan không phải là đối thủ của quân Nhật. Đúng 5:20 sáng ngày 8-12, Yamashita lên bờ và thiết lập tổng hành dinh tại Singora. Chỉ trong vài giờ sau, chính phủ Thái Lan chấp thuận cho phép quân Nhật được xử dụng lãnh thổ Thái Lan.

Sau khi nghe tin Kota Bharu thất thủ, Percival ra lệnh rút quân về phòng thủ Jitra. Tướng Matsui chỉ dùng 500 quân và 10 xe tăng tiến tới Jitra mau lẹ như sấm sét. Cuộc chiến đầu thực ác liệt, nhưng quân Nhật tiến qua rừng già đánh bọc hậu địch quân, và chiếm được Jitra ngay. Quân Nhật tiến ngay tới mục tiêu kế tiếp là Alo Star. Điều nhục nhã cho quân Anh là trong mấy ngày đầu của trận đánh, quân Nhật không cần phải xử dụng sư đoàn 5. Các chiến công đầu là do một đơn vị tiền phương đạt được, và quân Nhật chỉ thiệt hại khoảng 50 binh sĩ.

Không những quân Nhật chiếm được các vị trí phòng thủ quan trọng, mà quân Ấn Độ kinh hoàng bỏ chạy, để lại rất nhiều quân nhu vũ khí. Quân Nhật càng tiến về phía nam thì càng lên tinh thần, và mặc sức dùng đồ ăn, đạn dược, xe cộ và nhiên liệu của quân Ấn Độ bỏ lại. Chiến thuật của Yamashita là "tràn ngập, truy kích và củng cố". Quân Nhật tràn qua phòng tuyến địch, tấn công quân địch bằng xe tăng và lúc nào cũng gia tăng áp lực, khiến cho quân Anh không có đủ thì giờ để củng cố lại một vị trí hoặc phòng tuyến mới. Đây là một cuộc chạy đua về phía nam. Quân bộ binh Nhật dùng cả xe đạp để tiến quân. Họ đạp xe dọc theo các đường lộ và các lối mòn, và vác xe đạp lên khi phải qua sông, nhưng luôn luôn truy kích ráo riết địch quân đang rút lui.

Yamashita chủ trương dùng chiến thuật đánh bọc hậu địch, trong khi viên tham mưu trưởng của Yamashita là Tsuyi phản đối chiến thuật này và cho rằng quá tốn quân. Trong một cuộc tranh luận nảy lửa, Tsuyi thua và bị mất mặt. Tsuyi đệ đơn từ chức, nhưng không được Yamashita chấp thuận, và từ đó hấn để tâm trả thù, và tìm cách hãm hại Yamashita. Việc hãm hại Yamashita được chính thủ tướng Đông Địch khuyến khích khiến cho Yamashita không được hưởng kết quả chiến thắng do chính mình tạo ra.

Đối với Percival thì hết thất bại này tới thất bại khác. Trưa ngày 8-12, đô đốc Tom Phillips chỉ huy hai chiến hạm Prince of Wales và Repulse và bốn khu trục hạm khác ra khơi để tấn công các vị trí đổ bộ của quân Nhật. Đô đốc Phillips hy vọng được sự yểm trợ của không quân, nhưng vào phút chót, hạm đội của Phillips không có một phi cơ nào. Đó là một hoàn cảnh rất nguy hiểm nếu hạm đội bị không quân Nhật tấn công. Trong suốt ngày 9-12, hạm đội được mưa rào che chở, nhưng đến chiều thì trời bỗng quang đãng, và hạm đội của Phillips bị phi cơ tuần thám của Nhật khám phá. Do đó hạm đội Anh mất yếu tố bất ngờ, nên đô đốc Phillips quyết định trở về căn cứ Tân Gia Ba.

Ngay sau đó đô đốc Phillips nhận được tin quân Nhật đang đổ bộ tại Quantan. Không thông báo cho bộ tư lệnh tại Tân Gia Ba, Phillips dẫn hạm đội tiến về Quantan với mục đích tấn công quân đổ bộ Nhật. Không may cho hạm đội Anh, một tiềm thủy đình Nhật trông thấy hạm đội Anh vào lúc 2:10. Thế là phi cơ tuần thám của Nhật được tung ra tìm kiếm vị trí của hạm đội Anh. Khi Phillips dẫn hạm đội của ông tiến về phía Quantan, thì hạm đội Nhật phái một lực lượng gồm 34 oanh tạc cơ và 51 phi cơ phóng thủy lôi để đối phó với hạm đội Anh. Sáng ngày hôm sau, khi hạm đội Anh tiến gần tới Quantan thì không thấy tàu đổ bộ của Nhật. Đô đốc Phillips ra lệnh cho hạm đội tiến ngược về phía bắc, hy vọng tìm được địch quân. Nhưng đúng lúc đó thì radar của chiến hạm Repulse phát hiện phi cơ Nhật đang tiến tới. Đúng 11 giờ sáng thì trận tấn công của phi cơ Nhật bắt đầu. Từng đợt phi cơ Nhật nhào xuống hạm đội Anh. Các hạm trưởng Anh trở hết tài để tránh thủy lôi của Nhật, nhưng cuối cùng cả hai chiếc Prince of Wales và Repulse đều bị đánh chìm. Gần một ngàn binh sĩ Anh tử trận cùng với hai chiến hạm Prince of Wales và Repulse. Đây là một thất bại nặng nề nhất trong lịch sử hải quân Anh, và quân Nhật đã phá hủy huyền thoại bất bại của người Anh, và niềm hy vọng của quân Anh tại Mã Lai Á. Đô đốc Phillips đã mắc phải những lỗi lầm quan trọng, nhưng ông không bị trừng phạt, vì ông tử trận ít lâu sau đó.

Tin chiến thắng đánh bại hai chiến hạm quan trọng của hải quân Anh đã đem hứng khởi cho quân Nhật, và gia tăng huyền thoại bất bại của quân Nhật. Trong khi đó trận chiến trên bộ vẫn tiếp diễn, và quân Anh vẫn phải tiếp tục rút lui về miền nam. Trong sáu tuần lễ, quân Nhật đã chiếm trọn Mã Lai Á. Trên hai chục ngàn quân Ấn Độ đầu hàng, và Percival bây giờ chỉ trông cậy vào sư đoàn Úc đóng tại Jahore ở miền nam Mã Lai Á. Mặc dầu quân Úc cũng phải rút lui, nhưng họ cũng đánh lại quân Nhật những đòn chí tử. Quân Anh tuy có khả năng chiến đấu cao, nhưng lại quá ít. Khi Yamashita mở cuộc tấn công tại Jahore, đánh bại lữ đoàn Ấn Độ tại đây thì Percival đành phải rút lui về cố thủ Tân Gia Ba, và cho nổ tung con đê nối liền Tân Gia Ba và Mã Lai Á.

Báo chí Nhật hết lời ca tụng Yamashita là anh hùng dân tộc, nhưng chỉ tạo bất lợi cho Yamashita, vì sự ghen ghét của thủ tướng Đông Điều. Yamashita tập trung quân và mở cuộc tấn công cuối cùng vào Tân Gia Ba. Quân trú phòng Tân Gia Ba gồm có 85 ngàn binh sĩ, và sáu tiểu đoàn mới được tăng cường từ Anh Quốc. Percival có nhiều quân hơn Yamashita, và đáng lẽ có thể đẩy lui được mọi cuộc tấn công của quân Nhật. Thủ tướng Anh Churchill ra lệnh phải phòng thủ Tân Gia Ba và không được để mất một tấc đất.

Yamashita chỉ có sáu chục ngàn quân. Trọng pháo bị hư hại nhiều, và đạn được

chỉ đủ dùng cho một thời gian ngắn. Quân Nhật chỉ có lợi thế về không lực, vì Nhật có tới 200 chiến đấu cơ so với một phi đội Hurricane của quân Anh. Yamashita biết rằng phải tốc chiến tốc thắng trước khi quân Anh nhận ra được nhược điểm của quân Nhật. Nếu quân Anh lấy lại được tinh thần, và thiết lập được một phòng tuyến phòng thủ hữu hiệu thì Yamashita phải bại trận. Yamashita là người gặp nhiều nghịch cảnh. Không những thiếu thốn các đồ tiếp liệu quan trọng, mà còn bị các cấp trên quấy rầy nữa. Tướng Terauchi, tư lệnh khu Nam Á luôn luôn ra lệnh cho Yamashita phải chiến đấu như thế nào. Có lần Terauchi gửi cho Yamashita một cọc giấy ghi những điều Yamashita phải làm khi mở cuộc tấn công. Yamashita tức giận, xé nát những mẫu giấy này và liệng vào thùng rác. Ngày 4-2, quân Nhật sẵn sàng mở cuộc tấn công. Yamashita họp các tướng tư lệnh sư đoàn và ra lệnh tấn công. Sư đoàn của Nishimura mở cuộc tấn công giả tại phía đông vào tối ngày 7-2 để dụ quân Anh về phía đó. Đến đêm tối, các sư đoàn 5 và 18 vượt qua góc tây bắc của hòn đảo. Nishimura than phiền Yamashita coi thường mình và giao cho một nhiệm vụ không xứng đáng. Nhưng Yamashita đặt hết tin tưởng sẽ lừa được Percival ở trận tấn công giả này. Sáng ngày 8-2, cuộc tấn công bắt đầu bằng cuộc oanh kích nặng nề của phi cơ và pháo binh. Mặc dù súng máy của quân Anh quật dữ dội vào quân Nhật, nhưng sáng ngày hôm sau quân Nhật đã có mặt tại hòn đảo và tiến xuống phía nam. Yamashita di chuyển bộ chỉ huy tới một rừng cao su tại đảo Tân Gia Ba. Đúng trưa ngày hôm đó, hai sư đoàn 5 và 18 vượt qua được eo biển, nhưng sư đoàn Vệ binh của Nishimura dừng lại, vì Nishimura cảm thấy mất mặt. Trong cơn giận dữ, Nishimura ra lệnh chặt đầu 200 quân Úc và Ấn Độ bị kẹt tại Jahore. Nishimura làm đủ chuyện để gây khó khăn cho Yamashita. Mỗi khi nhận được lệnh của Yamashita, Nishimura hay hỏi vặn lại và nhiều khi từ chối không thi hành lệnh. Trong khi đó Terauchi đã hứa với Đồng Kinh sẽ chiếm được Tân Gia Ba vào ngày 11-2, ngày lễ lập quốc của Nhật Bản. Nhiều trận đánh cận chiến dữ dội xảy ra tại nhiều nơi. Percival quyết định lập một tuyến phòng thủ bao quanh thành phố. Đến ngày 10-2 thì các đường dẫn vào Tân Gia Ba đã lọt vào tay quân Nhật, và quân dân trong thành phố Tân Gia Ba bắt đầu lo sợ kinh hoàng. Nhưng chính lúc đó Yamashita cũng bắt đầu lo sợ vì nhiên liệu và đạn dược thiếu một cách trầm trọng. Nếu phải bao vây Tân Gia Ba trong một thời gian lâu dài thì quân Nhật phải bỏ cuộc. Trong một buổi họp của ban tham mưu, các tướng cho Yamashita biết nếu không được tiếp tế thì chỉ sáu ngày nữa súng của quân Nhật sẽ im tiếng. Nhưng Yamashita biết rằng ông vẫn phải tiếp tục cuộc chiến, và ông ra lệnh mở cuộc tấn công như thường, để cố gắng che giấu không cho quân Anh nhận thấy nhược điểm của quân Nhật. Yamashita gửi một lá thư sang tổng hành dinh của tướng Percival, kêu gọi Percival đầu hàng, và nếu kháng cự sẽ bị tàn sát.

Thưa Ngài,

Tôi, tư lệnh quân đội Thiên Hoàng, đặt căn bản trên tinh thần thượng võ Nhật Bản, trân trọng gửi cho Ngài lá thư này để khuyên Ngài nên đầu hàng tất cả lực lượng tại Mã Lai Á. Tôi hết sức kính trọng quân đội của Ngài, đã theo đúng tinh thần cổ truyền Anh Quốc, đã anh dũng bảo vệ Tân Gia Ba và đang bị cô lập và không còn hy vọng tiếp cứu. Sĩ quan và quân sĩ của Ngài đã chiến đấu nhiều trận đánh oai hùng ác liệt theo đúng tinh thần chiến sĩ Anh Quốc. Nhưng hiện

tình đã chấm dứt số phận của Tân Gia Ba rồi, và nếu cứ tiếp tục cuộc chiến mong manh này thì chỉ tạo ra thêm nhiều tổn thất chết chóc cho hàng ngàn người dân đang sống trong thành phố, đẩy họ vào những nỗi thống khổ và kinh hoàng của chiến tranh, mà cũng chẳng thêm được gì cho danh dự của quân đội Anh. Để chấm dứt lá thư này, tôi xin bày tỏ lòng tôn kính của tôi đối với Ngài một lần nữa.

Tomoyuki Yamashita

Percival không có ý định đầu hàng. Tuy nhiên ngay ngày hôm đó, quân Nhật chiếm được một bệnh viện lớn của quân đội Anh. Khi các nhân viên bệnh viện định đầu hàng thì quân Nhật tràn vào và dùng lưỡi lê đâm chết 230 bệnh nhân và 93 nhân viên bệnh viện. Một vài người trốn thoát chạy vào Tân Gia Ba và kể lại cảnh tàn sát dã man của quân Nhật. Tin đồn lập tức lan truyền khắp thành phố rằng, nếu Percival không đầu hàng thì mọi người sẽ chịu chung số phận như các nạn nhân tại quân y viện.

Tinh thần quân dân trong thành phố xuống thấp mau lẹ. Việc tàn sát dường như giúp đồn thâu cày của Yamashita thành công, mặc dầu Yamashita không ra lệnh tàn sát quân y viện. Bây giờ đối với Percival thì đầu hàng là con đường duy nhất. Thủ tướng Churchill đánh điện cho phép Percival hoàn toàn quyết định theo đúng tình trạng của Tân Gia Ba.

Ngày 14-2, đường tiếp tế nước duy nhất của Tân Gia Ba là một trạm bơm nước chỉ còn cách vị trí của quân Nhật chừng nửa dặm. Nhiều nơi trong thành phố đã không có nước dùng. Percival biết rằng chỉ trong 48 giờ nữa thì Tân Gia Ba hoàn toàn không có nước nữa. Ngày chủ nhật 15-2, Percival họp với thuộc cấp để thu thập ý kiến của họ. Sau buổi họp, Percival cảm thấy tuyệt vọng. Vào lúc 10 giờ sáng, một toán quân nhân Anh mang cờ trắng tiến ra gặp đơn vị của tướng Mutaguchi. Ngay sau đó Yamashita được thông báo bộ tư lệnh Anh sẵn sàng thảo luận điều kiện đầu hàng. Yamashita đã thắng canh bạc thâu cày. Yamashita yêu cầu tướng Percival phải ra gặp Yamashita tại một địa điểm chỉ định. Ngay chiều hôm đó, Percival mang cờ trắng ra và ngồi đối diện với Yamashita.

Yamashita hỏi Percival có đồng ý đầu hàng vô điều kiện không. Percival trả lời đồng ý. Yamashita đặt câu hỏi thứ hai: Quân Anh có giữ tù binh Nhật nào không. Percival cho biết không có tù binh Nhật. Đến đó Yamashita đặt văn bản đầu hàng trước mặt Percival. Percival đọc văn kiện xong và yêu cầu ngày hôm sau mới ký. Yamashita không thể chờ đợi lâu hơn nữa, vì e rằng quân Anh có thể nhận ra nhược điểm của mình, nên Yamashita yêu cầu Percival phải ký ngay, nếu không cuộc chiến sẽ tiếp tục ngay tức khắc. Viên thông ngôn Nhật nói không được lưu loát lắm nên dễ khiến Yamashita nổi nóng. Yamashita hét vào mặt tên thông ngôn: "Quân Anh có ký hay không? Trả lời Có hay Không!"

Đến đây Percival giật mình hoảng sợ, và trả lời đồng ý ký ngay. Văn kiện đầu hàng được ký lúc 6:10 chiều hôm đó. Sự đầu hàng của Percival đem lại cho Yamashita một chiến thắng lớn nhất trong lịch sử quân đội Thiên Hoàng. Căn cứ hùng mạnh Tân Gia Ba rơi vào tay Yamashita trong vòng 73 ngày. Sự thất thủ Tân Gia Ba là một cơn xúc động khủng khiếp tràn ngập khắp Á Châu, và chứng tỏ rằng địa vị của người da trắng tại Á Châu sẽ không bao giờ được như trước nữa. Lực lượng sáu chục ngàn quân của Yamashita bắt giữ được 130 ngàn

quân Anh, Úc, Ấn Độ và Mã Lai trong khi quân Nhật chỉ thiệt hại 9,823 binh sĩ. Yamashita quả thực xứng đáng được mệnh danh là "Hùm Xám Mã Lai". Dù thiếu thốn quân nhu trầm trọng mà Yamashita vẫn điều khiển cuộc hành quân đến thắng lợi ngoạn mục. Yamashita tỏ ra có tài chỉ huy những trận đánh phức tạp, đòi hỏi việc xử dụng nhiều binh chủng khác nhau. Đòn thâuค่าย những ngày cuối cùng đã giúp tránh cho Nhật một cuộc chiến tiêu hao trường kỳ. Đáng lẽ sau chiến công hiển hách này, Yamashita phải được thưởng xứng đáng. Trái lại thủ tướng Đông Điền tìm cách cướp đi vinh dự và công trạng của Yamashita bằng cách đẩy Yamashita trở lại biên giới Mãn Châu. Mãi đến khi Đông Điền bị mất chức thủ tướng, Yamashita mới được gọi về làm tư lệnh quân Nhật tại Phi Luật Tân. Tuy vậy cấp trên của Yamashita vẫn tiếp tục hãm hại ông khiến ông không thể điều khiển cuộc chiến tại Phi Luật Tân theo ý muốn. Khi đệ nhị thế chiến chấm dứt, Yamashita bị đồng minh xử tử như là một tội phạm chiến tranh, mặc dầu ông chỉ là một quân nhân phải hành động theo lệnh của cấp trên. Ông vốn là một người chống lại việc gây chiến.

Yamashita bị xử tử vì một tội ông không làm, cũng như trường hợp tướng Matsui, cựu tư lệnh Nhật tại Trung Hoa. Matsui là một tướng có tài và hết sức giữ quân kỷ và không cho binh sĩ nhũng nhiễu người Trung Hoa. Về sau ông bắt mất vì không ngăn cản được tội ác chiến tranh của quân Nhật, ông xin từ chức, và cạo đầu vào chùa đi tu. Nhưng khi chiến tranh chấm dứt, ông vẫn bị đồng minh lôi ra khỏi chùa và xử tử ông. Có lẽ tây phương không cho phép những kẻ một thời chiến thắng tây phương được sống sót.

Tướng Percival là tù binh của Nhật cho tới lúc đệ nhị thế chiến chấm dứt. Ngày 2-9-1945, viên tướng bại trận gây nhom này được hiện diện trên chiến hạm Missouri để chứng kiến sự đầu hàng của Nhật Bản. Trong dịp này, tướng MacArthur của Mỹ trao tặng Percival một cây viết dùng để ký văn kiện đầu hàng của Nhật Bản.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 19 -

Trận Đánh Biển San Hô

Sau những chiến thắng liên tục của hải quân Nhật tại Thái Bình Dương, đô đốc Yamamoto quyết định phải chiếm đảo Midway, mặc dù đảo này khá xa Nhật Bản. Yamamoto tin rằng khi chiếm được Midway, ông có thể thiết lập được một căn cứ tiền phong cho các cuộc tuần thám không lực và tiềm thủy đình tại đó. Hơn nữa Yamamoto chủ trương phải dụ các mẩu hạm của Mỹ cho một trận đánh quyết định. Yamamoto cho rằng chiến dịch Midway sẽ hoàn tất những gì mà trận đánh Trân Châu Cảng không thực hiện được. Ông hy vọng rằng với một chiến thắng quyết định tại Midway sẽ bắt buộc người Mỹ phải thương thuyết hòa bình với những điều kiện có lợi cho Nhật Bản.

Khi Yamamoto đưa trình kế hoạch đánh chiếm đảo Midway lên bộ Tham mưu Hải quân Nhật thì kế hoạch này bị đa số bác bỏ, với lý do chiến dịch quá liều lĩnh và đảo Midway ở quá xa. Dù có chiếm được Midway thì việc tiếp tế cho Midway cũng rất khó khăn. Bộ Tham mưu Hải quân Nhật chỉ muốn đánh chiếm các đảo New Caledonia, Fiji và Samoa với mục đích tách rời Úc Đại Lợi khỏi Hoa Kỳ. Nhưng Yamamoto cương quyết đòi hỏi phải thi hành kế hoạch tiến chiếm đảo Midway của ông. Cuối cùng bộ Tham mưu Hải quân Nhật đồng ý, nhưng muốn Yamamoto phải mở chiến dịch Biển San Hô trước, để cô lập Úc Đại Lợi, không cho Úc Đại Lợi trở thành một căn cứ tấn công của đồng minh vào Nhật Bản.

Vì thế, ngay trong lúc chiến dịch Midway đang được tích cực chuẩn bị thì có những phát triển mới, ảnh hưởng đến chiến dịch Midway tại một vùng ba ngàn dặm tại khu vực đông bắc Úc Đại Lợi. Tại đó đệ tứ hạm đội Nhật của phó đô đốc Inouye tung ra cuộc tấn chiếm Tulagi thuộc quần đảo Solomons và hải cảng Morseby tại vùng đông nam đảo New Guinea ngày 7-5, mở đầu trận đánh Biển San Hô.

Các chiến lược gia Nhật Bản coi việc cô lập Úc Đại Lợi rất cần thiết, vì họ sợ rằng đồng minh sẽ dùng Úc Đại Lợi làm bàn đạp để phản công. Chiến dịch tại Biển San Hô có mục tiêu tách rời Úc Đại Lợi ra khỏi đồng minh, vì khi chiếm được quần đảo Solomons, Nhật Bản sẽ kiểm soát được hải lộ giữa Úc Đại Lợi và Hoa Kỳ. Có một sự bất đồng ý giữa hải quân và lục quân Nhật. Hải quân chủ trương chiếm Úc Đại Lợi, nhưng lục quân phản đối vì nếu chiếm Úc Đại Lợi thì lục quân phải trải lực lượng quá mỏng cho một chiến trường quá rộng lớn, nhất là chiến cuộc tại Trung Hoa đang lan rộng và đã thu hút phần lớn tài nguyên của lục quân. Trong lúc hải quân và lục quân Nhật còn mải tranh luận chiếm hay không chiếm Úc Đại Lợi thì ngày 11-3, thủ tướng Đông Điều gửi một điện văn hăm dọa Úc Đại Lợi như sau:

"Úc Đại Lợi phải hiểu rằng chống lại lực lượng bất bại của Nhật Bản là một điều không tưởng, xét về dân số thừa thớt, lãnh thổ quá rộng và vị trí của Úc quá xa Hoa Kỳ và Anh Quốc."

Thủ tướng Úc vội kêu gọi sự trợ giúp của Hoa Kỳ để chống lại Nhật Bản. Tuy nhiên sau đó quan điểm của lục quân Nhật thắng thế, nên Nhật không còn muốn chiếm Úc nữa, và chỉ mở trận đánh Biển San Hô để cô lập Úc Đại Lợi.

Như đã hoạch định từ tháng giêng, cuộc xâm chiếm Tulagi và hải cảng Morseby phải thực hiện ngay sau khi hải quân Nhật chiếm xong Lae và Salamaua vào đầu tháng ba. Tuy nhiên khi tin tình báo cho biết lực lượng hải quân Mỹ tại vùng đông nam có tới hai hàng không mẫu hạm, bốn thiết giáp hạm, bốn chiến hạm nhẹ và hơn mười khu trục hạm, thì bộ tham mưu Nhật phải hoãn cuộc tấn công cho đến lúc đệ tứ hạm đội Nhật được tăng cường bằng những chiến hạm nặng,

mượn từ lực lượng tấn công đảo Midway của đô đốc Nagumo.

Vì các chiến hạm cho đệ tứ hạm đội mượn sẽ được sử dụng trong trận tấn công tại quần đảo Midway, nên phó đô đốc Inouye lập tức mở cuộc tấn công Biển San Hô ngay. Theo kế hoạch của Inouye thì Nhật sẽ đánh chiếm Tulagi ngày 3-5 và toàn lực sẽ tung vào trận đánh chiếm hải cảng Morseby một tuần sau đó. Inouye chia lực lượng tấn công làm hai cánh tiến quân. Một lực lượng do đô đốc Goto chỉ huy gồm có hàng không mẫu hạm nhỏ Shoho, bốn thiết giáp hạm và một khu trục hạm. Lực lượng thứ hai do phó đô đốc Takagi chỉ huy có hai hàng không mẫu hạm lớn là Zuikaku và Shokaku, và sáu khu trục hạm.

Nhờ tin tức tình báo, đô đốc Nimitz, tư lệnh lực lượng Mỹ tại Thái Bình Dương, biết trước được kế hoạch tấn công khu vực Biển San Hô của Nhật. Nimitz lập tức ra lệnh cho đô đốc Fletcher và hàng không mẫu hạm Yorktown đang hoạt động tại nam Thái Bình Dương phải rút lui về Tongabatu để lấy thêm tiếp tế và sẽ gặp lực lượng của phó đô đốc Fitch và mẫu hạm Lexington tại Biển San Hô để ngăn chặn bước tiến của Nhật. Ngày 4-5 đô đốc Grace của Anh Quốc cùng ba chiến hạm cũng tiến vào vùng Biển San Hô để trợ giúp lực lượng Mỹ. Đô đốc Grace được xung vào lực lượng xung kích 44, dưới quyền của đô đốc Fletcher. Chính trong trận đánh Biển San Hô, đô đốc Grace của hải quân hoàng gia Anh quốc đã trở tài điều khiển chiến hạm tránh thủy lôi của hải quân Nhật Bản một cách tài tình xuất chúng, vô hiệu hóa rất nhiều đợt tấn công của phi cơ phóng thủy lôi Nhật.

Fletcher đưa mẫu hạm Yorktown hờm sẵn tại hành lang Jomard, chờ đợi hải quân Nhật đi qua để tấn công, vì ông biết rằng muốn tấn công hải cảng Morseby, hải quân Nhật phải đi qua hành lang này. Tuy đọc được mật mã của Nhật, nhưng đô đốc Nimitz cũng lo ngại không biết lực lượng nhỏ bé của Mỹ có thể đánh bại được lực lượng tấn công hùng hậu của Nhật hay không.

Về phía Nhật Bản, Inouye thành lập bốn lực lượng xung kích khác nhau. Phó đô đốc Shima chỉ huy lực lượng tấn công Tulagi; phó đô đốc Marushige hành quân tại quần đảo Louisiade; phó đô đốc Kajoka chỉ huy lực lượng tấn công Morseby, và phó đô đốc Goto chỉ huy không lực trên các mẫu hạm. Các tư lệnh Nhật Bản rất lạc quan vì tưởng rằng hải quân Mỹ chỉ có một mẫu hạm trong vùng.

Cuộc đổ bộ vào Tulagi của phó đô đốc Shima ngày 3-5 là một chiến thắng ngoạn mục, đúng theo kế hoạch. Ngày hôm sau lực lượng tấn công hải cảng Morseby bắt đầu di chuyển, có một chiến hạm nhẹ và sáu khu trục hạm yểm trợ. Tuy nhiên ngay khi cuộc tiến quân của Nhật vừa bắt đầu thì các hàng không mẫu hạm của Mỹ mở một cuộc tấn công ác liệt vào các địa điểm đổ bộ tại Tulagi, và

phá hủy được một số tàu chiến của Nhật. Điều này cảnh cáo cho lực lượng Nhật biết lực lượng hải quân xung kích của Mỹ đang hiện diện trong vùng. Lực lượng của phó đô đốc Takagi đang ở phía bắc quần đảo Solomons, được lệnh phải tiến gấp rút tới nghênh địch. Lực lượng Nhật có nhiệm vụ tiến chiếm hải cảng Morseby vẫn tiếp tục cuộc hành quân và được lực lượng của phó đô đốc Goto bảo vệ.

Vào sáng ngày 6-5, các chiến hạm của Takagi đã tới phía đông nam của quần đảo Solomons, và tiến vào Biển San Hô, nhưng mãi ngày hôm sau Takagi mới đụng độ với hải quân Mỹ. Vào lúc hừng sáng ngày 7-5, những phi cơ tuần thám của Nhật bốc lên từ hàng không mẫu hạm tỏa ra tìm địch. Chỉ một lát sau, một phi cơ do thám cấp báo về đã tìm thấy lực lượng xung kích hải quân Mỹ, gồm có cả một hàng không mẫu hạm, tại một địa điểm khoảng 160 dặm về phía nam của vị trí Nhật. Toàn thể lực lượng tấn công của Nhật trên hai chiếc Zuikaku và Shokaku, gồm có 78 oanh tạc cơ, phi cơ phóng thủy lôi và chiến đấu cơ lập tức cất cánh tiến về phía vị trí hải quân Mỹ. Nhưng khi tới vị trí địch quân đã được báo cáo, các phi công Nhật chỉ thấy một tàu chở dầu có một khu trục hạm bảo vệ. Hai chiếc tàu này lập tức trở thành mục tiêu của một cuộc tấn công ác liệt. Cả hai chiếc tàu, chiếc Neosho chở dầu và chiếc khu trục hạm Sims đều bốc cháy và chìm.

Ngay khi lực lượng tấn công Nhật bay đi để đánh vào một mục tiêu sai lầm thì đề đốc Hara, tư lệnh không lực tại các mẫu hạm Nhật, nhận được báo cáo mới, cải chính địa điểm của hải quân Mỹ đã báo cáo là một nhảm lẫn. Đúng ra lực lượng xung kích của hải quân Mỹ hiện đang ở về phía đông nam trong quần đảo Louisiade. Tuy nhiên lúc đó đã quá trễ để ra lệnh cho phi đội tấn công của Nhật đổi hướng và Nhật đã bỏ lỡ một cơ hội vô cùng quý giá đánh địch quân một cú bất ngờ.

Sự nhầm lẫn này là một thất bại đắt giá cho hải quân Nhật. Trong khi lực lượng Nhật tung ra đánh hai chiếc Neosho và Sims, hai mục tiêu tương đối không có giá trị bao nhiêu, thì lực lượng không quân Mỹ đã tấn công vào những mục tiêu Nhật đáng kể hơn nhiều. Phó đô đốc Inouye đã ra lệnh cho lực lượng tiến chiếm hải cảng Morseby tạm rút lui về hướng bắc cho đến khi hiểm họa bị hàng không mẫu hạm địch tấn công không còn nữa. Trong lúc lệnh của Inouye được thi hành thì đúng 11 giờ sáng ngày 7-5, các phi cơ oanh tạc và phóng thủy lôi của Mỹ khám phá ra lực lượng Nhật yểm trợ quân tấn công hải cảng Morseby. Các phi công Mỹ tung ra một cuộc tấn công vô cùng ác liệt, tập trung tất cả hỏa lực vào chiếc mẫu hạm Shoho. Chỉ sau năm phút tấn công, mẫu hạm Shoho của Nhật bốc cháy và chìm vào lúc 11:35. Đây là một tổn thất khá lớn cho hải quân Nhật.

Vào lúc các phi cơ của Nhật trên hai chiếc Zuikaku và Shokaku bắt đầu bốc lên

để giao chiến với phi cơ Mỹ thì lúc đó đã muộn quá, và trời gần tối rồi. Đề đốc Hara cảm thấy rằng nếu tung hết lực lượng tấn công hàng không mẫu hạm Mỹ lúc đó thì quá nguy hiểm, vì phi công Nhật sẽ phải tìm đường về mẫu hạm và hạ cánh trong đêm tối. Tuy nhiên đề đốc Hara vẫn ước muốn phải tấn công địch càng sớm càng tốt, và ông quyết định tung ra một phần lực lượng không quân của ông vào cuộc tấn công vào lúc chập tối. Hara chỉ chọn những phi công đã được huấn luyện đánh đêm vào cuộc tấn công này.

Đúng vào lúc 4:30, một lực lượng 27 oanh tạc cơ và phi cơ phóng thủy lôi Nhật cất cánh, nhắm hướng vị trí của lực lượng hải quân xung kích Mỹ. Đoàn phi cơ Nhật này tiếc thay không tìm thấy hàng không mẫu hạm Mỹ, mà chỉ gặp một toán phi cơ Mỹ đang bay tuần tiễu. Thế là một cuộc không chiến xảy ra. Bên Nhật có một vài phi cơ bị hạ, nhưng phần lớn các phi cơ còn lại đã dùng hết hỏa lực vào cuộc không chiến. Số phi cơ còn lại của Nhật trên đường về bắt gặp hàng không mẫu hạm Yorktown của Mỹ, nhưng các phi cơ này đã sử dụng hết hỏa lực trong cuộc không chiến, nên không thể mở được cuộc tấn công mẫu hạm Mỹ. Một số phi công Nhật tưởng mẫu hạm Yorktown là mẫu hạm nhà nên đáp xuống, rồi lại vội vàng thụt lui bay lên khi nhận ra sự lầm lẫn. Trong số 27 phi cơ Nhật được lệnh đánh đêm, chỉ có sáu phi cơ bay về mẫu hạm còn nguyên vẹn. Những chiếc còn lại hoặc bị mất tích vì lạc trong đêm tối, hoặc bị tổn thất phải sửa chữa.

Trước lúc bình minh sáng ngày hôm sau, lực lượng của phó đô đốc Takagi lại tung phi cơ do thám để tìm mẫu hạm Mỹ. Vào lúc 8 giờ 24, các phi cơ do thám Nhật báo hiệu về trông thấy một hàng không mẫu hạm Mỹ tại tọa độ 205, cách xa lực lượng Nhật 235 hải lý. Các phi cơ do thám mô tả địch quân có hai hàng không mẫu hạm và một chiến hạm lớn. Hai hàng không mẫu hạm Zuikaku và Shokaku tung ngay ra một đợt tấn công mãnh liệt nhất, gồm tất cả 70 phi cơ oanh tạc và phóng thủy lôi. Vào lúc 11 giờ 20 thì đoàn phi cơ tấn công Nhật bay tới mục tiêu và bắt đầu cuộc tấn công, trong lúc đó hỏa lực phòng không trên các mẫu hạm và chiến hạm Mỹ bắn lên dữ dội.

Cuộc tấn công của các phi cơ Nhật tỏ ra rất hữu hiệu. Những báo cáo của các phi công Nhật tốt đẹp đến nỗi phó đô đốc Takagi và đề đốc Hara cũng phải nghi ngờ. Theo báo cáo của các phi công Nhật thì hai chiếc mẫu hạm Lexington và Yorktown bị đánh chìm, còn chiếc chiến hạm Mỹ bị tổn thất nặng nề. Nhưng về sau người ta được biết chiếc mẫu hạm Lexington không bị phi cơ Nhật đánh chìm, chỉ bị tổn thất nặng đến nỗi hải quân Mỹ phải bỏ và dùng thủy lôi đánh chìm. Còn chiếc Yorktown thì trong suốt cuộc tấn công của phi cơ Nhật chỉ bị trúng một vài trái bom. Tuy những trái bom của Nhật đã gây những tổn thất nặng nề, nhưng mẫu hạm Yorktown vẫn còn dùng được.

Trong lúc đó thì lực lượng xung kích của Takagi cũng bị phi cơ Mỹ tấn công. Các phi cơ Mỹ tiến tới tấn công lực lượng của Takagi đúng lúc các phi cơ Nhật vừa cất cánh đi tấn công hai chiếc Lexington và Yorktown. Đúng 10 giờ 50, các phi cơ Mỹ tiến tới các mẫu hạm của Takagi, và tung hoành tấn công cho mãi tới 12 giờ 20. Mẫu hạm Zuikaku may mắn trốn thoát được cuộc tấn công bằng cách chạy vào ẩn nấp trong một vùng mưa rào và phi cơ Mỹ không tìm thấy. Chiếc Shokaku nằm lại, lãnh đủ trận thịnh nộ của các phi cơ Mỹ. Trong suốt 1 giờ 30 phút tấn công, các phi cơ Mỹ đã loại chiếc Shokaku ra khỏi vòng chiến. Chiếc Zuikaku còn lại phải chứa tất cả phi cơ của hai mẫu hạm.

Làn sóng của chiến trận dường như nghiêng thắng lợi về phía Nhật Bản, vì mặc dầu bị mất mẫu hạm Shoho và mẫu hạm Shokaku bị tổn thất nặng nề, nhưng mẫu hạm Zuikaku vẫn còn nguyên vẹn trong khi đó cả hai mẫu hạm của Mỹ được coi như đã bị loại. Những sự kiện này tạo ra một cơ hội tốt đẹp nhất cho lực lượng xung kích của Takagi, tiếp tục cuộc tấn công và hoàn tất việc tiêu diệt hải quân Mỹ trong trận đánh. Nhưng vào lúc 5 giờ chiều ngày 8-5, phó đô đốc Inouye bất thần ra lệnh lực lượng xung kích phải ngưng cuộc tấn công, và rút lui khỏi vùng chiến trường. Tiếp theo đó là lệnh đình hoãn kế hoạch tiến chiếm hải cảng Morseby và các toán hải quân hỗ trợ việc tiến chiếm hải cảng Morseby phải quay trở về căn cứ tại Rabaul.

Phó đô đốc Inouye phải ra lệnh tạm hoãn cuộc tấn công là vì ông ước tính rằng mặc dù Nhật đã đè bẹp lực lượng mẫu hạm của Mỹ, nhưng sức mạnh của Nhật còn lại không đủ để bảo vệ lực lượng đổ bộ vào hải cảng Morseby.

Khi báo cáo lệnh lui quân của phó đô đốc Inouye về tới bộ tư lệnh hải quân tối cao thì đô đốc Yamamoto vô cùng bất mãn trước sự thất bại của Inouye, không khai thác được lợi điểm trong trận đánh hạ được mẫu hạm địch buổi sáng hôm đó. Yamamoto gửi ngay cho Inouye, tư lệnh đệ tứ hạm đội, một điện tín bằng những lời lẽ rất cứng rắn, yêu cầu Inouye phải dùng mọi nỗ lực để tiêu diệt hoàn toàn hải lực còn lại của địch quân. Phó đô đốc Takagi cũng được lệnh phải tiến về hướng nam và phải tìm cho ra lực lượng hải quân của Mỹ để tiêu diệt. Nhưng lực lượng của Takagi cố gắng tìm kiếm thêm hai ngày nữa, nhưng vô hiệu quả, và đành phải rút lui khỏi vùng Biển San Hô vào đêm 10-5.

Các tổn thất của Nhật trong trận đánh Biển San Hô gồm có mẫu hạm hạng nhẹ Shoho, một khu trục hạm Kikuzuki, ba tàu nhỏ, mẫu hạm Shokaku, và 77 phi cơ bị bắn hạ, và khoảng 1,074 binh sĩ tử trận hoặc bị thương. Phần thiệt hại của hải quân Mỹ gồm có mẫu hạm Lexington, chiếc tàu chở dầu Neosho, chiếc khu trục hạm Sims, mẫu hạm Yorktown bị hư hại, 66 phi cơ bị rơi, và 543 binh sĩ tử trận hoặc bị thương. Như vậy trận đánh Biển San Hô không phải là một chiến thắng của Nhật Bản. Chính phủ Nhật rầm rộ công bố chiến thắng Biển San Hô để gây

phần khởi cho binh sĩ và quần chúng. Đúng ra Nhật Bản tưởng lầm đã đánh chìm được cả mẫu hạm Yorktown.

Bộ tư lệnh tối cao Nhật Bản đành phải hoãn vô hạn định kế hoạch tiến chiếm hải cảng Morseby, và ra lệnh cho lực lượng hải quân trong trận đánh Biển San Hô phải quay về căn cứ, để sửa soạn cho một trận tấn công quan trọng hơn tại quần đảo Midway sắp tới. Ngày 17-5 chiếc mẫu hạm Shokaku về tới căn cứ Kure và được coi là một mẫu hạm bị tổn thất nặng nề nhất kể từ khi chiến tranh bùng nổ. Các chuyên gia về hải chiến kinh ngạc nhận ra nhược điểm của các mẫu hạm, khi thấy một mẫu hạm lớn như chiếc Shokaku chỉ bị trúng có ba trái bom mà đã bị loại ra khỏi vòng chiến. Ngoài ra các tổn thất trên chiếc Shokaku nặng nề đến nỗi phải mất ít nhất một tháng mới sửa chữa xong. Chính vì thế, mẫu hạm Shokaku không được tham dự vào trận thủy chiến Midway.

Vài ngày sau đó, mẫu hạm Zuikaku cũng trở về đến căn cứ. Tuy chiếc Zuikaku không bị tổn thất, nhưng số phi cơ và phi công trực thuộc chiếc Zuikaku bị loại quá nhiều trong trận đánh Biển San Hô, nên mẫu hạm Zuikaku cũng không đủ sức mạnh để tham dự cuộc hành quân tại Midway. Sức mạnh của một hàng không mẫu hạm là số phi cơ và phi công quen thuộc xử dụng mẫu hạm ấy. Dù người ta tăng cường nhân viên phi hành và phi cơ mới cho chiếc mẫu hạm Zuikaku thì người ta cũng không đủ thời giờ huấn luyện thuần thục cho kịp với thời điểm đô đốc Nagumo xuất quân tiến đánh đảo Midway. Như vậy "chiến thắng" tại Biển San Hô của Nhật đã có những hậu quả rất tai hại cho chiến dịch Midway, một chiến dịch then chốt quyết định sự thắng bại của Nhật Bản trong đệ nhị thế chiến. Thiếu hai mẫu hạm Zuikaku và Shokaku thì lực lượng tấn công của đô đốc Nagumo mất đi một phần ba của sức mạnh không lực, một tỷ lệ rất cần thiết để chiến thắng.

Tuy nhiên sự thiếu hụt hai mẫu hạm Zuikaku và Shokaku không làm giảm sự lạc quan của bộ tư lệnh hải quân Nhật. Đô đốc Nagumo vẫn tin tưởng rằng hai mẫu hạm Lexington và Yorktown của Mỹ đã bị đánh chìm rồi thì sự thiếu hai mẫu hạm Zuikaku và Shokaku không quan trọng lắm, và tin tưởng rằng xét về tương quan lực lượng thì chiến thắng vẫn nghiêng về phía Nhật Bản. Nagumo vẫn có trong tay bốn mẫu hạm Akagi, Kaga, Soryu và Hiryu, và hết sức tin tưởng sức mạnh của hải quân Nhật sẽ đè bẹp địch quân. Ngay cả bộ tham mưu hải quân Nhật trước kia chống lại sự liều lĩnh tấn công đảo Midway, nay cũng tỏ ra rất lạc quan.

Dĩ nhiên các toan tính này của hải quân Nhật đã tỏ ra sai lầm. Chiếc Yorktown không bị chìm tại Biển San Hô, và cũng không bị thương nặng đến nỗi không tham dự trận đánh Midway được. Sau trận đánh Biển San Hô, chiếc Yorktown đã vội vã chạy về căn cứ Hawaii, tại đây các toán chuyên viên hải quân Mỹ thay phiên nhau sửa chữa chiếc Yorktown 24 giờ một ngày. Trong hai ngày, chiếc

Yorktown đã sẵn sàng ra khơi, và gia nhập lực lượng hải quân Mỹ tiến về vùng Midway để ngăn chặn hải quân Nhật.

*

* *

Mỹ hay Nhật đã thắng tại Biển San Hô? Nhật đã tạo được một chiến thắng chiến thuật, nhưng bị một thất bại chiến lược. Mẫu hạm Lexington bị đánh chìm đáng giá hơn mẫu hạm nhỏ Shoho của Nhật. Nhưng về mặt khác, sự hư hại nhẹ của chiếc Yorktown không đáng kể so với những tổn thất của hai mẫu hạm Zuikaku và Shokaku, và hai mẫu hạm này không dùng được trong chiến dịch Midway quan trọng. Hơn nữa hải quân Mỹ đã ngăn chặn được mục tiêu chính yếu của Nhật Bản là chiếm hải cảng Morseby. Như vậy khi đã cân nhắc tất cả sự kiện thì trận đánh Biển San Hô là một chiến thắng của hải quân Mỹ.

Người Mỹ đã học được nhiều bài học quý giá trong trận đánh Biển San Hô để áp dụng vào những trận hải chiến sau này. Ngoài ra trận đánh Biển San Hô cũng là một biến cố mới trong lịch sử hải quân. Lần đầu tiên, hai lực lượng hải quân thù địch không nhìn thấy nhau và không khai hỏa trực tiếp bắn hạ nhau. Trái lại đó chỉ là việc xử dụng không lực, thay thế cho những cỗ súng lớn có tầm hoạt động xa đặt trên các chiến hạm. Trận đánh này cũng là trận đầu tiên hải quân Mỹ chặn đứng được một loạt những chiến thắng liên tục của hải quân Nhật. Đây cũng là trận hải chiến đầu tiên trong đó hàng không mẫu hạm đóng một vai trò chính yếu.

Nhưng tại sao hải quân hùng mạnh của Nhật Bản chịu lép vế trong trận đánh Biển San Hô? Sau khi đệ nhị thế chiến chấm dứt, người ta mới được biết rằng người Mỹ đã đọc được những mật hiệu của hải quân Nhật Bản, và do đó biết trước được mọi di chuyển, toan tính và hoạt động của hải quân Nhật. Trong một lá thư gửi cho thống đốc Dewey của New York, tướng Marshall, tham mưu trưởng liên quân Mỹ, đã viết:

"Trận đánh Biển San Hô đã được đặt căn bản trên sự giải thích mật mã của hải quân Nhật, do đó số chiến hạm ít ỏi của chúng ta đã được bố trí vào đúng chỗ và đúng lúc. Hơn nữa, chúng ta đã có thể tập trung lực lượng ít ỏi của chúng ta để chặn sự tiến quân của địch tại đảo Midway."

"Các chiến dịch tại Thái Bình Dương phần lớn được hướng dẫn bởi tin tức mà chúng ta thu thập được về các sự phối trí của hải quân Nhật. Chúng ta biết rõ được sức mạnh của họ tại mỗi căn cứ...chúng ta kiểm soát được được sự di chuyển hạm đội của họ...và chúng ta chỉ việc ra lệnh cho tiềm thủy đình chờ sẵn tại địa điểm thuận lợi nhất để tấn công."

Nhờ đọc được mật mã của hải quân Nhật mà đô đốc Nimitz đã chỉ định vị trí thuận lợi nhất cho mẫu hạm của đô đốc Fletcher trong trận đánh Biển San Hô. Các kế hoạch hành quân tuyệt luân của đô đốc Yamamoto đã trở thành vô hiệu chỉ vì không bảo mật được. Chính nhờ sự khám phá được mật mã của hải quân Nhật mà sau này người Mỹ biết được chuyển bay của đô đốc Yamamoto, giăng bẫy và ám sát được Yamamoto, chiến lược gia hải quân lừng danh nhất của Nhật Bản.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 20 -

Trận Thủy Chiến MIDWAY

Trong những tháng đầu của đệ nhị thế chiến tại Thái Bình Dương, hải quân Nhật tung hoành như chỗ không người, chinh phục hết đảo này đến đảo khác. Những chiến thắng dễ dàng ban đầu đưa Nhật Bản tới một lối lầm nghiêm trọng: Nhật Bản đã cần quá nhiều hơn khả năng nhai và nuốt, và vì thế có thể bị tắc nghẽn. Người ta đã chứng kiến hàng loạt những chiến thắng của Nhật Bản: Trân Châu Cảng, Đông Dương, Phi Luật Tân, Mã Lai Á, Tân Gia Ba, các quần đảo tại Thái Bình Dương, và các thuộc địa của Hòa Lan bị chinh phục mau chóng. Ngay hạm đội hùng mạnh của Hoàng gia Anh quốc cũng bị đuổi tới tận bờ biển Phi Châu. Quả thực Nhật Bản đã bá chủ Thái Bình Dương trong sáu tháng, như đô đốc Yamamoto đã tiên đoán.

Tuy Nhật Bản có vẻ thắng thế, nhưng đô đốc Yamamoto rất lo ngại Đông Kinh, nhất là Hoàng Cung của Nhật Hoàng có thể bị oanh tạc. Hàng ngày Yamamoto hỏi thăm đài khí tượng của Đông Kinh và chỉ an tâm khi ngày nào có nhiều mây. Nhưng nỗi lo sợ của Yamamoto cũng đã xảy ra. Một phi đội Mỹ do trung tá Doolittle chỉ huy đã oanh tạc được Đông Kinh, Nagoya, Kobe và Yokohama. Tuy cuộc oanh tạc của trung tá Doolittle không gây được tổn thất đáng kể, nhưng đối với Yamamoto thì đó là một sự sỉ nhục và ông càng tin rằng cần phải đánh hạ các hàng không mẫu hạm của Mỹ, và phải tiến hành chiến dịch chiếm đảo Midway.

Các đô đốc Nagumo và Kondo của Nhật đều khẩn cầu xin hoãn lại cuộc hành quân Midway, vì lực lượng của họ đã quá mệt mỏi, cần phải được bồi dưỡng. Cả hai hạm đội đã liên tục hành quân từ tháng giêng: Kondo hành quân tại Đông Ấn và Phi Luật Tân, còn Nagumo thì tham dự các trận đánh tại các quần đảo Solomons, Darwin, và cả hai đã liên kết đánh bại hải quân Anh tại Ấn Độ Dương.

Những cuộc oanh tạc của Doolittle đã khiến Yamamoto quyết tâm tiến hành

đúng theo kế hoạch đã ấn định trước. Nagumo thì cho rằng không cần thiết phải mở cuộc hành quân Midway ngay, và Kondo thì phản đối kế hoạch đánh chiếm đảo Midway. Yamamoto vẫn cương quyết phải ra quân ngay. Cuộc thất bại tại Biển San Hô không làm Yamamoto nao núng, bởi vì hải quân Nhật vẫn còn bốn mẫu hạm lớn. Nagumo và Kondo được lệnh phải sẵn sàng đưa hạm đội ra khơi vào cuối tháng năm.

Vì tình báo Mỹ đọc được mật mã của hải quân Nhật, nên phía Mỹ đánh hơi biết hải quân Nhật đang sửa soạn cho một trận đánh lớn. Tất cả những tin tức đánh đi từ các bộ tư lệnh hải quân Nhật và các hạm đội đã được người Mỹ đọc và tìm hiểu cặn kẽ. Tuy nhiên mục tiêu của trận tấn công vẫn là một bí mật, vì người Nhật không gọi đích danh Midway, mà dùng mật hiệu AF thay thế. Đô đốc Nimitz đoán rằng Midway sẽ là mục tiêu của hải quân Nhật trong khi tướng MacArthur và đô đốc King tin đó là quần đảo Solomons. Các tư lệnh Mỹ cần phải có bằng chứng rõ ràng về mục tiêu của Nhật để đồng ý một kế hoạch phản công. Nimitz làm một cuộc trắc nghiệm bằng cách ra lệnh cho Midway phải loan tin trên đài phát thanh rằng hệ thống lọc nước tại Midway đã bị hư. Hai ngày sau, Mỹ bắt được một tín hiệu của hải quân Nhật, báo tin có một sự thiếu nước ngọt tại AF. Như vậy bộ tư lệnh Mỹ đã biết trước được cuộc tấn công của hải quân Nhật vào Midway, và ngay từ đầu, đã nắm thế chủ động.

Yamamoto soạn thảo một kế hoạch tấn công rất tinh vi, tung các hạm đội ra các vị trí tản mát, nhưng sẽ phải tới các địa điểm chỉ định thật đúng kế hoạch ấn định. Các mẫu hạm của Nagumo sẽ oanh tạc đảo Midway trước khi đổ bộ. Yamamoto sẽ hỗ trợ cho Nagumo từ đằng xa. Hạm đội của Kondo có một nhiệm vụ phức tạp hơn: ngay sau khi rời Nhật Bản, hạm đội của Kondo sẽ phải bắt tay với các lực lượng bổ túc từ các đảo Guam và Saipan. Khi hạm đội của Kondo tiến gần tới mục tiêu, lực lượng tuần dương hạm của đô đốc Kurita sẽ được tách ra để hỗ trợ cho cuộc đổ bộ.

Dù đã có được bằng chứng rõ ràng hải quân Nhật sẽ tấn công Midway, nhiều tư lệnh Mỹ vẫn không chịu tin như vậy. Họ cho rằng hải quân Nhật đang đánh một đòn nghi binh để lừa hải quân Mỹ tiến về Midway trong khi mục tiêu thực sẽ là nơi khác. Tuy nhiên đô đốc Nimitz không còn nhiều thì giờ nữa, và nhất quyết bố trí lực lượng Mỹ đương đầu với hải quân Nhật tại Midway. Phía Mỹ không được phép sai lầm. Nếu lực lượng Mỹ trải ra để bảo vệ tất cả những nơi có thể là mục tiêu của hải quân Nhật thì sẽ không có một lực lượng đơn độc nào đủ sức chống lại hải quân Nhật. Nimitz đành phải chọn lá bài Midway.

Lúc đó sức mạnh chính của hạm đội Mỹ là ba mẫu hạm Enterprise, Yorktown và Hornet. Nhưng chiếc Yorktown còn cần phải sửa chữa sau trận đánh Biển San Hô. Trong khi đó tình báo Mỹ đọc mật mã của Nhật còn biết Nhật cũng có kế

hoạch đánh cả quần đảo Aleutians nữa. Nimitz liền phái đô đốc Theobald bảo vệ Aleutians. Nhờ được mật mã của hải quân Nhật, Nimitz đã có thể đặt ra một kế hoạch phòng vệ khi được biết ngày 3-6 hải quân Nhật sẽ tấn công Aleutians và ngày 4-6 sẽ tấn công Midway. Nimitz nhận định rằng lực lượng bốn mẫu hạm của Nagumo là lực lượng chính yếu. Nếu loại được bốn mẫu hạm này thì kế hoạch tấn công của hải quân Nhật sẽ thất bại ngay.

Ngày 27-5, các đô đốc Nagumo, Kondo, Hosogaya và Tanaka bắt đầu ra khơi. Ngày hôm sau Yamamoto thống lĩnh một lực lượng theo sau Nagumo khoảng 600 dặm để hỗ trợ cho Nagumo. Kể từ đó các đơn vị không còn liên lạc với nhau nữa, vì Yamamoto ra lệnh máy truyền tin phải hoàn toàn im lặng. Để có thể biết được ngay hoạt động của hải quân Mỹ, Yamamoto có hai kế hoạch. Kế hoạch thứ nhất gồm có một thủy phi cơ nằm tại French Frigate Shoals và hàng ngày dò thám bên trên không phận Trân Châu Cảng. Kế hoạch thứ hai thiết lập một (lúc?) hai hàng tiềm thủy đỉnh, một tại nơi thủy phi cơ hoạt động và một tại địa điểm giữa Midway và Hawaii, đứng ngay trên đường tiến quân của hải quân Mỹ.

Kế hoạch của Yamamoto thực là khôn ngoan, nhưng đã có những trục trặc khi thi hành. Khi tiềm thủy đỉnh Nhật tới French Frigate Shoals, thì tiềm thủy đỉnh này thấy cả khu vực đang được thủy phi cơ Mỹ tuần thám. Tiềm thủy đỉnh Nhật liền báo cáo về bộ tư lệnh đừng phái thủy phi cơ tới nữa. Như vậy kế hoạch thứ nhất của Yamamoto bị hủy bỏ. Đội tiềm thủy đỉnh thứ hai tiến tới vị trí nằm giữa Hawaii và Midway hơi trễ. Ngày 2-6 tiềm thủy đỉnh tới địa điểm chỉ định thì mẫu hạm Yorktown của Mỹ đã tiến qua địa điểm đó để tới Midway từ vài ngày trước rồi.

Tuy nhiên ngày hôm sau, trên chiến hạm của Yamamoto, chuyên viên Nhật bắt được nhiều tín hiệu của hải quân Mỹ, và Yamamoto biết rằng lực lượng hải quân Mỹ đã ra khơi, tuy nhiên Yamamoto không thông báo cho Nagumo biết rằng địch quân đang hiện diện trong vùng. Yamamoto nghĩ rằng Nagumo chắc cũng biết như vậy. Không may các máy truyền tin của hạm đội Nagumo không mạnh bằng máy truyền tin của Yamamoto, nên Nagumo hoàn toàn không biết gì về sự xuất hiện của hạm đội Mỹ.

Sau những sửa soạn cuối cùng, đô đốc Nimitz ngồi chờ sự động tĩnh của hải quân Nhật tại tổng hành dinh Trân Châu Cảng, và liên lạc trực tiếp với các tư lệnh hải và không quân Mỹ tại khắp Thái Bình Dương. Trong lúc đó Yamamoto xuất trận cùng với quân của mình và hoàn toàn cắt đứt liên lạc với các hạm đội khác của Nhật. Đó là hai phong thái chỉ huy khác hẳn nhau giữa hai đối thủ tại Thái Bình Dương.

Suốt đêm 2-6, hạm đội của Nagumo vẫn tiến trong sương mù dày đặc. Chính nhờ sương mù, Nagumo đã có thể tiến gần mục tiêu mà không bị địch khám phá. Vì gần tới mục tiêu, Nagumo định ra lệnh chuyển hướng. Sáng sớm ngày 3-6, sương mù vẫn còn dày đặc nên không thể ra lệnh chuyển hướng bằng cờ được. Nagumo quyết định dùng máy truyền tin ở tần số thấp, báo hiệu cho các chiến hạm thay đổi hướng. May mắn cho Nagumo, chiến hạm tư lệnh Yamamoto bắt được tín hiệu của Nagumo, trong khi hạm đội Mỹ ở gần mà không biết gì.

Cũng ngày hôm đó, lực lượng của các đô đốc Fletcher và Spruance tới phía đông bắc của Midway. Lợi điểm của Fletcher là biết được địch quân đang ở trong vùng, trong khi Nagumo vẫn không biết được sự hiện diện của hạm đội địch. Fletcher và Spruance quyết định hoạt động độc lập với nhau, và cả hai hạm đội tiến tới một vị trí cách Midway 200 dặm. Fletcher nghĩ rằng hạm đội Nhật sẽ tới Midway từ phía tây hoặc tây bắc, và như vậy các hạm đội Mỹ bố trí tại một nơi lý tưởng nhất để chờ hạm đội địch.

Khoảng 6 giờ sáng ngày 3-6, phi cơ tuần tiểu của Mỹ trông thấy lực lượng đổ bộ của Tanaka tại một địa điểm 600 dặm về phía nam Midway và đang tiến từ từ về phía đông. Tanaka lập tức báo cho Yamamoto biết đã bị địch quân phát hiện. Tuy nhiên Yamamoto không báo cho Nagumo biết tin của Tanaka, vì tưởng rằng Nagumo cũng đã nhận được tin đó rồi. Nhưng Nagumo vẫn không biết gì, và đang tiến quân như một người mù lâm trận mà không biết rằng hạm đội Mỹ đang chờ đợi mình.

Vì đã bị bại lộ nên đô đốc Tanaka biết rằng sớm muộn cũng sẽ trở thành mục tiêu của không quân Mỹ. Ngay chiều tối hôm đó, một đoàn B-17 của không lực Mỹ tiến tới, nhưng Tanaka đã khéo léo điều động các chiến hạm tránh thoát được các đợt oanh tạc của đoàn B-17. Tanaka biết rằng không lực Mỹ sẽ trở lại tấn công lực lượng đổ bộ của mình bằng mọi giá. Từ trước Tanaka vẫn phản đối chiến dịch Midway. Đêm đó Tanaka càng bi quan hơn, và trải qua một đêm trắng lo lắng trên chiến hạm Jintsu.

Hai hạm đội đối địch nhau đang lần mò tìm nhau mà không biết được vị trí đích xác của nhau. Nagumo có vẻ lạc quan vì không biết những gì đang xảy ra chung quanh. Nagumo tưởng hạm đội Mỹ vẫn còn ở Hawaii. Đô đốc Fletcher của Mỹ thì biết chắc rằng hạm đội Nhật đang tiến lại gần, và biết rõ chiến trường và số chiến hạm của địch, nhờ những tin tình báo chính xác của Mỹ. Tuy nhiên Fletcher vẫn chưa định được vị trí của hạm đội Nhật.

Vào lúc 4 giờ sáng ngày 4-6, bốn mẫu hạm Nhật, Akagi, Kaga, Soryu và Hiryu, bắt đầu phóng các phi cơ dò thám để thăm dò tình hình. Vào đúng 4:45,

Nagumo tung ra đợt tấn công đảo Midway đầu tiên, gồm có 36 oanh tạc cơ. Hai mẫu hạm của đô đốc Yamaguchi cũng nhập cuộc với 36 oanh tạc cơ nữa. Mỗi mẫu hạm phái thêm 9 chiến đấu cơ Zero để hộ vệ các oanh tạc cơ. Đứng trên phòng quan sát, Nagumo có vẻ rất tin tưởng. Nagumo tin rằng mẫu hạm địch chỉ tới nơi khi cuộc đổ bộ của Nhật đã hoàn tất. Lúc đó Nagumo sẽ ở thế thượng phong đối với hải quân Mỹ. Khi các oanh tạc cơ Nhật tiến tới gần Midway thì bị một phi cơ tuần tiễu của Mỹ khám phá. Phi công Mỹ liền báo động về Midway. Lập tức các phi cơ Mỹ tại Midway cất cánh bay lên trước khi phi cơ Nhật tới. Các phi cơ Nhật trút bom xuống các cơ sở quân sự tại Midway, đặc biệt là căn cứ không quân. Nhưng các phi cơ Mỹ, mục tiêu chính yếu của cuộc tấn công, đã thoát hiểm. Sau ba mươi phút tấn công, các phi cơ Nhật đã tàn phá Midway nặng nề. Viên tư lệnh không đoàn tấn công của Nhật thất vọng không triệt hạ được một phi cơ địch nào, và đánh điện yêu cầu phải tấn công một đợt nữa.

Nagumo do dự không biết có nên tấn công một đợt nữa không. Sự do dự và thay đổi ý kiến của Nagumo là một thất bại sinh tử của hạm đội Nhật. Trong lúc đó các phi cơ Mỹ từ Midway ào ào tới tấn công hạm đội Nhật. Nhờ sự điều động tài tình của các hạm trưởng Nhật, không một trái bom nào của Mỹ trúng đích. Trong lúc đó các phi cơ tuần thám của Nhật vẫn chưa phát hiện ra mẫu hạm của Mỹ.

Ngày hôm sau các đô đốc Spruance và Fletcher tin tưởng là một ngày của họ. Mặt trời đỏ rực từ cuối chân trời báo hiệu một ngày lý tưởng cho các phi công Mỹ. Vào lúc 5:34, một phi cơ tuần thám trên đảo Midway trông thấy các mẫu hạm Nhật, nhưng không xác định được vị trí của các mẫu hạm này. Mười một phút sau, cũng chiếc phi cơ tuần thám này báo cáo một đoàn phi cơ Nhật đang tiến về đảo Midway, nhưng vẫn chưa xác định được vị trí của các mẫu hạm Nhật. Spruance rất nóng ruột, mong muốn tấn công hạm đội Nhật trước khi phi công Nhật có thể mở một cuộc tấn công đợt hai. Cuối cùng đúng 6 giờ sáng, phi cơ tuần thám của Mỹ báo cáo hai mẫu hạm Nhật và một số chiến hạm đang tiến tới Midway, khoảng 180 dặm về hướng tây bắc đảo Midway.

Spruance ra lệnh cho các oanh tạc cơ sẵn sàng cất cánh. Spruance yêu cầu các mẫu hạm Enterprise và Hornet liên kết tấn công. Khi tìm thấy hạm đội Nhật thì các phi cơ Mỹ của các mẫu hạm Mỹ sẽ tấn công một cách độc lập. Đúng lúc đó Spruance nhận được báo cáo phi cơ tuần tiễu của Nhật xuất hiện ở chân trời. Spruance quyết định phải bắt đầu cuộc tấn công ngay lập tức, nếu không sẽ bị phi cơ địch ra tay trước. Một giờ sau đó, Fletcher cũng tung ra một đợt tấn công thứ hai từ mẫu hạm Yorktown.

Khoảng 8:30 thì các phi cơ Nhật tấn công Midway trở về. Vì Nagumo thay đổi mệnh lệnh nhiều quá nên có sự bừa bộn các loại vũ khí khác nhau trên mẫu

hạm, và gây chậm trễ cho việc trang bị hỏa lực cho phi cơ Nhật. Trong lúc mẫu hạm Nhật vẫn tiến tới thì một phi đội 15 phi cơ phóng thủy lôi của Mỹ bay tới, và sửa soạn tấn công hạm đội Nhật, nhưng bị các chiến đấu cơ Zero của Nhật bắn hạ. Trong số 45 phi công và phi hành đoàn của Mỹ, chỉ một người sống sót.

Ngay sau đó một phi đội phóng thủy lôi từ mẫu hạm Enterprise tiến tới và nhắm hai mẫu hạm Kaga và Akagi. Tuy nhiên toán phi cơ phóng thủy lôi thứ hai cũng chịu chung một số phận như phi đội trước của Mỹ. Hầu hết các phi cơ phóng thủy lôi của Mỹ bị các chiến đấu cơ Zero bắn hạ trước khi tập hợp thành đội hình để tấn công. Đến đây thì Nagumo lo lắng lắm. Các phi cơ của Nhật trên các mẫu hạm vẫn chưa được trang bị xong hỏa lực và tiếp tế nhiên liệu, vì có sự hỗn loạn do các lệnh trái ngược nhau. Đến 10 giờ thì một phi đội phi cơ phóng thủy lôi thứ ba từ mẫu hạm Yorktown bay tới. Một lần nữa, các phi cơ của Mỹ lại phải trả một giá rất đắt. Các chiến đấu cơ Zero của Nhật tỏa ra rất thấp để chặn đánh những phi cơ phóng thủy lôi của Mỹ.

Tuy nhiên các hy sinh của ba toán phi cơ phóng thủy lôi của Mỹ không phải là vô ích. Vì phi cơ Zero của Nhật chỉ mãi lo chống đỡ các phi cơ phóng thủy lôi của Mỹ nên không còn phi cơ Zero nào chặn đánh những phi cơ ném bom khác của Mỹ. Khi các oanh tạc cơ từ mẫu hạm Yorktown tiến tới thì không phận của các mẫu hạm Nhật bị bỏ ngỏ, và các chiến đấu cơ Zero của Nhật còn mãi mê tìm kiếm các phi cơ phóng thủy lôi của Mỹ. Các oanh tạc cơ Mỹ nhào xuống ba mẫu hạm Kaga, Akagi và Soryu. Trong vài phút, cả ba mẫu hạm bốc cháy. Chiếc Kaga lãnh bốn trái bom và bị loại ngay khỏi vòng chiến. Chiếc Soryu biến thành một biển lửa. Mẫu hạm Akagi là soái hạm của Nagumo. Chiếc Akagi bị trúng hai trái bom ngay từ đầu, nhưng cú đánh chí tử là trái bom thứ ba trúng ngay đồng thủy lôi còn đang nằm ngổn ngang trên sàn bay.

Chỉ trong có mấy phút, hạm đội hùng mạnh của Nhật bị đánh gục và chỉ một mẫu hạm Hiryu trốn thoát được nhờ một trận mưa rào che khuất. Nagumo hoàn toàn tuyệt vọng, và định chết theo mẫu hạm Akagi. Nhưng các sĩ quan thuyết phục Nagumo còn có phận sự quan trọng hơn: lãnh đạo phần hạm đội còn sống sót. Cuối cùng Nagumo đồng ý chuyển sang tuần dương hạm Nagara.

Trên chiếc mẫu hạm Enterprise, đô đốc Spruance lo lắng mong đợi tin chiến trường. Rồi từng đoàn oanh tạc cơ trở về, và Spruance biết được kết quả của một cuộc chiến thắng ngoạn mục, đánh chìm được ba mẫu hạm Nhật. Tuy nhiên hạm đội Nhật vẫn còn khả năng tấn công. Mẫu hạm Hiryu của đô đốc Yamaguchi còn nguyên vẹn và đúng 10:55, Yamaguchi tung ra một đợt tấn công đã sẵn sàng từ lâu. Một giờ sau các phi cơ Nhật tìm thấy mẫu hạm Yorktown của Mỹ. Spruance đang kiểm điểm tin tức của các phi công trở về trên chiếc Enterprise thì được tin chiếc Yorktown đang bị tấn công. Cả hai chiếc Enterprise

và Hornet không sẵn sàng can thiệp hỗ trợ và chỉ biết nhìn mẫu hạm Yorktown bùng cháy.

Yamaguchi tung ra một đợt tấn công thứ hai nữa, tìm kiếm mẫu hạm khác của Mỹ. Đoàn phi cơ thứ hai lại đến tấn công chiếc Yorktown một lần nữa. Yamaguchi tràn trề hy vọng vì các phi công đợt thứ hai báo cáo họ tấn công một mẫu hạm khác, chứ không phải cùng một chiếc Yorktown đã bị tấn công từ trước. Yamaguchi tưởng rằng đã hạ được hai mẫu hạm Mỹ, và như thế trận chiến kể như ngang ngửa. Đúng 4 giờ chiều, đô đốc Spruance ra lệnh cho phi cơ của hai mẫu hạm Mỹ đi lùng triệt hạ mẫu hạm còn lại của Nhật.

Đô đốc Tanaka nhận được báo cáo về sự tan rã của lực lượng mẫu hạm dưới quyền chỉ huy của Nagumo. Tanaka cũng nhận được lệnh phải tiến hành cuộc tấn công với lực lượng khu trục hạm của mình. Viên đô đốc này giận dữ đến cực điểm. Nếu hải quân Mỹ có sức mạnh hủy diệt được lực lượng hùng hậu của Nagumo thì lực lượng khu trục hạm của Tanaka làm sao có hy vọng hoàn thành được nhiệm vụ. Trong lúc đó Spruance quyết định phải diệt cho bằng được mẫu hạm cuối cùng của Nhật. Phi cơ tuần thám của Mỹ bủa ra khắp nơi để săn lùng chiếc Hiryu.

Trên chiếc Hiryu, đô đốc Yamaguchi quyết định mở một cuộc tấn công nữa. Số phi cơ còn lại của Yamaguchi không nhiều lắm, nhưng ông vẫn nhất định hy sinh các phi cơ này để đạt chiến thắng. Tất cả phi cơ đang được chuẩn bị sẵn sàng, chờ đợi khi nào tìm thấy được mẫu hạm của Mỹ sẽ cất cánh. Nhưng trước khi các phi cơ của mẫu hạm Hiryu sẵn sàng cất cánh thì phi cơ của Mỹ đã tới. Mẫu hạm Hiryu lãnh liên tiếp bốn trái bom và mẫu hạm chìm xuống một biển lửa, và mộng chiến thắng của Yamaguchi cũng tan thành mây khói. Yamaguchi can trường ở lại chết theo mẫu hạm Hiryu. Ông nhấn nhủ các thủy thủ còn ở lại:

"Với tư cách là sĩ quan chỉ huy mẫu hạm này, chỉ mình tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về hai mẫu hạm Hiryu và Soryu. Tôi sẽ ở lại với mẫu hạm này cho tới cùng. Tôi ra lệnh cho các bạn phải rời khỏi mẫu hạm và tiếp tục phụng sự Nhật Hoàng một cách trung thành."

Ngay khi nhận được tin mẫu hạm Hiryu bị mất, đô đốc Yamamoto vẫn tiếp tục cuộc tấn công. Nhưng cuối cùng ông nhận rõ tình thế tuyệt vọng, và đúng 3 giờ sáng ngày hôm sau, ông ra lệnh rút lui. Đô đốc Spruance quyết định đuổi theo hủy diệt hạm đội địch đang tháo chạy. Nhưng cuối cùng Spruance phải bãi bỏ cuộc truy kích. Nhiều người chỉ trích Spruance đã chấm dứt việc truy kích lực lượng rút lui của Nhật, nhưng quyết định của Spruance thật ra rất khôn ngoan, vì đô đốc Yamamoto vẫn còn một lực lượng khá hùng mạnh, có thể lừa Spruance

vào bẫy, và đảo ngược được chiến thắng của Mỹ.

Đô đốc Nagumo đứng trên chiến hạm Nagara, im lặng nhìn hạm đội mẫu hạm hùng mạnh của mình chìm dần. Kết quả chiến dịch Midway thực là thê thảm cho hải quân Nhật. Xương sống của hải quân Nhật đã bị đánh gãy. Không phải chỉ có bốn mẫu hạm vô giá mất đi, mà còn mất theo rất nhiều phi công thiện chiến nhiều kinh nghiệm chiến đấu. Đây là những mất mát không thể nào thay thế được.

Các chuyên gia hải quân gọi trận thủy chiến Midway là một khúc rẽ của toàn thể cuộc chiến tại Thái Bình Dương. Các lực lượng mẫu hạm đáng sợ của Nhật Bản không còn tự do vẫy vùng tại Thái Bình Dương, tạo ra những chết chóc và những tàn phá kinh hồn nữa. Hải quân Nhật không có khả năng phục hồi lại sau thất bại chí tử này.

Ai có lỗi trong trận thủy chiến Midway? Chắc chắn đô đốc Nagumo phải gánh chịu phần lớn trách nhiệm. Sự lưỡng lự của Nagumo vào giờ phút nghiêm trọng nhất là yếu tố chính đưa tới thất trận ngày 4-6-1942. Tuy nhiên vẫn có những yếu tố giảm khinh.

Nagumo tiến tới Midway mà không biết gì đang xảy ra chung quanh, như một người mù. Hạm đội của Nagumo không nhận được một báo cáo nào về sự hiện diện của hạm đội Mỹ. Đúng ra sự thiếu thông tin tức tình báo đã cho Nagumo cái cảm tưởng rằng không có hạm đội Mỹ tại Midway. Chính vì thế Nagumo không biết được rằng toàn bộ kế hoạch tấn công Midway đã bị tiết lộ, và ông thân nhiên tiến vào một số phận đang chờ đợi ông.

Một yếu tố quan trọng khác đưa tới kết quả của trận đánh là sự phân chia của hạm đội Nhật. Dĩ nhiên Nagumo không có quyền gì trong việc này. Yamamoto có một hạm đội hùng mạnh thì đứng xa trận chiến tới 600 dặm. Bốn mẫu hạm nhỏ khác được phân tán cho các lực lượng tấn công ở những nơi khác. Nếu bốn mẫu hạm nhỏ này trực thuộc Nagumo thành một lực lượng xung kích mạnh mẽ thì cán cân chiến thắng có thể nghiêng về phía khác.

Trận thủy chiến Midway quả thực là một chiến thắng vô cùng to lớn và quan trọng cho hải quân Mỹ. Từ trận đánh này, người Mỹ bắt đầu hứng khởi tin tưởng có thể ngăn chặn được sự bành trướng của Nhật Bản tại mặt đông, và có thể phục hồi lại được sức mạnh của hải quân Mỹ tại Thái Bình Dương. Chiến thắng Midway cũng loại bỏ được mối đe dọa của Nhật vào Hawaii và bờ biển phía tây

của Hoa Kỳ. Trận thủy chiến Midway chính là một khúc quanh quan trọng của đệ nhị thế chiến.

Yamamoto - Con Rồng Thái Bình Dương

- 21 -

Rồng Thiêng Khi Đã Sa Cơ

Sau chiến thắng ngoạn mục tại Trân châu cảng và đánh bại hải quân Anh tại Tân Gia Ba, hải quân Nhật thực sự đã làm chủ Thái Bình Dương một thời gian, cho mãi tới các thất bại tại quần đảo Midway và cuộc rút lui tại Guadalcanal. Tuy nhiên hai thất bại này không làm suy giảm niềm tin của hải quân Nhật và dân chúng Nhật vào sự lãnh đạo của Yamamoto. Các chiến dịch và kế hoạch hành quân của đô đốc Yamamoto là những kế hoạch của một thiên tài quân sự, nhưng khi thi hành đều không đem lại kết quả như ý muốn, chính là vì hải quân Mỹ đã đọc được mật mã của hải quân Nhật, biết trước mọi đường đi nước bước của hải quân Nhật. Sự thất bại của hải quân Nhật là điều không thể tránh khỏi.

Sau những thất bại kể trên, Yamamoto biết rằng dù hải quân vẫn rất trung thành với mình, nhưng binh sĩ của ông đã không còn tự tin như trước nữa. Các mẫu hạm bị đánh chìm trong trận Midway và cuộc rút lui tại Guadalcanal là những đòn quá mạnh giáng vào tinh thần chiến đấu của hải quân Nhật, và hải quân Nhật không còn nghĩ rằng họ là một quân đội bất bại nữa. Yamamoto thấy cần phải làm một loạt thăm viếng các tiền đồn hải quân xa nhất, để gây lại niềm tin và tinh thần chiến đấu của những binh sĩ chưa hết bàng hoàng về những thất trận quan trọng vừa qua. Yamamoto vẫn giữ được hình ảnh một anh hùng quốc gia, và được hải quân tôn thờ như đô đốc Togo trước kia vậy.

Yamamoto nghĩ rằng sự hiện diện của mình cùng những bài diễn văn khích lệ có thể biến đổi sự ngã lòng của binh sĩ thành một niềm tin vào chiến thắng cuối cùng nhất định đạt được. Thế là Yamamoto lên đường làm những cuộc viếng thăm tại khắp vùng nam Thái Bình Dương, và đã gặt hái được nhiều kết quả mong đợi. Tại bất cứ đâu, trong cái hơi nóng ẩm thấp của miền nhiệt đới, người anh hùng quốc gia Yamamoto, lúc nào cũng nghiêm chỉnh trong bộ binh phục màu trắng rất thẳng nếp, đã thành công truyền cái bầu nhiệt huyết của ông vào từng sĩ quan và binh sĩ dưới quyền. Tại đâu ông cũng nhấn mạnh với họ rằng sẽ còn nhiều trận hải chiến dữ dội nữa và chiến thắng hay chiến bại của Nhật đều tùy thuộc vào sự chiến đấu của hải quân Nhật.

Yamamoto rất muốn thảo luận với tướng Hyakutake, người đã chỉ huy quân

đoàn 17 của Nhật trong trận đánh Guadalcanal. Yamamoto dự định ngày 18-4 sẽ bay tới Rabaul để gặp Hyakutake, và sau đó bay tới Buin để thanh tra các căn cứ hải quân tiền tuyến. Đêm 17-4, Yamamoto sẽ nghỉ tại Rabaul và ngày hôm sau sẽ bay từ Buin tới căn cứ hải quân tại Truk, tại đây soái hạm Musashi của ông đang bỏ neo.

Phạm vi thanh tra của Yamamoto nằm trong tầm hoạt động của phi cơ Mỹ, vì thế chương trình viếng thăm của ông được giữ cực kỳ bí mật. Các cố vấn của ông lần đầu tiên phải khuyên ông không nên mặc bộ binh phục màu trắng thường lệ của ông nữa, để tránh sự khám phá của các phi công Mỹ. Yamamoto đồng ý và mặc một bộ binh phục ka-ki màu xám thay thế.

Yamamoto sẽ rời Rabaul vào lúc 6 giờ sáng ngày 18-4 trên chiếc oanh tạc cơ loại Mitsubishi Betty. Đi theo ông trong một chiếc oanh tạc cơ thứ hai là đô đốc Ukagi, tham mưu trưởng của ông. Yamamoto chủ trương tư lệnh và tham mưu trưởng phải di chuyển trong hai phi cơ khác nhau, để nếu người này gặp nạn thì còn lại người kia. Hai phi cơ này được một đoàn sáu chiến đấu cơ loại Zekes hộ tống. Những tín hiệu về cuộc viếng thăm của ông đã được đánh đi trước tới các căn cứ ông sẽ thăm viếng.

Căn cứ truyền tin gần nhất của Mỹ có nhiệm vụ bắt tín hiệu của Nhật nằm an toàn trong một hang núi trong quần đảo Aleutians. Ngay bên trên bờ đá nhô ra biển là một cột truyền tin cao 100 thước. Đúng lúc 6:36 sáng ngày 17-4, căn cứ truyền tin Mỹ nhận được tín hiệu về cuộc viếng thăm của Yamamoto. Tín hiệu này được chuyển ngay về Hoa Thịnh Đốn để giải mật mã. Một toán chuyên viên mật mã nghiên cứu tín hiệu, và trong khoảng 5 tiếng đồng hồ, họ đã biết được tín hiệu nói gì. Đây là một bản tin thường lệ báo các cho các tư lệnh Nhật trong vùng biết được thời gian và địa điểm của cuộc viếng thăm sắp tới của Yamamoto. Khi bản tin này được chuyển tới bộ trưởng hải quân Frank Knox, ông ta đọc sơ qua rồi bỏ đi ăn trưa.

Trong lúc ăn trưa, Frank Knox chợt nhớ lại ngày xưa chiến tranh thắng hay bại thường chỉ là kết quả của cuộc giao đấu giữa hai viên tướng đối địch nhau. Lúc đó địch thủ đáng ghét nhất của Mỹ là đô đốc Yamamoto. Knox bắt đầu suy tính. Vì biết đích xác ngày mai tại một địa điểm và thời giờ đã biết trước, phi công Mỹ có thể bắn hạ phi cơ chở Yamamoto một cách dễ dàng. Yamamoto chính là người đặt kế hoạch tấn công Trân châu cảng, trong đó hai ngàn binh sĩ Mỹ thiệt mạng, chưa kể một phần lớn của hạm đội Thái Bình Dương đã bị tiêu diệt. Và còn biết bao binh sĩ Mỹ khác đã bỏ xác dưới đáy biển trong các trận đánh đẫm máu kế tiếp, cũng do chính Yamamoto điều khiển, như trận đánh Biển San Hô, trận đánh tại quần đảo Midway và gần đây nhất là trận đánh Guadalcanal. Vậy thì đây là một cuộc trả thù xứng đáng nhất.

Ngay sau khi ăn trưa xong, Knox trở về văn phòng và cho gọi tướng Arnold, tư lệnh không quân Mỹ. Arnold cũng rất hứng khởi với hy vọng bắn hạ được Yamamoto, và suy nghĩ cách thực hiện vụ ám sát này. Arnold và Knox nghiên cứu bản đồ và nhận thấy địa điểm tốt nhất để chặn phi cơ của Yamamoto là ngay khi phi cơ của Yamamoto tới gần đảo Bougainville. Đây sẽ là một cuộc tấn công khá xa cho phi cơ Mỹ. Phi cơ Mỹ sẽ phải cất cánh tại phi trường Henderson tại Guadalcanal, cách xa Bougainville khoảng 500 dặm. Không một phi cơ P.38 nào có thể bay tới một nơi xa như thế mà có thể quay trở lại được căn cứ, vì không đủ nhiên liệu.

Nhưng cơ hội ám sát hãn hữu này không thể bỏ qua được. Arnold cho mời Charles Lindberg, một người đã từng bay qua Đại Tây Dương một mình, và hiện là cố vấn cho những chuyến bay đường trường. Arnold cũng mời thêm Frank Meyer của hãng chế tạo phi cơ Lockheeds là hãng chế tạo phi cơ P.38. Tất cả ba người chăm chú nghiên cứu bản đồ và thảo luận về việc cho phi cơ mang thêm các thùng xăng trữ bị. Cả Lindberg và Meyer đều đồng ý rằng đây là một chuyến bay quá dài, nhưng không phải là không thực hiện được.

Sau hai giờ bàn thảo chi tiết, tất cả đều đồng ý mở Chiến Dịch Trả Thù, một kế hoạch ám sát Yamamoto để trả thù cho trận Trân châu cảng. Knox gửi một tín hiệu cho tướng Kenney, tư lệnh Không lực Tây nam Thái Bình Dương tại Úc Đại Lợi, yêu cầu Kenny khẩn cấp cung cấp các thùng xăng bay đường trường. Các tín hiệu lại tới tập trung đi giữa bộ tư lệnh của Kenney và bộ tư lệnh tại New Guinea. Ba giờ sau đó, bốn phi cơ loại Liberators cất cánh từ vịnh Milne, mang theo 18 thùng xăng, mỗi thùng chứa được 165 gallon, và 18 thùng xăng khác mỗi thùng chứa được 310 gallon. Phi cơ có thể liệng bỏ thùng xăng thứ hai sau khi đã dùng hết xăng.

Knox gửi một tín hiệu thứ hai tới Guadalcanal cho thiếu tá John Mitchell, chỉ huy phi đội 339, ra lệnh cho Mitchell và hai sĩ quan chỉ huy phi đội nữa là Besby Holmes và Thomas Lanphier phải tới trình diện ngay tại bộ tư lệnh. Lúc đó là 5 giờ chiều và chiếc xe díp chở ba sĩ quan này phóng như bay qua mưa và bùn lầy tới bộ tư lệnh đang tạm đóng trong một túp lều. Mitchell được trao cho một bức điện tín sau đây:

"Hoa Thịnh Đốn Tối Mật. Bộ trưởng hải quân gửi sĩ quan chỉ huy tại phi trường Henderson. Đô đốc Yamamoto cùng với đô đốc tham mưu và bảy tướng Nhật khác đã rời Truk sáng nay để thanh tra căn cứ Bougainville. Yamamoto và phái đoàn di chuyển trong hai chiếc Betty và có 6 chiếc Zekes hộ tống. Có thể có thêm phi cơ hộ tống theo nghi lễ danh dự từ Kahili. Yamamoto tới Rabaul vào

lúc 16:00 và nghỉ đêm tại đó. Sáng sớm sẽ rời đi Kahili và tới nơi khoảng 9:45. Sau đó Yamamoto sẽ lên chiếc tiềm thủy đình để thanh tra các đơn vị hải quân của đô đốc Tanaka."

"Sáng ngày 18-4, phi đội 339 có các phi cơ P.38 phải bay tới và tiêu diệt Yamamoto và đoàn tùy tùng bằng mọi giá. Các thùng xăng trừ bị sẽ từ Port Morseby tới nơi vào chiều ngày 17. Tin tình báo cho biết Yamamoto cực kỳ đúng giờ. Tổng thống coi cuộc hành quân này cực kỳ quan trọng. Thông báo kết quả ngay tức khắc về Hoa Thịnh Đốn.

Frank Knox bộ trưởng hải quân.

Tài liệu tối mật này không được sao chép lại và cũng không được lưu giữ; mà phải tiêu hủy ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ."

Mitchell gật đầu đồng ý, rồi cả ba sĩ quan được giao phó trọng trách này ngồi xuống, bàn thảo cách thi hành cuộc hành quân. Họ phải đương đầu với một số khó khăn. Họ dự định mở cuộc tấn công tại một điểm cách 30 dặm về phía đông phi trường Kahili. Nhưng nếu Yamamoto đúng giờ như thói thường của ông thì phi cơ tấn công Mỹ phải có mặt tại địa điểm đúng 9:35. Họ không biết tầm cao của phi cơ chở Yamamoto. Điều này rất quan trọng nếu muốn giữ được yếu tố bất ngờ. Họ lý luận rằng hai chiếc phi cơ Betty chở Yamamoto và đoàn tùy tùng không bay cao quá 10 ngàn bộ, bởi vì nếu bay cao quá thì Yamamoto và đoàn tùy tùng sẽ phải bắt buộc xử dụng mặt nạ dưỡng khí.

Mitchell quyết định sẽ dẫn đầu một toán 12 chiếc P.38 bay ở độ cao 20 ngàn bộ, để bảo vệ phía bên trên cho các phi cơ khác bay bên dưới, ở độ cao 11 ngàn bộ. Toán phi cơ bay bên dưới có nhiệm vụ ngăn chặn hai chiếc phi cơ chở Yamamoto và đoàn tùy tùng. Tất cả hai toán sẽ phải cất cánh đúng 7:20 sáng để bảo đảm họ sẽ tới gần phi trường Kahili đúng hai giờ và 15 phút sau đó. Đến 9 giờ tối hôm đó thì bốn chiếc Liberators đem tới những thùng xăng dự trữ đặc biệt, dùng cho phi vụ xa xôi đó.

Mãi sáng sớm hôm sau, việc gắn các thùng xăng đặc biệt vào các phi cơ mới hoàn tất. Sau bữa điểm tâm sơ sài, Mitchell dẫn các phi đội ra trước 18 chiếc P.38 đã sẵn sàng trên phi đạo, hai bên cánh mỗi chiếc P.38 đều mang theo những thùng xăng dự trữ đặc biệt. Đúng 7:20, chiếc P.38 đầu tiên cất cánh, phóng lên một bầu trời xanh biếc sau một đêm giông bão. Hai chiếc P.38 bị trục trặc kỹ thuật phải bỏ lại, và cuối cùng chỉ có 16 phi cơ P.38 bay được về hướng đảo Bougainville.

Ngày 17-4 có bão tố tại đảo Rabaul, nơi Yamamoto chủ tọa một cuộc họp quân sự, để dự thảo các kế hoạch tiếp tục cuộc chiến đấu với hải quân Mỹ. Cuộc họp này rất quan trọng, bởi vì theo Yamamoto thì quân đội Nhật đã rút lui khỏi Guadalcanal được hai tháng rồi và chắc chắn quân Mỹ đã có đủ thì giờ tập trung lực lượng để mở một cuộc tấn công mới. Người Mỹ hầu như đã sẵn sàng kế hoạch nhảy chiếm dần từng đảo một. Yamamoto cho rằng Nhật phải sẵn sàng đương đầu với bất cứ sự tiến quân nào của Mỹ, bất cứ từ phía nào.

Cuộc họp còn bàn từng chi tiết của kế hoạch đương đầu với quân Mỹ. Nhưng càng họp các đô đốc Nhật càng chỉ trích đổ lỗi cho nhau trong các thất bại vừa qua của Nhật. Trước tình cảnh đó, Yamamoto rất lo ngại. Chính vì để tránh sự buộc tội lẫn nhau của các cấp chỉ huy Nhật mà Yamamoto quyết định phải đích thân đi thăm các căn cứ và binh sĩ Nhật, mặc dù ông biết chuyến đi của ông rất nguy hiểm. Cuối cùng Yamamoto cũng làm cho các tư lệnh Nhật gấu ó nhau phải im lặng, nhưng ông cảm thấy cực kỳ lo ngại trước thái độ của họ.

Đêm đó Yamamoto ngồi chơi cờ GO với đại tá Watanabe, sĩ quan tham mưu của ông và cũng sẽ bay theo ông ngày hôm sau tới Bougainville. Nhưng chợt Yamamoto bảo Watanabe, "Ngày mai đại tá không cần phải đi theo tôi nữa, mà phải ở lại đây để hoàn tất các chi tiết của kế hoạch đương đầu với quân Mỹ, và giải quyết êm đẹp cuộc tranh chấp của các sĩ quan tư lệnh tại đây."

Sáng hôm sau, đúng 6 giờ sáng, Yamamoto khởi hành tiếp cuộc thanh tra từ đảo Rabaul trên chiếc oanh tạc cơ sơn sọc màu xanh lá cây để ngụy trang. Cùng trên chiếc oanh tạc cơ đó có thêm thiếu tá Ishizaki thư ký riêng của Yamamoto, đô đốc quân y Takata và sĩ quan tham mưu Tobana. Trong chiếc oanh tạc cơ thứ hai sơn màu ka-ki là tham mưu trưởng của Yamamoto, đô đốc Ugaki, cùng với đề đốc Kitamura và sĩ quan viễn thông là thiếu tá Muroi. Cả hai đô đốc Yamamoto và Ugaki đều ngồi vào chỗ của phi công chính, và việc lái do phi công phụ đảm trách.

Hai chiếc oanh tạc cơ bay trên một bầu trời xanh lơ, ngay bên trên các miệng núi lửa trong vịnh Rabaul, và bay đi Bougainville về hướng đông nam. Hai phi cơ bay rất sát nhau và sáu chiến đấu cơ Zekes bay theo hộ vệ tỏa ra bay chung quanh. Bốn chiếc Zekes bay bảo vệ hai bên tả hữu trong khi hai chiếc Zekes bay bên trên và hơi lùi lại phía sau. Khi trông thấy những bìa rừng của đảo Bougainville thì tất cả phi đội đều bay thấp xuống ở độ cao hai ngàn bộ để đề phòng bất trắc. Hai chiếc oanh tạc cơ chở Yamamoto và Ugaki dường như lẫn với màu rừng tại Bougainville. Lúc đó là đúng 9:30 và đoàn phi cơ của Yamamoto bay là là trên rừng cây và sắp tới phi trường Kahili, tại đó binh sĩ

Nhật đang sẵn sàng chờ đón Yamamoto vào đúng 9:45.

Trong khi đó đoàn phi cơ tấn công của Mitchell cũng vừa tới nơi. Khi Mitchell bốc phi cơ vọt lên cao độ 20 ngàn bộ thì các phi công trong đoàn của Yamamoto không để ý thấy chiếc P.38 này. Bốn phi công tấn công Mỹ là Lanphier, Barber, Holmes và Hine bắt đầu liệng bom những thùng xăng dự trữ đã dùng hết xuống biển. Rồi tất cả bốn chiếc chúc đầu xuống, phóng nhanh như những con diều hâu lao xuống bắt mồi. Khi các phi công hộ tống thấy các phi cơ P.38 thì họ ở cách phi cơ của Yamamoto khoảng một dặm.

Ngay lập tức hai chiếc phi cơ chở Yamamoto và Ukagi lao xuống sát rừng già để tìm sự an toàn trong khi các phi cơ Zekes hộ tống bay vọt lên chặn phi cơ Mỹ. Thoạt đầu Yamamoto và Ukagi không hiểu chuyện gì cả. Yamamoto và đoàn tùy tùng lo ngại quan sát khắp bầu trời, trong khi hai phi cơ bay quanh co như để tránh đạn và hạ thấp hẳn xuống đầu các bụi dừa, cách mặt đất khoảng 200 bộ và phi hành đoàn sửa soạn súng máy để nghênh địch.

Đúng 9:33, khi bốn chiếc P.38 lao xuống tấn công hai phi cơ địch và trông thấy dấu hiệu mặt trời trên cánh và cạnh phi cơ, Lanphier cho rằng chiếc Betty thứ hai sơn sọc màu xanh lá cây phải là chiếc chở Yamamoto. Lanphier liền phóng tới nhưng ba chiếc Zekes vội liệng bom các thùng xăng cho nhẹ và nhào xuống chiếc P.38 của Lanphier.

Thoạt đầu Lanphier mất dấu chiếc phi cơ chở Yamamoto, nhưng Lanphier quay lại tấn công ba chiếc Zekes đang phóng tới. Lanphier quật ra một tràng súng máy và hai chiếc Zekes màu vàng và màu xanh lá cây trúng đạn và rơi ngay xuống trước mắt Lanphier. Rồi ngay lúc ấy Lanphier trông thấy chiếc Betty sọc xanh lá cây đang hạ thấp xuống rừng già. Lanphier lao xuống với tốc độ 400 dặm một giờ đuổi theo. Khi chiếc P.38 bay ngang tầm ngọn cây thì chiếc phi cơ sọc xanh lá cây quay ngang, đưa mình vào đúng họng súng của Lanphier. Không chậm trễ một giây, Lanphier bấm nút khẩu đại pháo 22 và khẩu súng máy 13 ly. Một làn khói đen bốc lên từ đầu máy của chiếc phi cơ sọc xanh lá cây và lửa bắt đầu bùng lên. Ngay sau đó khói đen bốc lên khi cánh phi cơ bốc cháy. Chiếc phi cơ sọc xanh lá cây chở Yamamoto mất tốc độ và bay chậm chạp. Lanphier bay trở tới và thả thêm một loạt đạn nữa.

Chiếc phi cơ chở Yamamoto rung mình, và lao đảo trên các ngọn cây. Chiếc cánh không cháy đụng phải một cành cây và gãy gục. Rồi chiếc phi cơ đang cháy đó chúi xuống đất, rồi chồm lên một lần nữa trước khi nổ tung.

Đô đốc Ukagi ngồi trên chiếc phi cơ thứ hai và đã chứng kiến từ đầu đến cuối giây phút cuối cùng của danh tướng Yamamoto, và đã viết lại trong nhật ký như sau:

"Bỗng nhiên không thấy báo động mà máy phi cơ gầm lên rồi phi cơ lao xuống rừng già, ở độ cao khoảng 200 bộ. Không ai hiểu chuyện gì đã xảy ra cả. Rồi phi cơ của tôi bay là ngay bên trên cánh rừng già và chúng tôi trông thấy các chiến đấu cơ hộ tống bay vọt lên ngăn chặn các phi cơ tấn công của địch, mang dấu hiệu Lockheed Lightnings. Phi cơ địch đông hơn gấp ba lần phi cơ Nhật và phá vỡ được vòng phòng thủ của các phi cơ Zekes và tiến lại phía phi cơ chở chúng tôi. Hai phi cơ của chúng tôi vội quay hướng bay khoảng 90 độ để tránh phi cơ địch, một chiếc rẽ sang hướng phải và một chiếc quay sang trái."

"Vài phút sau tôi không nhìn thấy phi cơ chở đô đốc Yamamoto nữa, nhưng cuối cùng tôi xác định được vị trí của nó cách xa về bên tay phải. Tôi kinh hoàng trông thấy phi cơ đó bay rất chậm ngay trên ngọn cây và những ngọn lửa màu cam mau lẹ tràn ra bao trùm hai cánh và thân máy bay. Rồi phi cơ tuôn ra những làn khói đen dày đặc, và hạ thấp xuống mãi, chỉ cách chúng tôi khoảng bốn dặm. Khi phi cơ của tôi vượt bay lên, tôi có dịp quan sát toàn thể khu rừng. Chiếc Betty chở Yamamoto hoàn toàn mất dạng trong khi khói đen dày đặc tuôn lên từ cánh rừng già. Tất cả chỉ xảy ra trong khoảng chừng hai mươi giây và tôi biết rằng thế là hết rồi!"

Ngay sau đó, Ukagi không còn dịp quan sát hơn nữa, vì trung úy Rex Barber bắt đầu phóng tới tấn công phi cơ chở Ukagi. Phi công của Ukagi vội phóng chạy trốn nhưng Barber đã kịp khai hỏa và một phần đuôi của chiếc Betty chở Ukagi bị vỡ tung, mặc dù Barber đang bị một số chiến đấu cơ Zekes đuổi theo sát. Chiếc Betty thứ hai rơi nhào xuống biển. Hai đô đốc Ukagi và Kitamura và các sĩ quan khác trên chiếc Betty thứ hai đều bị thương nặng, nhưng được các tàu tuần tiễu của Nhật phóng lại cứu cấp và đem được ra ngoài chiếc phi cơ Betty bị phá hủy.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ bắn hạ hai chiếc oanh tạc cơ Betty, các trung úy Lanphier và Barber phải bay là là sát trên rừng già để tránh bị các chiến đấu cơ Zekes đuổi theo trả thù. Cả hai Lanphier và Barber may mắn thoát nạn nhưng chiếc P.38 của trung úy Ray Hine bị trúng đạn rơi xuống biển. Trong trận không chiến đó, ba chiếc Zekes của Nhật cũng bị bắn rơi.

Ngay khi các phi cơ P.38 bay ngược trở về Guadalcanal thì hàng loạt phi cơ Zekes bốc lên từ phi trường Kahili để đuổi theo. Tuy nhiên tất cả 15 chiếc P.38 còn lại đều chạy thoát, mặc dầu tất cả đều trúng rất nhiều đạn của các chiến đấu

cơ Zekes. Chiếc P.38 bị tổn hại ít nhất là chiếc của trung úy Lanphier, trên thân chiếc P.38 này người ta chỉ đếm được hai lỗ đạn.

Tin đô đốc Yamamoto bị bắn hạ đã là một tin chấn động làm tan nát lòng người Nhật. Người đầu tiên được nghe tin này là đô đốc Kakuda, chỉ huy mẫu hạm trong chiến dịch tại Aleutians. Kakuda vừa trở lại soái hạm của mình là chiếc mẫu hạm Hiyo, sau khi tham dự cuộc hội họp bàn thảo chi tiết trong kế hoạch ngăn chặn sức tiến công của quân Mỹ, do chính Yamamoto ra lệnh. Kakuda tái mét mặt khi đọc xong bản tin không may này, mặc dù ông là một sĩ quan nổi tiếng lòng dạ cứng rắn như sắt thép. Phản ứng đầu tiên của Kakuda là rời bỏ phòng chỉ huy trên mẫu hạm, trở về phòng riêng và khóa trái cửa nằm trong đó suốt một ngày, nhất định không tiếp chuyện bất cứ một người nào. Trong vòng vài phút sau khi phi cơ của Yamamoto bị bắn hạ, từng nhóm sĩ quan Nhật, nét đau đớn hiện hằn lên mặt, đứng nghiêm trên những chiến hạm tại Truk, chào lá cờ của Yamamoto được từ từ hạ xuống trên soái hạm Musashi.

Đó là phản ứng đầu tiên về phía Nhật. Trong khi đó dĩ nhiên là người Mỹ cực kỳ vui sướng. Đô đốc Halsey lập tức gửi một tín hiệu tới phi trưởng Henderson: "Ngợi khen Thiếu Tá Mitchell và các Thiện Xạ của ông ta. Một trong những con vịt bắn được của họ thực sự là một con công."

Người Mỹ rất căm thù Yamamoto vì những chiến công của ông suốt từ Trân châu cảng cho mãi tới Guadacanal. Bởi vậy khi tin ông bị bắn hạ được thông báo trong buổi họp của đô đốc Halsey thì các sĩ quan Mỹ nhảy lên reo hò sung sướng. Nhưng đô đốc Halsey nói một cách chua chát: "Chuyện này có gì đáng vui đâu? Ta đã hy vọng bắt sống được tên khốn kiếp này, xích hắn lại và dẫn đi diễn hành trên đại lộ Pennsylvania, trong khi các người tha hồ đá đá thì mới thực là thích thú."

Đại lộ Pennsylvania là một đại lộ quan trọng nhất tại Hoa Thịnh Đốn vì tòa Bạch ốc nằm ngay trên đại lộ này. Nhưng giấc mộng của Halsey muốn bắt sống được Yamamoto, trối lại rồi bắt đi diễn hành làm nhục trên đại lộ Pennsylvania có quá ngông cuồng không? Trong trận Mỹ Nhật chiến tranh, biết bao tướng lĩnh, đô đốc Nhật đã tự tử bằng nhiều cách để tránh cái nhục phải đầu hàng. Một quân nhân can trường thấm nhuần tinh thần võ sĩ đạo như Yamamoto dĩ nhiên không phải là một người sợ hãi cái chết, và tất nhiên ông không bao giờ để bị địch quân bắt sống trong trường hợp bại trận.

*

* *

Phòng Thu Từ Nay Khép Cửa

Hải quân Nhật tại Bougainville vẫn nuôi hy vọng Yamamoto không chết. Đại tá Watanabe, người may mắn thoát chết nhờ Yamamoto ra lệnh cho được ở lại Rabaul, vội vã lấy một phi cơ bay lượn tại chỗ máy bay của Yamamoto cháy. Watanabe viết một hàng chữ "Hãy vẫy khăn mặt nếu vẫn còn sống" vào một mảnh giấy và quần quanh những trái banh tennis và ném xuống. Watanabe cho máy bay bay lượn quanh chiếc phi cơ lâm nạn hàng giờ mà chẳng có ai vẫy khăn cả.

Đến chiều tối, một chiếc tàu hộ tống chở một trăm thủy thủ Nhật chạy ngược con sông từ Buin. Tới 11 giờ đêm họ tới được một địa điểm gần chiếc phi cơ lâm nạn. Tất cả lên bờ và phân làm hai toán, dùng mọi phương tiện phá rừng để tiến lại chỗ phi cơ, nhưng khu rừng ở đây rất rậm rạp và họ tiến rất chậm. Cho đến sáng ngày hôm sau, họ chỉ tiến lên được vài trăm thước. Rồi một phi cơ bay lượn bên trên ra lệnh cho họ phải quay về, vì người ta đã tìm được xác của Yamamoto rồi.

Đó là công của trung úy Hamasuna. Trong một chuyến đi tuần phòng thường lệ, Hamasuna được thổ dân biết đường dẫn vào nơi máy bay bị nạn. Hamasuna tìm thấy được xác của Yamamoto văng ra ngoài và đã cháy đen rồi. Tất cả đều bị cháy đen ngoại trừ xác của đô đốc Takata là còn nhận diện được. Thổ dân làm những chiếc cáng bằng tre và đặt xác của Yamamoto và đoàn tùy tùng lên, và khiêng tới cửa sông tại Buin. Một bác sĩ khám nghiệm và xác nhận Yamamoto bị trúng đạn vào đầu và vai, và có thể chết trước khi phi cơ đâm xuống rừng già.

Chiếc tàu hộ tống chở xác chết về Bougainville, tại đó các thủy thủ đã khiêng xác Yamamoto và đoàn tùy tùng làm một cuộc diễu hành tang lễ rất buồn, lên đỉnh một ngọn núi gần đó. Ngay tại đỉnh ngọn núi này, xác của Yamamoto được đặt vào một huyệt mộ đào vội vàng. Các xác khác cũng được đặt bên cạnh xác của Yamamoto. Người ta lấy lá dừa và các cành cây khác phủ lên xác chết, rồi tưới dầu xăng lên để hỏa thiêu. Tất cả thủy thủ đứng nghiêm chỉnh chào trong khi ngọn khói bốc tỏa lên bầu trời trong xanh của Thái Bình Dương. Trong khoảng nửa giờ, tất cả các xác chết trở thành tro hết.

Đại tá Watanabe xúc cốt tro của Yamamoto vào trong một chiếc hộp gỗ thông. Một tảng đá thô sơ được ghi khắc tên và ngày giờ chết của Yamamoto và được dựng lên ngay tại chỗ thiêu xác. Một nhóm sĩ quan trồng một cây đa bên cạnh để tưởng niệm và cũng để biểu tượng cho sự vĩ đại của Yamamoto. Watanabe ôm hộp cốt tro của Yamamoto bay về Truk, tại đó cũng có một nghi lễ long trọng nửa trước khi cốt tro được tiếp tục đem về Đông Kinh.

Mặc dầu cái chết của Yamamoto là nỗi đau buồn lớn lao cho người Nhật và cũng là niềm đại hân hoan cho người Mỹ, nhưng các chi tiết về cái chết của Yamamoto vẫn được dấu kín trong khi chiến tranh vẫn tiếp diễn. Trung úy Lanphier, người có công bắn hạ phi cơ chở Yamamoto, được thăng chức đại úy, và được thưởng huy chương hải quân. Ngoài ra Lanphier còn nhận được điện văn khen ngợi của chính tổng thống Roosevelt.

Các tin tức về chiến công của Lanphier tạm thời được dấu kín vì hai lý do. Trước hết, người Mỹ sợ rằng nếu công bố chi tiết về việc ám sát được Yamamoto thì người Nhật sẽ đoán biết người Mỹ đã đọc được mật mã của hải quân Nhật, và sẽ thay đổi mật mã khác thì bất lợi cho Mỹ. Chính đô đốc Halsey lo ngại đến nỗi ra lệnh cho các phóng viên phải im lặng và chuyển tất cả các phi công trong vụ phục kích Yamamoto ra khỏi Thái Bình Dương. Lý do thứ hai là ngay sau đó em trai của Lanphier, cũng là một phi công, đã bị bắn rơi tại phi trường Kahili và bị Nhật bắt làm tù binh. Người Mỹ sợ rằng người Nhật sẽ trả thù Lanphier bằng cách hành hạ hoặc giết em trai của Lanphier.

Về phía Nhật thì mãi hơn một tháng sau khi Watanabe đem tro cốt của Yamamoto về Đông kinh, ngày 21-5 đài phát thanh Nhật Bản mới công bố về cái chết của Yamamoto. Bản tin đầu tiên nghe thấy trên đài phát thanh Đông Kinh như sau: "Đô đốc Yamamoto trong khi chỉ huy chiến thuật tại tiền tuyến vào tháng Tư năm nay, đã giao chiến với địch quân và oanh liệt đền nợ cho tổ quốc bằng một cái chết anh dũng." Bản tin có thể dài hơn nữa, nhưng khi đọc đến đó, xướng ngôn viên nghẹn ngào và òa khóc.

Ngày hôm sau, đài phát thanh loan tin tiếp, "Khi Thiên Hoàng nhận được tin tức về cố đô đốc Yamamoto ngày 20-4, Thiên Hoàng đã phong cho Yamamoto từ tước hiệu Tư Lệnh Các Hạm Đội lên tước hiệu Đại Đô Đốc." Đài phát thanh còn loan báo tang lễ của đại đô đốc Yamamoto sẽ được cử hành theo nghi lễ Quốc Táng. Đó là lễ quốc táng thứ 12 trong suốt lịch sử của Nhật Bản. Chỉ một đô đốc khác của Nhật được hưởng quốc táng là đô đốc Togo, người anh hùng đánh bại hải quân Nga tại eo biển Đối Mã.

Sau thông cáo của đài phát thanh Đông Kinh, tại Hoa kỳ người ta đã phỏng đoán rất nhiều về con người Yamamoto và cái chết của ông. Tờ Nữ Ước Thời Báo căn cứ vào tin của đài Đông Kinh đã kết luận rằng Yamamoto không chết ngay trong cuộc phục kích, mà về sau mới chết vì các vết thương. Cái chết của Yamamoto càng trở nên bí ẩn vì người ta biết rằng trong suốt tháng Tư không có một trận đánh lớn nào tại miền nam Thái Bình Dương. Nhiều người cho rằng Yamamoto chết vì máy bay gặp tai nạn, người khác cho rằng ông chết bằng cách mổ bụng tự sát.

Tại Nhật Bản, cốt tro của Yamamoto được tách ra làm hai phần để được tổ chức hai đại tang lễ. Chưa bao giờ có quang cảnh cả nước để tang như vậy, kể từ ngày đô đốc Nelson của Anh quốc tử trận tại trận Trafalgar khoảng hai trăm năm trước. Vào một ngày tháng sáu quang đấng, hầu như toàn thể dân chúng Đông Kinh ra đường tham dự tang lễ của Yamamoto. Riêng Nhật Hoàng không tham dự. Nhật Hoàng không tham dự tang lễ của bất cứ ai, vì thân phận Nhật Hoàng được đặt cao hơn sự sống chết của người đời. Nhưng tất cả mọi nhân vật quan trọng trong chính phủ và ngoài chính phủ đều tập trung tại Công viên Hibiya tại trung tâm Đông Kinh, và đi lặn lễ tới nghĩa trang Tamabuchi, tại đó Yamamoto được nằm yên nghỉ bên cạnh ngôi mộ của đô đốc Togo.

Trong cái đám đông cả triệu khách chịu tang ấy, không ai để ý tới một nàng ca kỹ khóc âm thầm đi theo dòng người vào nghĩa trang. Người đó là Kikuji, người tình yêu dấu của Yamamoto kể từ khi hai người gặp nhau lần đầu từ trên mười năm trước. Kể từ đó Kikuji đã là một phần đời không thể thiếu được của Yamamoto. Yamamoto tuy yêu Kikuji rất mực, nhưng đã giữ được quân bình giữa tình yêu và nhiệm vụ. Ông không bao giờ vì quá yêu Kikuji mà quên bổn phận, trái lại mỗi tình ấy đã giúp ông thêm nghị lực trong cuộc phấn đấu với quá nhiều khó khăn trong nhiệm vụ vĩ đại của ông.

Từ xưa anh hùng và giai nhân đã là một hình ảnh rất đẹp. Nhưng mối tình Yamamoto-Kikuji còn là một tình sử hiếm hoi. Kikuji không bao giờ ảnh hưởng vào việc quốc gia đại sự, cái gánh nặng đang đè nặng lên vai người tình của mình. Nàng đã biết tự xóa mình, để chỉ là một cái bóng mờ bên cạnh người anh hùng dân tộc, kín đáo hầu hạ Yamamoto mà không đòi hỏi gì cả, kể cả tiền bạc và quyền làm vợ. Khi được tin sét đánh Yamamoto đền nợ nước, Kikuji bàng hoàng như một người bỗng hẫng chân, không còn một điểm tựa nào để sống nữa. Quả thực cuộc đời này không còn gì lưu luyến nàng nữa, khi người yêu của nàng, một bậc đại anh hùng đã sống và đã chết cho tổ quốc. Có thể Kikuji đã muốn chết theo Yamamoto, nhưng nàng chọn một quyết định can đảm hơn: phải tiếp tục sống để mà đau đớn và tưởng nhớ người yêu. Sau tang lễ của Yamamoto, Kikuji lui về ở ẩn, khép cửa phòng thu không tiếp, không gặp bất cứ một người nào nữa. Nàng sợ rằng nếu nàng cũng chết đi thì trên đời này không còn ai tưởng nhớ đến chàng nữa. Kikuji đã sống một cuộc đời lặn lẽ một mình như thế, để tang Yamamoto cho đến hết cuộc đời.

Một tang lễ thứ hai cho Yamamoto được cử hành một cách trang trọng và cảm động hơn nữa tại Nagaoka, quê hương của Yamamoto. Tang lễ này cử hành sau lễ quốc táng tại Đông Kinh một ngày. Bộ quân phục và thanh kiếm của Yamamoto được đặt trên một cây cột cùng với cái bình đựng một phần cốt tro của ông. Trong suốt một tuần lễ, 650 ngàn người, mặt đầm đìa nước mắt, lặn

lễ cúi đầu đi qua cây cột. Rồi ông được chôn bên cạnh mộ phần của thân phụ trong khuôn viên một ngôi đền Phật giáo, bên ngoài một thị trấn nhỏ mà trước kia thân phụ ông là một giáo viên.

Nghĩa trang này cũng không xa những cánh đồng trồng lúa và những vườn dâu, một khung cảnh quen thuộc của miền quê Nhật Bản. Chính tại đây Yamamoto đã dạo chơi trong tuổi thơ ấu và ông đã từng ao ước được chôn tại đây. Trên ngôi mộ của ông là một bia mộ rất đơn giản theo đúng như ông muốn. Bia mộ này ngắn hơn bia mộ của thân phụ ông hai phân, theo lời căn dặn trước của ông.

Đến tháng 12-1943, người ta tạc một bức tượng ông to bằng người thật và dựng lên tại trường phi hành Kasumigaura, nơi ông đã từng làm chỉ huy trưởng. Năm 1945 sau khi Nhật Bản đầu hàng, tướng MacArthur ra lệnh triệt hạ tất cả mọi tượng tướng lãnh Nhật tại khắp Nhật Bản. Các sĩ quan hải quân liền chĩa súng của Yamamoto làm hai khúc và thả xuống một cái hồ gần đó, và cẩn thận đánh dấu chỗ giấu tượng. Mười năm sau người ta vớt tượng của ông lên. Một số bạn thân của ông mua bức tượng đó và đem đặt vào trong một đền thờ Phật giáo. Năm 1956, một trong các đồ đốc dưới quyền của ông đã bỏ tiền di chuyển tượng của ông về quê hương Nagaoka của ông. Hiện nay bức tượng này đứng trong một công viên do dân chúng tự động quyên tiền thành lập làm nơi kỷ niệm cho ông. Bên cạnh tượng của ông là mẫu hình ngôi nhà nhỏ bằng gỗ, nơi ông chào đời. Căn nhà nguyên thủy của gia đình ông đã bị phi cơ Mỹ oanh tạc thiêu hủy năm 1945.

Ngày nay ít người còn nhớ tới đài tưởng niệm khác của ông bên cạnh ngôi mộ của đồ đốc Togo tại Đông Kinh. Tuy nhiên hàng tuần vẫn có một người trên đường đi làm, ghé vào và thận trọng rút khăn tay bằng lụa ra lau chùi bia mộ của ông. Người đó chính là cựu đại tá Watanabe, người đã đem tro cốt của ông về Nhật, và hiện đang làm việc cho một công ty xuất cảng của Mỹ. Watanabe là một trong một số ít người còn lưu tâm tới nơi yên nghỉ cuối cùng của Yamamoto.

Trong nước Nhật Bản tân tiến và bận rộn ngày nay, huyền thoại về danh tướng Yamamoto dường như đã bị quên lãng. Giới trẻ ngày nay không nghe biết gì về người anh hùng mà thế hệ cha chú của họ từng sùng kính. Yamamoto là một đồ đốc vĩ đại, vượt lên hơn hẳn các đồ đốc khác đồng thời của ông. Ông là một chiến lược gia can đảm và xuất chúng. Những tiên đoán của ông về trận Trân châu cảng rất chính xác. Đây là cơ hội duy nhất của ông để có thể đánh bại hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ. Tư tưởng quân sự của ông đi trước thời đại của ông, và trước các chiến lược gia khác, cả Nhật và Mỹ. Ông đã mở một cuộc chiến không theo các quy ước cổ điển.

Biết rõ nhược điểm của hải quân Nhật như ông, nên ông cho rằng cơ hội chiến thắng duy nhất của Nhật là đánh một trận thần tốc bất ngờ. Đó là một kế hoạch tuyệt luân và may mắn khi thi hành, không bị phát giác trong lúc bên địch không thể tưởng một cuộc tấn công như thế có thể xảy ra được. Điều không may duy nhất là các mẫu hạm Mỹ không có mặt tại Trân châu cảng để ông tiêu diệt. Chính vì thế Yamamoto mắc phải một yếu điểm mà chính Nã Phá Luân cũng mắc phải. Mỗi khi định chọn bổ nhiệm một cấp tư lệnh nào, ông không quan tâm tới kinh nghiệm chiến đấu hoặc khả năng của người đó. Trái lại ông chỉ hỏi "Ông ta có may mắn không?" Bởi vì Yamamoto và Nã Phá Luân đều hiểu rất rõ rằng trong những trận đánh lớn, khi mà hai địch thủ tương đương với nhau về sức mạnh thì bên nào may mắn sẽ chiến thắng.

Trong những trận đánh sau này, Yamamoto không gặp may nữa. Điều không may quan trọng nhất là người Mỹ đã khám phá được mật mã của Nhật, và người Nhật không hề nghi ngờ gì về điểm này. Ngay cả khi được tin người Mỹ đọc được tín hiệu của Nhật, đô đốc Ukagi cũng không chịu tin như thế. Một điều không may thứ hai là Yamamoto đã giao cho đô đốc Nagumo chỉ huy trực tiếp các mẫu hạm trong trận đánh tại Midway. Nagumo đã thất bại trong trận đánh này và một số mẫu hạm của Nhật bị đánh chìm. Trận Midway đã thay đổi hẳn cục diện chiến tranh tại Thái Bình Dương, đưa tới việc bại trận của Nhật.

Giả dụ người Mỹ không khám phá được mật mã của Nhật và do đó không chiến thắng tại Midway thì Yamamoto có thể đánh bại hải quân Mỹ tại Thái Bình Dương, và Hawaii đã bị Nhật chiếm và hải quân Nhật sẽ tới tận bờ biển phía tây của Mỹ, và Mỹ sẽ không thể trợ giúp Âu Châu được khi hải quân Nhật còn là mối lo ngại tại cửa ngõ của Mỹ. Ít nhất Yamamoto cũng có thể đạt được một thỏa hiệp hòa bình với Mỹ, như ông vẫn ước vọng.

Trận Midway là một trận thủy chiến lớn đầu tiên và cuối cùng trong đó sự thắng bại tùy thuộc vào mẫu hạm. Yamamoto đã mở một trang sử mới về chiến tranh hải quân, nhưng là một trang sử rất ngắn, vừa mở ra đã khép lại ngay, với cái chết của ông. Dù sau các thất bại tại Midway và Guadalcanal, nếu Yamamoto không chết trong trận phục kích tại Bougainville thì cục diện Thái Bình Dương cũng khác đi. Yamamoto có thể chuyển bại thành thắng, và tinh thần chiến đấu của hải quân Nhật sẽ cao hơn nếu Yamamoto còn sống và vẫn là tư lệnh của họ. Chính đô đốc Nimitz của Mỹ cũng phải kiêng nể Yamamoto và thường công nhận Yamamoto là kẻ thù đáng sợ nhất trong đời ông.

Yamamoto quả thật là một thiên tài về hải chiến và ông đã đi trước người đồng thời của ông. Ông đã làm chủ Thái Bình Dương trong suốt một năm rưỡi, và trong trận đánh Guadalcanal trước khi ông chết, Yamamoto đã tỏ tài quân sự

quán thể của ông trong công cuộc triệt thoái được 13 ngàn quân Nhật ra khỏi Guadacanal mà chỉ bị những thiệt hại rất nhỏ. Đây là một kỳ công của Yamamoto, vì rút quân khó hơn là tiến quân. Giống như những nhà lãnh đạo quân sự đại tài khác, Yamamoto bao giờ cũng tự mình làm gương cho người khác, và bao giờ cũng nắm vững mọi chi tiết, dù lớn hay nhỏ. Ông đòi hỏi mọi cấp binh sĩ phải tập luyện để có đủ khả năng thực hiện được nhiệm vụ của mỗi người.

Người Nhật thương tiếc cái chết của ông, nhưng thực ra cái chết của ông phản ánh đúng sự tiên đoán của ông. Yamamoto vẫn thường tin rằng ông không sống sót trận chiến tranh tại Thái Bình Dương, một trận chiến mà ông bắt buộc phải thi hành, và lúc nào ông cũng muốn làm bạn với người Mỹ. Tuy nhiên cái chết bất thành lình của ông có thể giúp ông tránh cái nhục phải trông thấy nước Nhật bại trận. Điều đó đối với ông có lẽ còn đau đớn hơn cái chết nữa.

Cuộc đời binh nghiệp của Yamamoto thật là hoàn hảo, hoàn hảo theo quan niệm của một võ sĩ đạo. Ông đã đạt tới tột đỉnh của binh nghiệp khi được phong làm Đô đốc Tư lệnh Liên Hạm đội Nhật, và chinh phục được niềm tin và kính nể của toàn thể quân dân Nhật Bản. Cái chết của ông là một cái chết vinh dự cho một bậc anh hùng: được tử trận ngoài chiến trường thay vì chết già trên giường bệnh. Được chết trong lúc đang thi hành phận sự một quân nhân là điều ông thường mong mỏi, như ông đã từng viết trong một bài thơ cuối cùng của ông:

Ta vẫn là một thanh kiếm
Của Thiên Hoàng
Ta sẽ không cắm vào vỏ kiếm
Cho đến khi ta chết.

Cuộc đời Yamamoto chỉ có một mục đích: phục vụ tổ quốc và Nhật Hoàng. Ông đã đạt được mọi ý nguyện, kể cả trong cái chết của ông.

Hết

Nguồn: <http://www.todiep.com/Yamamoto-1.htm>

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 09/08/2009 1:18:59 SA